

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	1
Phần I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề	1
2. Tổng quan chung	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	13
Tiêu chuẩn 1	13
<i>Mở đầu</i>	13
Tiêu chí 1.1	13
Tiêu chí 1.2	17
Tiêu chí 1.3	20
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	24
Tiêu chuẩn 2	25
<i>Mở đầu</i>	25
Tiêu chí 2.1	25
Tiêu chí 2.2	27
Tiêu chí 2.3	30
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	31
Tiêu chuẩn 3	31
<i>Mở đầu</i>	31
Tiêu chí 3.1	32
Tiêu chí 3.2	34
Tiêu chí 3.3	39
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	41
Tiêu chuẩn 4	41
<i>Mở đầu</i>	41
Tiêu chí 4.1	42
Tiêu chí 4.2	45
Tiêu chí 4.3	50
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	53
Tiêu chuẩn 5	54

Mở đầu	54
Tiêu chí 5.1	54
Tiêu chí 5.2	57
Tiêu chí 5.3	59
Tiêu chí 5.4	64
Tiêu chí 5.5	66
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	68
Tiêu chuẩn 6	69
Mở đầu	69
Tiêu chí 6.1	70
Tiêu chí 6.2	73
Tiêu chí 6.3	77
Tiêu chí 6.4	79
Tiêu chí 6.5	82
Tiêu chí 6.6	86
Tiêu chí 6.7	91
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	94
Tiêu chuẩn 7	94
Mở đầu	95
Tiêu chí 7.1	95
Tiêu chí 7.2	98
Tiêu chí 7.3	101
Tiêu chí 7.4	104
Tiêu chí 7.5	106
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	109
Tiêu chuẩn 8	110
Mở đầu	110
Tiêu chí 8.1	110
Tiêu chí 8.2	113
Tiêu chí 8.3	115
Tiêu chí 8.4	118
Tiêu chí 8.5	121
Kết luận về Tiêu chuẩn 8	124

Tiêu chuẩn 9	125
<i>Mở đầu</i>	125
Tiêu chí 9.1	125
Tiêu chí 9.2	131
Tiêu chí 9.3	134
Tiêu chí 9.4	138
Tiêu chí 9.5	141
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	144
Tiêu chuẩn 10	145
<i>Mở đầu</i>	145
Tiêu chí 10.1	145
Tiêu chí 10.2	149
Tiêu chí 10.3	151
Tiêu chí 10.4	155
Tiêu chí 10.5	158
Tiêu chí 10.6	160
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	162
Tiêu chuẩn 11	163
<i>Mở đầu</i>	163
Tiêu chí 11.1	163
Tiêu chí 11.2	166
Tiêu chí 11.3	169
Tiêu chí 11.4	172
Tiêu chí 11.5	175
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	177
Phần III. KẾT LUẬN	178
Phần IV. PHỤ LỤC	198

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ ĐẦY ĐỦ
1	BGH	Ban Giám hiệu
2	CBGV	Cán bộ cán bộ giảng viên
3	CBQL	Cán bộ quản lý
4	CĐR	Chuẩn đầu ra
5	CĐR	Chuẩn đầu ra
6	CNTT	Công nghệ thông tin
7	CSVC	Cơ sở vật chất
8	CHDC	Cộng hòa dân chủ
9	CTDH	Chương trình dạy học
10	CTĐT	Chương trình đào tạo
11	CVHT	Cổ vấn học tập
12	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
13	ĐCHP	Đề cương học phần
14	ĐHCQ	Đại học chính quy
15	ĐHSP	Đại học Sư phạm
16	ĐGN	Đánh giá ngoài
17	GDTC	Giáo dục thể chất
18	GDH	Giáo dục học
19	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
20	GV	Giảng viên
21	GS, PGS	Giáo sư, Phó giáo sư
22	HĐT	Hội đồng trường
25	HP	Học phần
26	HTQT	Hợp tác quốc tế
27	HV	Học viên
28	KHCL	Kế hoạch chiến lược
29	KHCN	Khoa học công nghệ
30	KTX	Ký túc xá
31	KT-XH	Kinh tế xã hội
32	MC	Minh chứng
33	NCKH	Nghiên cứu khoa học
34	NCV	Nghiên cứu viên
35	NH	Người học
36	NLĐ	Người lao động
37	PVCD	Phục vụ cộng đồng
38	QLGD	Quản lý giáo dục
39	SĐH	Sau đại học
40	SV	Sinh viên
41	TDTT	Thể dục thể thao
42	TĐG	Tự đánh giá
43	THPT	Trung học phổ thông
44	ThS	Thạc sĩ
45	TS	Tiến sĩ
46	TCCB	Tổ chức cán bộ

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Tự đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) ngành giáo dục thể chất (GDTC) là một khâu, một nhiệm vụ quan trọng trong việc ĐBCL CTĐT, xây dựng văn hóa chất lượng bên trong của Nhà trường; giúp Nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn; Là một tiêu chí quan trọng, một điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

a. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành GDTC bao gồm 4 phần:

+ Phần I: Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng đã mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, ban, phòng, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục là: (1) Mô tả hiện trạng - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động và (5) Tự đánh giá.

+ Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ Phần IV: Phụ lục bao gồm bảng tổng hợp kết quả đánh giá CTĐT theo công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Bộ GDĐT ngày 31/12/2020, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh

chúng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành GDTC dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GDĐT ban hành. CTĐT ngành GDTC được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và PP tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 tự đánh giá về đội ngũ CB, giảng viên, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong việc nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học (NCKH); tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành GDTC.

Các tiêu chuẩn, tiêu chí đều có một hệ thống minh chứng (MC) đi kèm. Cách mã hóa thông tin, MC trong Báo cáo TĐG như sau:

Mã hóa MC: Đối với từng tiêu chí trong tiêu chuẩn, nội dung mô tả có MC kèm theo. Mã thông tin và mã MC được ký hiệu bằng chuỗi gồm các ký tự: theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef.**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong một hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15, ...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất tiêu chí 1 của tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1

H3.03.02.10: là MC thứ 10 tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3

H4.04.03.21: là MC thứ 21 tiêu chí 03 của tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4

H8.08.02.08: là MC thứ 8 tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 8, được đặt ở hộp 8

H10.10.02.05: là MC thứ 5 tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10

b. Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ tự đánh giá

Mục đích tự đánh giá: Hoạt động TĐG chất lượng CTĐT ngành GDTC giúp Nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng thực hiện CTĐT ngành GDTC, lập và triển khai kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng các CTĐT của Nhà trường nói chung và CTĐT ngành GDTC nói riêng, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn. TĐG là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài CTĐT ngành GDTC với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, trên cơ sở đó đăng ký được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng. TĐG cũng thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Quy trình TĐG chất lượng CTĐT ngành GDTC được thực hiện theo đúng *Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo*. Quy trình TĐG thực hiện các bước sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;
- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;
- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và đóng góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp và công cụ tự đánh giá: CTĐT ngành GDTC được TĐG theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn khác. Các hoạt động trong TĐG được thực hiện dựa trên các tài liệu hướng dẫn về đảm bảo chất lượng CTĐT giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT, Cục Quản lý chất lượng và Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

Để triển khai thực hiện hoạt động TĐG chất lượng CTĐT ngành GDH, ngày 29 tháng 4 năm 2024, Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội đã ra Quyết định thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành GDH với 25 thành viên. Thành phần Hội đồng TĐG bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng; Hai Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng; Các thành viên gồm: Trưởng, phó các Phòng, Khoa, Trung tâm, đại diện GV, HV có uy tín tham gia các hoạt động đào tạo và NCKH liên quan đến CTĐT ngành GDH.

Nhà trường thành lập Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng TĐG. Ban thư ký gồm 13 thành viên, trong đó Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế phụ trách mảng đảm bảo chất lượng được chỉ định làm Trưởng ban. Nhà trường cũng thành lập 06 nhóm công tác chuyên trách cho hoạt động TĐG. Mỗi nhóm công tác chuyên trách có 5 người, đảm nhiệm từ 1 đến 2 tiêu chuẩn và do một thành viên của Hội đồng TĐG làm trưởng nhóm. Mỗi thành viên của Ban Thư ký tham gia vào một nhóm công tác chuyên trách, đảm nhiệm vai trò thư ký nhóm. Nhà trường phổ biến rộng rãi chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, viên chức, sĩ quan, người lao động và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT ngành GDTC và các đơn vị liên quan trong trường. Được sự phân công của Nhà trường, phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế chịu trách nhiệm xây dựng tài liệu hướng dẫn TĐG CTĐT, phổ biến tài liệu tới từng thành viên Hội đồng TĐG và các nhóm công tác chuyên trách, tập huấn quy trình và kỹ thuật TĐG CTĐT cho các thành viên của nhóm công tác chuyên trách. Đồng thời, phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế bố trí nhân sự để sẵn sàng thực hiện các tư vấn, hỗ trợ cần thiết cho hoạt động của các nhóm công tác.

Hội đồng TĐG xây dựng kế hoạch TĐG, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng và nhiệm vụ của mỗi nhóm công tác chuyên trách. Căn cứ vào kế hoạch chung của Hội đồng TĐG, nhóm công tác lập kế hoạch làm việc của nhóm, phân công thành viên phụ trách chính cho các tiêu chuẩn, tiêu chí. Các thành viên nhóm công tác nghiên cứu các văn bản hướng dẫn TĐG, phân tích nội hàm các tiêu chí, lập dự thảo Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng của tiêu chí được phân công. Nhóm công tác tiến hành họp thảo luận, thống nhất Phiếu phân tích tiêu

chí, tìm thông tin, minh chứng. Căn cứ vào Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng, các nhóm công tác tiến hành thu thập thông tin và minh chứng, kiểm tra độ tin cậy, tính xác thực, mức độ phù hợp và liên quan đến tiêu chí, thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần. Nhà trường cũng yêu cầu các đơn vị, cá nhân trong trường phối hợp chặt chẽ với các nhóm công tác, cung cấp đầy đủ các thông tin, minh chứng theo yêu cầu của nhóm công tác.

Sau khi thu thập thông tin, minh chứng, thành viên nhóm công tác tiến hành xử lý, phân tích, tổng hợp để làm minh chứng cho các nhận định đưa ra trong báo cáo TĐG. Dựa vào thông tin, minh chứng, thành viên nhóm công tác viết Phiếu đánh giá tiêu chí. Các Phiếu đánh giá tiêu chí được thư ký nhóm tổng hợp để xây dựng Báo cáo tiêu chuẩn. Kết quả TĐG được trình bày thành dự thảo Báo cáo TĐG chất lượng CTĐT ngành GDH. Dự thảo Báo cáo TĐG được thư ký Hội đồng xây dựng dựa trên Báo cáo tiêu chuẩn của các nhóm công tác, được Hội đồng TĐG thảo luận, được chỉnh sửa lần thứ nhất căn cứ trên ý kiến của các thành viên. Sau khi được chỉnh sửa lần thứ nhất, dự thảo Báo cáo TĐG tiếp tục được công bố trong nội bộ Nhà trường để cán bộ, GV, nhân viên, học viên, SV đọc và cho ý kiến. Báo cáo TĐG tiếp tục được điều chỉnh, hoàn thiện dựa trên các ý kiến thu được sau khi công bố dự thảo Báo cáo TĐG. Sau khi hoàn thành đợt TĐG, Hội đồng TĐG nộp dự thảo Báo cáo TĐG cho Nhà trường. Báo cáo TĐG được Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu, được lưu trữ tại Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế cùng toàn bộ hồ sơ liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Bản sao báo cáo TĐG được lưu trữ trong thư viện, được phép mượn và sử dụng theo quy định của Nhà trường. Báo cáo TĐG được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

2. Tổng quan chung

** Giới thiệu về Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội*

Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, tiền thân là trường TDTT, thuộc Bộ Giáo dục, thành lập ngày 27/02/1961 (tại Quyết định số: 99/QĐ, ngày 27/02/1961 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền, ký QĐ).

Trải qua hơn nửa thế kỷ, Trường đã có nhiều lần được thay đổi tên gọi cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ. Ngày 04/11/1961, Trường TDTT được đổi tên thành:

Trường Trung cấp TDTT (Tại Quyết định số: 790/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền ký QĐ). Đầu năm 1967: Bộ Giáo dục có Quyết định số 102/QĐ, ngày 03/4/1967 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền, ký quyết định thành Trường Sư phạm Trung cấp TDTT, sau đổi tên thành: Trường Sư phạm Thể dục TW.

Năm 1968: Bộ Giáo dục có quyết định thành lập tại Trường Sư phạm Thể dục TW lớp Âm nhạc (Tại Quyết định số 191/QĐ, ngày 06/6/1968, do Thứ trưởng Lê Liêm, ký QĐ).

Năm 1970: Bộ Giáo dục có Quyết định số: 164/QĐ, ngày 07/3/1970, do Thứ trưởng Võ Thuận Nho, ký QĐ v/v thành lập phân hiệu Hệ sư phạm Hóa và thành lập phân hiệu Hệ sư phạm Nhạc, đặt trong hệ của Trường Sư phạm Thể dục TW.

Sau khi Trường có thêm 02 phân hiệu Hệ Sư phạm Nhạc và Hệ Sư phạm Hóa. Cuối năm 1971: Bộ Giáo dục có Quyết định số 1499/QĐ, ngày 27/12/1971, do Thứ trưởng Lê Liêm, ký QĐ đổi tên Trường Sư phạm Thể dục TW thành: Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Hóa TW.

Đến năm 1972: Bộ Giáo dục có Quyết định số 731/QĐ, ngày 18/10/1972, do Thứ trưởng Lê Liêm, ký chia tách Trường Sư phạm Thể dục, Nhạc, Hóa TW thành 02 trường: đó là Trường sư phạm Thể dục TW và Trường sư phạm Nhạc, Hóa TW.

Đến năm 1973: Bộ Giáo dục có Quyết định số: 209/QĐ, ngày 31/3/1973 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền, ký quyết định hủy bỏ quyết định số 731/QĐ, ngày 18/10/1972 v/v chia tách Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Hóa TW thành 02 trường nói trên, trở lại thành một trường theo tên gọi cũ là: Trường Sư phạm Thể dục-Nhạc-Hóa Trung ương.

Vào đầu năm 1981: Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Hóa TW, được nâng cấp và đổi tên thành: Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục - Nhạc - Hóa Trung ương.

Năm 1985, tại QĐ số: 261/HĐBT, ngày 07/11/1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) do Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Tổ Hữu, ký quyết định chia tách Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục - Nhạc - Hóa TW thành 02 trường, đó là: Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục TW số 1 và Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc - Hóa TW.

Năm 2003, tại Quyết định số: 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 do Phó Thủ tướng

Chính phủ Phạm Gia Khiêm, ký quyết định nâng cấp và đổi tên Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục TW số 1 thành Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Tây.

Năm 2008, tại Quyết định số: 1647/QĐ-TTg, ngày 14/11/2008 do Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân, ký quyết định đổi tên Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Tây thành Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.

Tên tiếng việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Tên tiếng anh: Hanoi University Of Physical Education and Sports

* *Sứ mạng*: Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo dục thể chất, thể dục thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về giáo dục thể chất, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập.

* *Tầm nhìn*: Đến năm 2030 sẽ trở thành trường đa ngành, có uy tín về đào tạo giáo dục thể chất, thể dục thể thao, giáo dục quốc phòng và an ninh; chăm sóc sức khỏe, đào tạo tài năng thể thao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng.

* *Giá trị cốt lõi*: Chất lượng – Mô phạm – Sáng tạo – Phát triển

* *Triết lý giáo dục*: Cùng nhau kiến tạo cơ hội

- Địa chỉ: Xã Phụng Châu - Huyện Chương Mỹ - Thành phố Hà Nội

- Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường: <https://hupes.edu.vn>

- Địa chỉ các trang mạng xã hội của trường:

<https://www.facebook.com/SPTDTTHN>

<https://www.youtube.com/chanel/UCENsiWGDO618Lro0dT8JN6O>

Điện thoại liên hệ: 02433.866.899 hoặc 024337.194.23

* *Những phần thưởng cao quý được Đảng và Nhà nước trao tặng cho Nhà trường trong quá trình xây dựng và phát triển*

Quá trình xây dựng và phát triển, tập thể Nhà trường vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý như:

Huân chương Độc lập Hạng Ba (2016)

Huân chương Lao động hạng Nhất (2006)

Huân chương Lao động hạng Nhì (2001)

Huân chương Lao động hạng Ba (1996)

Và nhiều cờ thi đua của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bằng khen các bộ, ban ngành, đoàn thể, tỉnh thành...

Đảng bộ Nhà trường liên tục được Đảng bộ khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội công nhận “Đảng bộ trong sạch, vững mạnh”, được Thành ủy Thành phố Hà Nội tặng nhiều bằng khen; Công đoàn trường được tặng: Huân chương Lao động Hạng Nhất, Huân chương Lao động Hạng Nhì, Huân chương Lao động Hạng Ba; Đoàn Thanh niên trường được tặng nhiều Cờ, bằng khen của Trung ương Đoàn, Thành đoàn Hà Nội và Trung ương Hội sinh viên Việt Nam.

Nhiều tập thể đơn vị thuộc, trực thuộc Nhà trường được trao tặng phần thưởng cao quý như: Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh nhà trường được tặng thưởng Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba; Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Nhì; Huân chương Lao động Hạng ba; Khoa Điện kinh - Thê dục; Phòng Đảm bảo chất lượng-Thanh tra và pháp chế được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 cá nhân được truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ tranh nhân dân”; 12 cá nhân được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ; 02 cá nhân được tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba; 08 cá nhân được phong tặng danh hiệu Nhà Giáo ưu tú và nhiều cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.

** Về cơ cấu tổ chức*

Nhà trường hiện có 19 đơn vị (10 khoa, 03 Trung tâm, 06 phòng), gồm: Khoa Đào tạo Sau Đại học; Khoa Điện kinh - Thê dục; Khoa Cầu lông - Bóng bàn - Quần vợt; Khoa Võ - Bơi - Cờ; Khoa Bóng chuyền - Bóng đá - Bóng rổ; Khoa Lý luận Chính trị; Khoa Lý luận chuyên ngành và Nghiệp vụ sư phạm; Khoa Y học TDTT; Khoa Huấn luyện Thể thao; Khoa Giáo dục quốc phòng và An ninh; Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học; Trung tâm hỗ trợ Đào tạo và Bồi dưỡng; Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh; Phòng Hành chính tổng hợp; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Quản trị thiết bị; Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế.

** Về đội ngũ*

Tính đến tháng 11/2024, Nhà trường có tổng số 196 người, trong đó 143 giảng

viên; 04 PGS; 25 TS; 125 Ths.

** Về quy mô đào tạo*

Trường đang đào tạo các ngành nghề, trình độ:

- Ngành Giáo dục học trình độ tiến sĩ.
- Ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ.
- Ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học.
- Ngành Giáo dục quốc phòng an ninh trình độ đại học.
- Ngành Huấn luyện thể thao trình độ đại học.

Ngoài ra đào tạo môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội.

Tổng số người học các hệ đang học tập của Trường gồm: NCS 06; Thạc sỹ 126 (trong đó 112 học viên trong nước 14 học viên CHND Lào theo hiệp định chính phủ. Đại học chính quy 908 (trong đó 901 SV trong nước 07 lưu học sinh Lào; Đại học Liên thông chính quy: 66; Đại học liên thông VLVH 383).

** Về Cơ sở vật chất*

Nhà trường sở hữu hơn 12ha đất, đóng trên địa bàn xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, được quy hoạch với nhiều công trình hiện đại như khu làm việc, giảng đường, nhà tập luyện thi đấu, bể bơi, nhà ăn, thao trường, bãi tập, ký túc xá... Trong những năm gần đây Nhà trường không ngừng nâng cấp trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy của sinh viên và giảng viên, đảm bảo cho thực hiện mục tiêu và kế hoạch đào tạo và PVCD. Việc phân bổ, sử dụng và quản lý tài chính thực hiện theo quy định và giám sát của Bộ GDĐT. CSVC và cơ sở hạ tầng, sân bãi, các phương tiện, thiết bị phục vụ ĐT, NCKH được đầu tư, bảo trì đáp ứng được yêu cầu cơ bản các hoạt động. Khuôn viên cảnh quan và công tác vệ sinh, môi trường, y tế học đường; việc đảm bảo an ninh trật tự, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn cháy nổ được quan tâm thực hiện theo đúng quy định

** Về Công nghệ thông tin – Thư viện*

Hệ thống cơ sở hạ tầng, thiết bị CNTT, đường truyền được Nhà trường đầu tư, có dự phòng; bảo mật và quyền truy cập cơ bản đáp ứng được yêu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD trong giai đoạn hiện nay. Nhà trường bố trí đầy đủ các thiết bị

hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến. Thư viện với diện tích sàn trên 1.100 m² có phòng đọc bố trí 150 chỗ ngồi cho người học. Trên website trường (<https://hupes.edu.vn/>), mục Thư viện có giới thiệu về sách, tài liệu cho SV; mục hệ thống quản lý thư viện điện tử (<https://hupeslib.000webhostapp.com>) có giới thiệu về sách số hóa và tài nguyên trực tuyến. Việc sử dụng các thiết bị hỗ trợ giảng dạy (âm thanh, máy chiếu, màn chiếu) được theo dõi giao nhận và quản lý theo các sổ nhật ký theo dõi thiết bị.

** Về Nghiên cứu khoa học*

Hoạt động NCKH được Nhà trường phân công bộ phận quản lý; có các văn bản chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát; có Chiến lược phát triển KH-CN cho giai đoạn 2020-2025. Nhà trường đã triển khai các hoạt động NCKH thông qua các việc huy động, đầu tư kinh phí, hỗ trợ các GV, SV làm NCKH, đấu thầu các đề tài các cấp, tổ chức hội nghị hội thảo NCKH. Kết quả hoạt động NCKH trong giai đoạn 2019-2024 đã đạt được một số thành tích bước đầu. Công tác quản lý NCKH của Trường cũng được cải tiến; các kế hoạch thường niên về KH-CN và các rà soát, đánh giá thông qua các báo cáo tổng kết hàng năm, báo cáo gửi Bộ GDĐT.

** Về Hợp tác quốc tế*

Chiến lược HTQT thể hiện được định hướng phát triển theo giai đoạn; có bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, quản lý quá trình thực hiện kế hoạch; có Quy chế hoạt động hợp tác quốc tế và Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Trường. Việc kết nối và thực hiện các hoạt động đã đạt được qua một số thỏa thuận hợp tác với một số đối tác nước ngoài, tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo SDH. Các quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác của Nhà trường được rà soát và có những cải thiện nhất định.

Công tác HTQT được phân công cho bộ phận quản lý và tuân thủ các quy định của Bộ GDĐT trong quá trình triển khai các hoạt động; đã bước đầu xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ HTQT và mở rộng đối tượng hợp tác, nâng cao hiệu quả hợp tác. Thông qua các chương trình hợp tác với các đối tác, kế hoạch NCKH hàng năm, Trường đã tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động. Kết quả HTQT đã đạt được một số thành tựu trong đón tiếp đoàn vào, cử đoàn ra, trong ký kết các hợp tác với các đối tác ở các nước như Trung Quốc, Lào, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan,...

phối hợp tổ chức và cử CBGV, SV tham dự cũng như mời CBGV, SV các nước tham gia các hội thảo, hội nghị trong nước và quốc tế, thi đấu thể thao. Hợp tác trong nước được triển khai với các cơ sở GD&ĐT về TDTT

** Các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng*

Trường đã xây dựng hệ thống văn bản quản lý nội bộ một cách đồng bộ, đầy đủ, theo đúng quy định là công cụ để tổ chức quản lý hiệu quả mọi hoạt động của Trường. Trường hình thành hệ thống ĐBCL bên trong gồm Hội đồng ĐBCL và Tổ ĐBCL ở các đơn vị. Hội đồng thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động, các Tổ ĐBCL thực hiện các nhiệm vụ theo Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường.

Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế là đơn vị tham mưu giúp tập thể lãnh đạo Trường và chịu trách nhiệm triển khai và thực hiện các hoạt động ĐBCL bên trong của Trường, bao gồm: (1) Xây dựng và trình Hiệu trưởng ký ban hành các văn bản quy định, kế hoạch triển khai thực hiện công tác ĐBCL; (2) Hướng dẫn và đôn đốc việc thực hiện công tác ĐBCL của các đơn vị; làm đầu mối thông tin, phối hợp hoạt động thống nhất trong công tác ĐBCL; (3) Hướng dẫn thực hiện các công việc liên quan đến ĐBCL Trường và CTĐT; đề xuất và theo dõi thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng giáo dục; (4) Tổ chức và phối hợp tổ chức các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác ĐBCL cho cán bộ, viên chức Trường; (5) Phối hợp các đơn vị thực hiện việc quản lý các thông tin minh chứng chất lượng Trường và CTĐT một cách phù hợp theo quy định chung và các tiêu chuẩn chất lượng; (6) Phối hợp các đơn vị có liên quan định kỳ tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và phục vụ Trường theo quy định và tiêu chuẩn ĐBCL; (7) Thống kê và báo cáo kết quả công tác ĐBCL theo yêu cầu của Trường.

Tháng 6/2020, Trường đã hoàn thành đánh giá ngoài và đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học chu kỳ 1 với kết quả 89/111 tiêu chí đạt yêu cầu, đạt tỷ lệ 80,18%. Tháng 10/2020, Trường đã xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài giai đoạn 2020-2025 gồm 25 hoạt động. Mỗi hoạt động đều chỉ rõ thời gian thực hiện, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và sản phẩm dự

kiến đạt được. Năm 2023, Trường đã triển khai kế hoạch và xây dựng báo cáo giữa kỳ kiểm định chất lượng Trường.

Hàng năm, Trường triển khai xây dựng kế hoạch năm học và kế hoạch hoạt động liên quan đến các lĩnh vực của Nhà trường. Kết quả thực hiện các hoạt động liên quan đến các lĩnh vực đều được đánh giá, tổng kết nhằm cải tiến, điều chỉnh để triển khai thực hiện trong các năm học tiếp theo.

** Giới thiệu về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo*

Là đơn vị thuộc Trường, thành lập 2009, tại Quyết định số 780/2009/QĐ-TCCB-CTCT, năm 2013 được đổi tên thành Khoa Đào tạo Sau đại học, tại Quyết định số 508/2013/QĐ-ĐHSPTDTTHN, ngày 02/8/2013. Khoa có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác đào tạo trình độ sau đại học; công tác nghiên cứu khoa học và các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, đơn vị liên tục được công nhận tập thể lao động xuất sắc, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng 02 Bằng khen; nhiều năm liền được Hiệu trưởng tặng Giấy khen có thành tích xuất sắc. Hiện Khoa đang thực hiện đảm nhiệm đào tạo 02 chương trình (ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ; ngành Giáo dục học trình độ tiến sĩ); Khoa có mối quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học trong nước và quốc tế, hàng năm tham mưu cho Nhà trường thực hiện các thỏa thuận hợp tác ký kết nhiều chương trình về hoạt động trao đổi hợp tác nghiên cứu khoa học.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu:

Nhà trường được BGD&ĐT cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ ngành giáo dục thể chất năm 2013 và chuyển đổi tên ngành đào tạo Giáo dục học năm 2018. Mục tiêu và CDR của CTĐT phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của Giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học được xây dựng theo định hướng nghiên cứu nhằm mục tiêu bổ sung, cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, TDTT. Sau khi tốt nghiệp, học viên có các phẩm chất, năng lực, và kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên môn, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp vào việc phân tích và đánh giá thực tiễn hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, TDTT và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan; có thể tiếp tục nâng cao trình độ thông qua các chương trình đào tạo tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Đề đáp ứng và phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục đào tạo trong nước và quốc tế, Nhà trường đã điều chỉnh và công bố sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi vào năm 2020 với sứ mạng là đào tạo nguồn nhân lực GDTC, TDTT, NCKH, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập **[H1.01.01.01]**.

Nhà trường được BGD&ĐT cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ ngành giáo dục thể chất năm 2013 và chuyển đổi tên ngành đào tạo Giáo dục học năm 2018 **[H1.01.01.02], [H1.01.01.03]**;

Mục tiêu của CTĐT ngành Giáo dục học được xây dựng theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về xây dựng CTĐT và Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học, với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học

sau khi tốt nghiệp trình độ thạc sĩ, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

Mục tiêu của CTĐT được Nhà trường xác định rõ ràng trong CTĐT, theo đó mục tiêu chung CTĐT thạc sĩ ngành Giáo dục học (lĩnh vực giáo dục thể chất) theo định hướng nghiên cứu nhằm cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp ở trình độ cao trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, TDTT; có năng lực làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, khả năng phát hiện, phân tích, giải quyết các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực giáo dục thể chất, TDTT và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan. Để đạt được mục tiêu chung, CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học (lĩnh vực giáo dục thể chất) nhằm đào tạo cho người học có 05 mục tiêu cụ thể như sau:

- 1) Kiến thức cơ bản Triết học Mác Lênin về thế giới quan khoa học, phương pháp luận khoa học, phương pháp tư duy logic
- 2) Kiến thức nâng cao và chuyên sâu trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, TDTT.
- 3) Kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến.
- 4) Khả năng vận dụng được kiến thức chuyên môn, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp vào việc phân tích và đánh giá thực tiễn hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, TDTT và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan.
- 5) Bản lĩnh nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm trong công việc được giao.

Mục tiêu của CTĐT thạc sĩ ngành Giáo dục học (lĩnh vực giáo dục thể chất) được xác định rõ ràng và có mối quan hệ với CDR của CTĐT (ma trận kỹ năng); đồng thời mục tiêu của CTĐT được thể hiện đầy đủ trong đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT, nhằm giúp học viên sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội **[H1.01.01.04], [H1.01.01.05]**.

Việc thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT được thực hiện theo đúng quy trình, trong quá trình cập nhật luôn có sự phối hợp với các bên liên quan. Nhà trường

đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT gồm: chuyên gia, giảng viên, học viên, cựu học viên, nhà tuyển dụng, sử dụng lao động. Các ý kiến đóng góp là cơ sở để Nhà trường điều chỉnh mục tiêu của chương trình đào tạo cho phù hợp. Sau khi chỉnh sửa và cập nhật CTĐT theo các năm đều đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường.

CTĐT sau khi điều chỉnh giúp học viên có năng lực làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, khả năng phát hiện, phân tích, giải quyết các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực giáo dục thể chất, TDTT và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan. CTĐT cũng bổ sung các nội dung giúp cho học viên sau khi ra trường có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn cho người khác, khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn. Các ý kiến góp ý chi tiết về chuyên môn của các bên liên quan đã được tích hợp vào CTĐT và đề cương chi tiết các học phần. Quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành Giáo dục học (lĩnh vực Giáo dục thể chất) luôn được bám sát và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường **[H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08]**.

Mục tiêu của CTĐT ngành Giáo dục học (lĩnh vực Giáo dục thể chất) được xác định phù hợp với mục tiêu của GDĐH Quy định tại Luật GDĐH đó là đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế. Đào tạo người học phát triển toàn diện đức, trí, thể, mỹ, có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân.

Thông tin về CTĐT được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường để các bên liên quan tham khảo **[H1.01.01.09]**.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành Giáo dục học (lĩnh vực GDTC) được xác định rõ

ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của GDĐH được quy định tại Luật GDĐH.

Mục tiêu CTĐT định kỳ được rà soát, điều chỉnh, cập nhật để đáp ứng yêu cầu công việc thực tế của các đơn vị sử dụng lao động trong bối cảnh hội nhập.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT chưa được đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan. Trong đó bổ sung thêm các hình thức lấy ý kiến.	- Khoa ĐTSĐH - Phòng Đảm bảo chất lượng, thanh tra và pháp chế	- Định kỳ 2 năm/lần - Cuối mỗi khóa học	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật mục tiêu CTĐT để đáp ứng yêu cầu công việc thực tế của các đơn vị sử dụng lao động trong bối cảnh hội nhập	Khoa ĐTSĐH	Định kỳ 2 năm/lần	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			x			

Tiêu chí 1.2. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành Giáo dục học (lĩnh vực GDTC) để xác định yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam, đáp ứng được các yêu cầu của Bộ GD&ĐT đối với đào tạo trình độ thạc sĩ, yêu cầu của Trường ĐHSP TDTT Hà Nội và phù hợp với sứ mạng tầm nhìn và chiến lược phát triển của Nhà trường **[H1.01.02.01]**. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng bao gồm các mặt: kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm vị trí việc làm và cơ hội học tập sau tốt nghiệp. Qua đó giúp cho người học xác định rõ các CĐR của CTĐT mà người học cần phải đáp ứng trước khi tốt nghiệp **[H1.01.02.02], [H1.01.02.03]**.

CĐR của CTĐT được rà soát, điều chỉnh cập nhật định kỳ 02 năm/lần; CĐR được rà soát và cập nhật vào năm 2020 và 2022 **[H1.01.02.04], [H1.01.02.05]**. Trong các lần điều chỉnh CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế, phù hợp với sự thay đổi của xã hội hiện nay thể hiện qua các lần điều chỉnh CTĐT. CĐR được điều chỉnh và cập nhật được xác định rõ ràng, thể hiện trong CĐR của CTĐT năm 2022. CĐR của CTĐT ban hành năm 2022 được trình bày một cách cụ thể bao gồm: Mục tiêu đào tạo gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; Năng lực CĐR bao gồm 16 chuẩn: CĐR đầu ra về kiến thức gồm 04 chuẩn kiến thức cốt lõi; CĐR về kỹ năng gồm 07 chuẩn kiến thức cốt lõi; CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm bao gồm 05 chuẩn; Vị trí việc làm đối với học viên sau khi tốt nghiệp và thể hiện rõ những triển vọng phát triển năng lực chuyên môn trong tương lai.

CĐR của CTĐT năm 2022 đã nêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai, đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam, cụ thể như sau:

1) Kiến thức

- PLO1: Áp dụng kiến thức cơ bản Triết học Mác Lênin về thế giới quan khoa học, phương pháp luận khoa học, phương pháp tư duy logic vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội trong thực tiễn.

- PLO2: Phân tích và đánh giá các kiến thức nâng cao về lý luận, y sinh học, tâm lý, giáo dục, tổ chức quản lý, giảng dạy, huấn luyện, nghiên cứu khoa học, phương

pháp đo lường tiên tiến và vận dụng sáng tạo các kiến thức này vào thực tiễn trong lĩnh vực GDTC và TDTT.

- PLO3: Vận dụng các kiến thức về kinh tế, xã hội học TDTT và giải trí, vào phân tích, đánh giá quản trị, quản lý và phát triển TDTT cho mọi người.

- PLO4: Tổng hợp kiến thức lý thuyết chuyên sâu chuyên ngành về hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực GDTC, TDTT và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan.

2) Kỹ năng

- PLO5: Khả năng giảng dạy, huấn luyện theo phương pháp hiện đại nhằm trang bị kiến thức cho người học; phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu thể thao tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và huấn luyện vận động viên TDTT.

- PLO6: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin công việc phức tạp trong hoạt động GDTC và TDTT để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.

- PLO7: Kỹ năng tổ chức, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực Giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao.

- PLO8: Kỹ năng phân tích các dữ liệu trong kiểm tra sự phạm, kiểm tra y sinh học nhằm đánh giá mức độ phát triển thể chất, trình độ tập luyện và lượng vận động trong hoạt động GDTC và TDTT.

- PLO9: Khả năng tổ chức, lập kế hoạch, quản lý, tiếp thị, truyền thông trong lĩnh vực GDTC và TDTT.

- PLO10: Khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm để giải quyết công việc hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

- PLO11: Khả năng sử dụng ngoại ngữ để trao đổi học thuật và đọc tài liệu, đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

3) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO12: Năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp và đề xuất những sáng kiến có giá trị trong thực tiễn.

- PLO13: Khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn cho người khác.

- PLO14: Khả năng đưa ra những kết luận mang tính định hướng về các vấn đề của hoạt động nghề nghiệp; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.

- PLO15: Khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

- PLO16: Có bản lĩnh nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm trong công việc được giao.

4) Vị trí việc làm và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có thể đảm nhiệm các công việc: Cán bộ giáo viên, giảng viên giảng dạy, huấn luyện viên, nghiên cứu viên, hướng dẫn viên, cán bộ quản lý... tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, viện nghiên cứu và các đơn vị khác. Có thể đảm nhận công tác quản lý trong các cơ quan nhà nước về TDTT hoặc các lĩnh vực khác.

Sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục nâng cao trình độ thông qua các chương trình đào tạo tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

CĐR của CTĐT đã thể hiện được mối quan hệ giữa mục tiêu của đào tạo cũng như sự đóng góp của các học phần để đạt được CĐR, xác định những kiến thức, kỹ năng chuyên biệt mà học viên học phải đạt tới, vị trí việc làm của học viên sau tốt nghiệp trong đó nhấn mạnh đến năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Chuẩn đầu ra của CTĐT được cụ thể hóa trong đề cương các học phần **[H1.01.02.06]**.

Chuẩn đầu ra của CTĐT được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường **[H1.01.02.07]**.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; trong đó đã đảm bảo được yêu cầu chung và chuyên biệt trong đào tạo đó là trang bị cho người học chuẩn kiến thức, kỹ năng và triển vọng nghề nghiệp.

3. Điểm tồn tại

- CĐR của CTĐT chưa được cập nhật một số kỹ năng chuyển đổi số cho người

học trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tập trung rà soát CĐR của CTĐT, cập nhật một số kỹ năng chuyển đổi số cho người học.	Khoa ĐTSĐH	Năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật CĐR của CTĐT đảm bảo được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT	Khoa ĐTSĐH	Định kỳ 2 năm/ lần	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

* CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan; có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng.

Nhằm xây dựng một CTĐT đáp ứng nhu cầu của xã hội, định kỳ 2 năm/lần, Nhà trường đã tiến hành đánh giá và rà soát CTĐT nhằm xây dựng CĐR, CTĐT phù hợp với thực tiễn đáp ứng nhu cầu xã hội. Nhà trường tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh CĐR của CTĐT vào các năm 2020 và 2022. Quy trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra gồm các bước: Thành lập ban rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT [H1.01.03.01]; xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT [H1.01.03.02]; điều tra, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan bao gồm học viên đang học tập, cựu học viên, chuyên gia, giảng viên, nhà quản lý, nhà tuyển dụng về CĐR

của CTĐT [**H1.01.03.03**], xây dựng dự thảo CDR của CTĐT trên cơ sở tổng hợp tiếp thu ý kiến của các bên liên quan; thông qua Hội đồng khoa học đào tạo đánh giá CDR của CTĐT chương trình đào tạo; công bố CDR của CTĐT.

Thực hiện theo đúng quy trình, kế hoạch, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CDR của CTĐT. Kết quả điều tra khảo sát về khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người học sau khi tốt nghiệp từ các nhà tuyển dụng, sử dụng lao động, đa số đều cho rằng học viên ngành Giáo dục học có kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp ở trình độ cao, có năng lực làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, khả năng phát hiện, giải quyết các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực GDTC, TDDT. Tuy nhiên một số kỹ năng phân tích dữ liệu trong kiểm tra đánh giá mức độ phát triển thể chất, trình độ tập luyện; kỹ năng tiếp thị, truyền thông trong lĩnh vực GDTC, TDDT cần được nâng cao hơn nữa. Các ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng, nhà sử dụng lao động đều được ban rà soát tiếp thu trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CDR của CTĐT [**H1.01.03.04**]. Cụ thể trong CDR của CTĐT được ban hành năm 2020 [**H1.01.03.05**], CDR kỹ năng đã được bổ sung:

- Kỹ năng phân tích các dữ liệu trong kiểm tra sự phạm, kiểm tra y sinh học nhằm đánh giá mức độ phát triển thể chất, trình độ tập luyện và lượng vận động trong hoạt động GDTC, TDDT.

- Khả năng tổ chức, lập kế hoạch, quản lý, tiếp thị, truyền thông trong lĩnh vực GDTC, TDDT.

Trong quá trình điều tra định kỳ, Nhà trường đặc biệt chú ý các ý kiến của bên liên quan về chất lượng học viên tốt nghiệp của các đơn vị sử dụng lao động. Theo kết quả khảo sát từ các đơn vị sử dụng lao động có cán bộ là người học tốt nghiệp ngành Giáo dục học của Nhà trường cho thấy, các kiến thức, kỹ năng và năng lực nghiệp vụ rất quan trọng bao gồm kiến thức ngành, chuyên ngành; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và xử lý dữ liệu và thông tin trong lĩnh vực GDTC, TDDT; Kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm để giải quyết công việc hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn; Năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc; Năng lực sử dụng ngoại ngữ;

Năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp và đề xuất những sáng kiến có giá trị trong thực tiễn... được đánh giá là những kỹ năng quan trọng.

Năm 2022, tiếp thu các ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng, nhà sử dụng lao động đều được ban rà soát tiếp thu trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR của CTĐT. Cụ thể trong CĐR của CTĐT được ban hành năm 2022 **[H1.01.03.06]**, CĐR đã được bổ sung:

CĐR của CTĐT năm 2022 đã chú trọng đến các kiến thức chuyên ngành tự chọn, khả năng làm việc độc lập, năng lực ngoại ngữ, năng lực tư duy logic và hệ thống. Những thông tin khảo sát, các ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng, nhà sử dụng lao động đã được Nhà trường tiếp thu và cập nhật khi điều chỉnh CTĐT năm 2022 và áp dụng để nâng cao chất lượng dạy - học ngành Giáo dục học. Nội dung CĐR của CTĐT được cập nhật điều chỉnh là: Năng lực ngoại ngữ đầu vào đạt từ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên; Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ phải đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

Nhằm giúp học viên thực hiện tốt các công việc trong thực tế ở mức độ thông thạo các kỹ năng theo CĐR, các môn học vận dụng tổng hợp kiến thức đã học như: Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất, Sinh lý TĐTT, Y học TĐTT, Huấn luyện thể thao, nghiên cứu khoa học trong TĐTT, Luận văn tốt nghiệp được sử dụng để đánh giá một cách tổng quát nhất các kỹ năng, kiến thức và năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học trước khi ra trường.

CĐR của CTĐT được xây dựng với sự góp ý của các nhà tuyển dụng lao động và các bên liên quan và được xác định cụ thể trong đề cương các học phần **[H1.01.03.07]**.

* CĐR của CTĐT được công bố công khai.

CĐR của CTĐT sau khi rà soát, điều chỉnh được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, sổ tay học viên **[H1.01.03.08]**, **[H1.01.03.09]**. Điều này giúp Nhà trường công khai với xã hội về năng lực đào tạo và chất lượng đào tạo của Nhà trường, đồng thời để người học hình dung được việc làm sau khi tốt nghiệp

và nhà tuyển dụng biết được năng lực về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và khả năng nhận thức khoa học công nghệ, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, thái độ và năng lực tự chủ và trách nhiệm mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT được định kỳ cập nhật 2 năm/lần theo quy định và công bố công khai cho học viên.

CĐR của CTĐT được kịp thời bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc lấy các ý kiến phản hồi từ học viên, cựu học viên, chuyên gia; GV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của lĩnh vực GDTC, TDTT.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình lấy ý kiến của các bên liên quan, hình thức lấy ý kiến chưa đa dạng, số lượng các ý kiến của cựu học viên và các nhà tuyển dụng còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường sẽ thành lập kênh thông tin liên lạc riêng dành cho học viên và cựu học viên để có thể nắm bắt được tình hình hiện tại cũng như việc làm của học viên sau khi tốt nghiệp.	Khoa ĐTSĐH	Năm học 2024-2025	
		Tiếp tục thực hiện lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan theo các kênh trực tiếp, online, qua email để từ đó đưa ra định hướng, kế hoạch điều chỉnh CĐR phù hợp.	- Khoa ĐTSĐH - Phòng Đảm bảo chất lượng, thanh tra và pháp chế	Năm học 2024-2025	

2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát cập nhật CĐR của CTĐT dựa trên việc lấy các ý kiến phản hồi từ học viên, cựu học viên, chuyên gia; GV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của lĩnh vực GDTC và TDTT	Khoa ĐTSĐH	Định kỳ 2 năm/lần	
---	--------------------------	--	------------	----------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			x			

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành Giáo dục học (lĩnh vực GDTC) đã phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường. Mục tiêu CTĐT thường xuyên được cập nhật để đáp ứng yêu cầu công việc thực tế của các đơn vị sử dụng lao động trong bối cảnh hội nhập. Mục tiêu đào tạo cũng phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH. CTĐT được xây dựng phù hợp với mục tiêu và CĐR của chương trình, CTĐT được cập nhật, đánh giá 2 năm/lần theo quy định của Bộ GD&ĐT.

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng về mục tiêu đào tạo, CĐR kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; trong đó đã đảm bảo được yêu cầu chung và chuyên biệt trong đào tạo đó là trang bị cho người học chuẩn kiến thức, kỹ năng và triển vọng nghề nghiệp.

CĐR của CTĐT được định kỳ cập nhật 2 năm/lần theo quy định và công bố công khai cho học viên ngay từ năm thứ nhất. CĐR của CTĐT được kịp thời bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc lấy các ý kiến phản hồi từ học viên, cựu học viên, chuyên gia; GV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của lĩnh vực GDTC, TDTT. Nhà trường đã thực hiện quy trình điều chỉnh, tham khảo, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong quá trình xây dựng và đánh giá, rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Nhà trường. Quá

trình và kết quả điều chỉnh CĐR được thực hiện công khai với người học và các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 1 có 03 tiêu chí đều đạt

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành Giáo dục học được xây dựng theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Bản mô tả CTĐT đã đầy đủ thông tin nội dung và cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành Giáo dục học được Nhà trường xây dựng đầy đủ nội dung và thông tin về: Trường, Tên chương trình, Trình độ đào tạo, Ngành đào tạo, Mã số ngành học, Định hướng, Thời gian đào tạo, Loại hình đào tạo, Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp; Mục tiêu đào tạo (gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể), CĐR của CTĐT (gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường); Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu với CĐR của CTĐT; Chuẩn đầu vào và đối tượng dự tuyển; Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; khối lượng kiến thức toàn khóa học; nội dung CTĐT (bao gồm khối kiến thức chung, khối kiến thức ngành, khối kiến thức chuyên ngành, luận văn tốt nghiệp); Ma trận mối liên hệ giữa CĐR và các học phần trong CTĐT; kế hoạch đào tạo; Mô tả các học phần trong CTĐT; cơ sở vật chất, đội ngũ **[H2.02.01.01], [H2.02.01.02]**.

Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành Giáo dục học vào các năm 2020, 2022 để cập nhật các nội dung mới nhất vấn đề có liên quan.

Năm 2020 nhà trường tiến hành rà soát, cập nhật CTĐT và đã ban hành CTĐT và bản mô tả CTĐT năm 2020; tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, CTĐT năm

2020 được bổ sung 02 môn học Hồi phục thể thao và Truyền thông thể thao vào trong các học phần tự chọn; tăng 02 tín chỉ khối kiến thức ngành; 02 tín chỉ kiến thức chuyên ngành; tăng 03 tín chỉ cho luận văn thạc sĩ nhằm tăng cường các kỹ năng làm việc, kiến thức chuyên môn và nghiên cứu khoa học của người học. Như vậy khối lượng kiến thức toàn khóa là 68 tín chỉ, trong đó khối kiến thức chung là 10 tín chỉ; khối kiến thức ngành là 31 tín chỉ (kiến thức bắt buộc 19 tín chỉ, kiến thức tự chọn 12 tín chỉ); Khối kiến thức chuyên ngành là 12 tín chỉ (tự chọn $\frac{1}{4}$ chuyên ngành Huấn luyện thể thao; Y học thể thao; Quản lý TDTT; Thể thao trường học); luận văn 15 tín chỉ; kế hoạch giảng dạy được chia theo 4 kỳ học **[H2.02.01.03]; [H2.02.01.04]; [H2.02.01.05]**.

Năm 2022, Nhà trường tiếp tục rà soát, chỉnh sửa CTĐT nhằm điều chỉnh cập nhật CTĐT. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các bên liên quan (nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giảng viên, nhà khoa học) **[H2.02.01.06]; [H2.02.01.07]; [H2.02.01.08]**. Ban rà soát tổng hợp tiếp thu các ý kiến bằng văn bản, đồng thời tham khảo so sánh CTĐT của Đại học TDTT Bắc Ninh và CTĐT của Đại học thể thao Bắc Kinh - Trung Quốc **[H2.01.01.09]**. Nội dung CTĐT được bổ sung cập nhật: Chuẩn đầu vào và điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển là người đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành phù hợp; hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu; Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên; Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ phải đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

Bản mô tả CTĐT được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường **[H2.01.01.10]**.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành Giáo dục học đảm bảo đầy đủ nội dung và được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình xây dựng, cập nhật bản mô tả CTĐT phương pháp lấy ý kiến chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch rà soát và đa dạng hóa việc lấy ý kiến phản hồi của các biên liên quan như: sử dụng phiếu, tổ chức hội nghị, phỏng vấn qua điện thoại....	- Khoa ĐTSĐH - Phòng ĐBCL-TT&PC	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh đối sánh CTĐT của nhà trường với CTĐT tiên tiến	Khoa ĐTSĐH	Định kỳ 2 năm/lần	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Việc xây dựng đề cương các học phần trong CTĐT được Khoa Đào tạo sau đại học phối hợp với các giảng viên, chuyên gia, nhà khoa học bám sát quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Đề cương các học phần tuân thủ theo các quy định, quy chế về công tác đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường và phù hợp với CDR, CTĐT và bản mô tả CTĐT; các học phần trong CTĐT được thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: thông tin về học phần, số tín chỉ, số giờ hoạt động tín chỉ, thông tin về giảng viên giảng dạy, mô tả học phần, mục tiêu của học phần, nhiệm vụ của người học, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, phương pháp và hình thức dạy học, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá, nội dung chi tiết học phần... [H2.02.02.01], [H2.02.02.02].

CTĐT thạc sĩ được rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật định kỳ 2 năm/lần, Nhà trường đã ban hành Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành Giáo dục học với các phiên bản năm 2020, 2022. Cùng với việc điều chỉnh CTĐT, Nhà trường tiến hành rà soát điều chỉnh, bổ sung, cập nhật đề cương các học phần trong CTĐT. Để thực hiện điều chỉnh nội dung đề cương học phần. Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT trong đó các đề cương được Khoa đào tạo sau đại học rà soát cập nhật, điều chỉnh để phù hợp với xu thế phát triển của ngành đào tạo. **[H2.02.02.03]** **[H2.02.02.04].**

Hằng năm Nhà trường tiến hành tổ chức khảo sát lấy ý người học trước tốt nghiệp về hoạt động đào tạo, về chất lượng CTĐT, lấy ý kiến người học trước khi tốt nghiệp để điều chỉnh đề cương các học phần trong CTĐT **[H2.02.02.05]**. Khảo sát người học trong quá trình học tập để điều chỉnh **[H2.02.02.06]**.

Năm 2020 đề cương được cập nhật, bổ sung để phù hợp với CTĐT, cụ thể các nội dung điều chỉnh: Đưa các môn học (Hồi phục thể thao và Truyền thông thể thao), nội dung học gắn liền với nhu cầu xã hội và hoạt động nghề nghiệp của học viên; Cập nhật kịp thời những nội dung mới theo xu thế của thế giới; Tăng số tín chỉ và nội dung khối kiến thức ngành và chuyên ngành, tăng thời gian tự học tự nghiên cứu của học viên.

Năm 2022 đề cương các học phần được bổ sung cập nhật, điều chỉnh về cấu trúc bao gồm: thông tin chung về học phần; tên học phần; mã học phần; số tín chỉ; thông tin về giảng viên giảng dạy; mô tả học phần; CDR của học phần; tài liệu học tập; tài liệu tham khảo; phương pháp giảng dạy; kiểm tra, đánh giá. Đề cương sau khi cập nhật được Khoa đào tạo sau đại học hợp thống nhất các nội dung chỉnh sửa, thông qua và trình Hiệu trưởng ký phê duyệt và đưa vào sử dụng.

Đề cương các học phần được công bố công khai thông qua sổ tay học viên **[H2.02.02.07]** và trang thông tin điện tử của Trường **[H2.02.02.08]**.

2. Điểm mạnh

Đề cương các học phần CTĐT thạc sĩ ngành GDH thể hiện đầy đủ các thông tin theo đúng quy định, được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với CTĐT của nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Tài liệu tham khảo, nguồn học liệu hỗ trợ cho người học về các học phần trong CTĐT chưa đa dạng và phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung các tài liệu tham khảo, nguồn học liệu trong thư viện của Nhà trường	Thư viện và Khoa Đào tạo Sau Đại học	Năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đánh giá và điều chỉnh đề cương các học phần cho phù hợp với CTĐT.	Khoa Đào tạo Sau Đại học	Theo định kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			x			

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT và bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học được rà soát cập nhật định kỳ 2 năm /lần. Nhà trường đã ban hành Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành Giáo dục học với các phiên bản năm 2020, năm 2022, Bản mô tả CTĐT đã thể hiện rõ ràng CDR và nội dung CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu và có phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả dự kiến nhằm đạt được CDR [H2.02.03.01], [H2.02.03.02]. CTĐT và bản mô tả CTĐT được nhà trường công bố công khai tới các bên liên quan và người học bằng nhiều hình thức khác nhau thông qua: website của Trường <https://hupes.edu.vn> [H2.02.03.03]; sổ tay học viên [H2.02.03.04].

Đề cương các học phần trong CTĐT được Nhà trường điều chỉnh ban hành vào các năm 2020 và 2022 [H2.02.03.05], [H2.02.03.06]. Đề cương các học phần được xây dựng khoa học đảm bảo các yếu tố quan trọng: mục tiêu, nội dung môn học, phương pháp giảng dạy, và phương pháp đánh giá và được cập nhật, điều chỉnh phù hợp với xu thế phát triển của ngành đào tạo. Đề cương các học phần được công bố tại website của Trường và sổ tay học viên. Đồng thời, các giảng viên trước khi bắt đầu giảng dạy học phần đều cung cấp đề cương chi tiết học phần tới các học viên.

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được Nhà trường công bố, công khai giúp cho các bên liên quan: cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học và cựu học viên tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được nhà trường công bố công khai giúp cho các bên liên quan: cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học và cựu học viên tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

3. Điểm tồn tại

Khoa Đào tạo sau đại học chưa có trang thông tin điện tử riêng để công bố không khai Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị,	Thời gian	Ghi
----	----------	----------	---------	-----------	-----

			người thực hiện	thực hiện hoặc hoàn thành	chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng trang thông tin điện tử của Khoa Đào tạo sau đại học để công bố không khai Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần.	Phòng HCTH K.ĐTSDH	năm học 2025 - 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công bố công khai giúp cho các bên liên quan: cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học và cựu học viên tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.	K.ĐTSDH Phòng HCTH	năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành Giáo dục học đảm bảo đầy đủ nội dung và được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan. Đề cương các học phần CTĐT thạc sĩ ngành GDH thể hiện đầy đủ các thông tin theo đúng quy định, được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với CTĐT của chuyên ngành. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được nhà trường công bố công khai giúp cho các bên liên quan: cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học và cựu học viên tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

Tiêu chuẩn 2 có 03 tiêu chí đều đạt

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH) trình độ thạc sĩ ngành giáo dục học (GDH) được Nhà trường xây dựng hợp lý và hệ thống gồm các khối kiến thức chung và khối kiến thức ngành/chuyên ngành, dựa trên mục tiêu và CĐR; đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR rõ ràng; CTDH có cấu trúc, trình tự

logic, có nội dung cập nhật và tính tích hợp.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học được Nhà trường thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, với tổng số 16 CĐR. Trong đó có 4 CĐR về kiến thức; 7 CĐR về kỹ năng và 5 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm.

CTDH ngành GDH được xây dựng gồm 68 tín chỉ, bao gồm 3 khối kiến thức:

- Kiến thức chung có 10 tín chỉ, gồm 02 học phần Triết học và Tiếng Anh; đáp ứng 05 CĐR, trong đó 01 CĐR về kiến thức, 02 CĐR về kỹ năng và 02 CĐR về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

- Khối kiến thức ngành có 31 tín chỉ, gồm 06 học phần bắt buộc và 10 học phần tự chọn; đáp ứng 15 CĐR, trong đó 03 CĐR về kiến thức, 07 CĐR về kỹ năng và 05 CĐR về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

- Khối kiến thức chuyên ngành có 12 tín chỉ, gồm 03 học phần thuộc 1 trong 4 chuyên ngành: Thể thao trường học, Huấn luyện thể thao, Y sinh học thể thao, Quản lý TDTT; đáp ứng 12 CĐR, trong đó 01 CĐR về kiến thức, 06 CĐR về kỹ năng và 05 CĐR về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

- Luận văn tốt nghiệp có 15 tín chỉ, đáp ứng 12 CĐR, trong đó 01 CĐR về kiến thức, 06 CĐR về kỹ năng và 05 CĐR về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm [H3.03.01.01], [H3.03.01.02].

Bảng 3.1. Ma trận mối liên hệ giữa CĐR và các học phần trong CTDH

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO)															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Triết học	4									5					5	5
2	Tiếng Anh	4									5	4				5	5
3	Sinh lý học TDTT		5				5		4		5	4	5	5	5		5
4	Y học TDTT		5				5		4		5	4	5	5	5		5
5	Lý luận và phương pháp GDTC	4	5				5				5	4	5	5	5	5	5
6	Phương pháp NCKH TDTT	4	5					4			5	4	5	5			5
7	Đo lường thể thao		5					4	4		5	4	5	5			5
8	Thể thao trường học		5			4	5	4			5	4	5	5	5	5	5
9	Tuyển chọn thể thao		5			4	5	4	4		5	4	5	5	5	5	5

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO)															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10	Phương pháp huấn luyện thể thao		5			4	5	4	4		5	4	5	5	5		5
11	Tâm lý học TDTT		5				5				5	4	5	5	5	5	5
12	Giáo dục học TDTT		5								5	4	5	5	5	5	5
13	Quản lý TDTT trường học		5				5			4	5	4	5	5	5	5	5
14	Xã hội học TDTT			4			5			4	5	4	5	5	5	5	5
15	Kinh tế học TDTT			4			5			4	5	4	5	5	5	5	5
16	Thể thao giải trí			4			5			4	5	4	5	5	5	5	5
17	Hồi phục thể thao		5				5		4		5	4	5	5	5		5
18	Truyền thông thể thao			4			5			4	5	4	5	5		5	5
19	Chuyên ngành				5	4	5	4	4		5	4	5	5	5	5	5
20	Luận văn tốt nghiệp																

Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả của người học trong CTDH phù hợp, góp phần đạt được CDR. Các phương pháp giảng dạy được sử dụng đa dạng cho từng học phần theo hướng phát triển năng lực cho người học, gồm: phương pháp thuyết trình, giảng giải, nêu vấn đề, hỏi đáp, thảo luận... Phương pháp học tập của người học gồm: thảo luận nhóm, seminar, tự học, tự nghiên cứu. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học cho mỗi học phần gồm: đánh giá giữa kỳ (chiếm 20%) với các phương pháp đánh giá: tình huống, bài tập, thực hành, hỏi đáp, thảo luận, tiểu luận, seminar... và đánh giá cuối kỳ (chiếm 80%) với các phương pháp: tự luận, tiểu luận, bài tập lớn, trắc nghiệm... [H3.03.01.03], [H3.03.01.04] Đối với luận văn tốt nghiệp nhà trường thành lập hội đồng đánh giá theo quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ [H3.03.01.05], [H3.03.01.06].

Trong quá trình giảng dạy các giảng viên thực hiện theo đúng chương trình dạy học, có đầy đủ hồ sơ để tổ chức giảng dạy các học phần trong chương trình dạy học [H3.03.01.07].

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H3.03.01.08]. Định kỳ 2 năm một lần nhà trường đã lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh chương trình dạy học cho phù hợp với thực tiễn [H3.03.01.09], [H3.03.01.10].

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học được xây dựng phù hợp với yêu cầu của chuẩn đầu ra. Các đề cương trong từng học phần đều thể hiện sự gắn kết giữa dạy – học và đánh giá để đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Chưa tổ chức đa dạng các hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để điều chỉnh chương trình dạy học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức đa dạng các hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để điều chỉnh chương trình dạy học	K.ĐTSDH Phòng ĐBCL-TT&PC	Năm học 2025 - 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học phù hợp với yêu cầu của chuẩn đầu ra.	K.ĐTSDH	Định kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả đề cương các học phần trong chương trình dạy học đều xây dựng chuẩn đầu ra của học phần và ma trận thể hiện sự đóng góp giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Nội dung các học phần thể hiện sự tương thích và đóng góp với chuẩn đầu ra của học phần.

Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được CĐR của chương trình dạy học. Sự phân bổ các học phần thuộc 3 khối kiến thức: kiến thức chung, kiến

thức ngành và chuyên ngành, khối kiến thức luận văn tốt nghiệp. Trong đó học phần về kiến thức chung gồm 10 tín chỉ (chiếm 15%), kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành 43 tín chỉ (chiếm 63%) và luận văn tốt nghiệp là 15 tín chỉ (chiếm 22%). Đối với các kiến thức về ngành và chuyên ngành được chia thành các học phần bắt buộc gồm: Sinh lý học TDDT; Y học TDDT; Thể thao trường học; Lý luận và phương pháp GDTC; Phương pháp NCKH TDDT ; Đo lường thể thao; Thể thao trường học Các học phần tự chọn: Tuyển chọn thể thao; Phương pháp HL thể thao; Tâm lý học TDDT; Giáo dục học TDDT; Quản lý TDDT trường học; Xã hội học TDDT; Kinh tế học TDDT; Thể thao giải trí; Hồi phục thể thao; Truyền thông thể thao Thể thao trường học; Huấn luyện thể thao; Y sinh học thể thao; Quản lý TDDT [H3.03.02.01].

Bảng 3.2. Ma trận mối liên hệ giữa CDR và các học phần trong CTDH

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO)															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Triết học	4									5					5	5
2	Tiếng Anh	4									5	4				5	5
3	Sinh lý học TDDT		5				5		4		5	4	5	5	5		5
4	Y học TDDT		5				5		4		5	4	5	5	5		5
5	Lý luận và phương pháp GDTC	4	5				5				5	4	5	5	5	5	5
6	Phương pháp NCKH TDDT	4	5					4			5	4	5	5			5
7	Đo lường thể thao		5					4	4		5	4	5	5			5
8	Thể thao trường học		5			4	5	4			5	4	5	5	5	5	5
9	Tuyển chọn thể thao		5			4	5	4	4		5	4	5	5	5	5	5
10	Phương pháp huấn luyện thể thao		5			4	5	4	4		5	4	5	5	5		5
11	Tâm lý học TDDT		5				5				5	4	5	5	5	5	5
12	Giáo dục học TDDT		5								5	4	5	5	5	5	5
13	Quản lý TDDT trường học		5				5			4	5	4	5	5	5	5	5
14	Xã hội học TDDT			4			5			4	5	4	5	5	5	5	5
15	Kinh tế học TDDT			4			5			4	5	4	5	5	5	5	5
16	Thể thao giải trí			4			5			4	5	4	5	5	5	5	5
17	Hồi phục thể thao		5				5		4		5	4	5	5	5		5
18	Truyền thông thể thao			4			5			4	5	4	5	5		5	5
19	Chuyên ngành				5	4	5	4	4		5	4	5	5	5	5	5
20	Luận văn tốt nghiệp																

Ở mỗi học phần sau khi xác định CDR, giảng viên lập bảng thể hiện mối liên hệ giữa CDR của học phần với CDR của chương trình dạy học. [H3.03.02.02].

Ví dụ: Sự đóng góp của học phần Phương pháp huấn luyện thể thao vào CDR

của CTDH.

Bảng 3.3. Sự tương thích giữa CDR của học phần Phương pháp Huấn luyện thể thao

CDR của HP	Nội dung CDR của HP	CDR của CTĐT
CDR 1	Học viên nắm được các phương pháp, các giai đoạn tuyển chọn cơ bản, mô hình vận động viên cấp cao - vận động viên trẻ, dự báo tài năng thể thao, các vấn đề di truyền, tuổi sinh học trong tuyển chọn, thời kì mãn cảm phát triển các tổ chất thể lực. Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn của công tác giảng dạy và huấn luyện...	PLO2, PLO3, PLO4,
CDR 2	- Học viên có kỹ năng phân tích hệ thống các chỉ tiêu trong tuyển chọn tài năng thể thao; hệ thống test tuyển chọn VĐV các môn thể thao khác nhau. - Có năng lực tổ chức và thực hành tuyển chọn tài năng thể thao thông qua các test, các chỉ số y sinh học, trắc nghiệm tâm lý, kỹ thuật, chiến thuật ... - Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để áp dụng vào thực tiễn chuyên môn.	PLO5, PLO6, PLO8, PLO10,
CDR 3	- Yêu thích môn học cũng như yêu thích ngành học. - Giúp các học viên có thái độ nghiêm túc, tinh thần làm việc khoa học, hệ thống và tư duy logic trên tinh thần sẵn sàng ứng dụng.	PLO1, PLO14, PLO15,

Khi xây dựng chương trình đào tạo, Nhà trường đã xác định rõ vị trí, mức độ đóng góp của từng học phần để đạt được CDR của chương trình đào tạo. Điều này được thể hiện trong bảng ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được CDR trong CTDH năm 2022. Trong đó, tổ hợp sự đóng góp của các các học phần trong 3 khối kiến thức theo từng CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm được xây dựng. Ví dụ học phần Phương pháp HLTT thuộc khối kiến thức ngành đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức của CTĐT là trang bị những tri thức khoa học huấn luyện về việc vận dụng các phương tiện, phương pháp huấn luyện thể lực, kỹ chiến lược, tâm lý, ý chí... Phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học phần Huấn luyện TT phù hợp đảm bảo đạt được CDR của học phần.

Các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra/đánh giá tại mỗi học phần trong CTDH được xác định rõ tổ hợp và có sự hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc

đạt được CDR. Các phương pháp giảng dạy lựa chọn cho các học phần đều là các phương pháp phù hợp như: thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận/Seminar. Việc tổ hợp các phương pháp giảng dạy trong một học phần đã hỗ trợ cho nhau để học phần đạt được mục tiêu, CDR của CTĐT.

Phương pháp kiểm tra đánh giá được thể hiện trong các đề cương các học phần, theo đó việc đánh giá quá trình, thi kết thúc học phần cũng được sử dụng bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp như các hình thức kiểm tra như: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, tự luận, tiểu luận...VD học phần tuyển chọn TT đã xác định rõ phương pháp kiểm tra đánh giá đạt được CDR của môn học

Bảng 3.4. Phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá của học phần tuyển chọn thể thao

Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra, đánh giá giữa kỳ	Phương pháp kiểm tra, đánh giá cuối HP	CDR học phần
Chương 1. Cơ sở lý luận của tuyển chọn tài năng thể thao.	Thuyết trình, giảng giải, vấn đáp, thảo luận	- Nội dung: Chương 1,2,3 - Phương pháp kiểm tra: Đánh giá tình huống, bài tập, thảo luận, tiểu luận	Phương pháp kiểm tra: Tự luận/ tiểu luận	Đạt được CDR1,3
Chương 2. Cơ sở y sinh học của tuyển chọn tài năng thể thao.	Thuyết trình, giảng giải, vấn đáp, thảo luận			
Chương 3. Quan điểm, yêu cầu và quy trình tuyển chọn tài năng thể thao	Thuyết trình, giảng giải, vấn đáp, thảo luận			
Chương 4. Hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp ứng dụng trong tuyển chọn	Thuyết trình, giảng giải, vấn đáp, thảo luận			Đạt được CDR1,2,3
Chương 5. Tuyển chọn VĐV ở các môn thể thao	Thuyết trình, giảng giải, vấn đáp, thảo luận			

Định kỳ, khi triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan là cựu người học, giảng viên, học viên cuối khóa, nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát là căn cứ để Nhà trường có những điều chỉnh cập nhật về nội dung CTDH, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nhằm đáp ứng yêu

cầu của nhà tuyển dụng và nhu cầu của xã hội [H3.03.02.03], [H3.03.02.04]. Hàng năm, nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi của học viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên và trước khi tốt nghiệp để điều chỉnh CTDH [H3.03.02.05], [H3.03.02.06].

2. Điểm mạnh

CTDH thạc sĩ chuyên ngành GDH đã thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR một cách rất rõ ràng. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần của từng khối kiến thức với CDR của chương trình đào tạo đã được thiết kế phù hợp để người học xác định được CDR của từng học phần. Nội dung các học phần được lấy ý kiến phản hồi của người học để điều chỉnh, bổ sung, cập nhật vào CTDH.

3. Điểm tồn tại

Chưa áp dụng chuyển đổi số vào công cụ hỗ trợ đánh giá kết quả học tập một cách hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Áp dụng chuyển đổi số vào công cụ hỗ trợ đánh giá kết quả học tập cho học viên	K.ĐTSDH	Năm học 2025 - 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh đề cương các học phần trong chương trình dạy học phù hợp với yêu cầu của chuẩn đầu ra.	K.ĐTSDH	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành Giáo dục học được xây dựng dựa trên CDR và bám sát vào tài liệu

hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Qua 2 lần rà soát, cập nhật và điều chỉnh, cấu trúc CTDH đảm bảo được sự liên mạch và gắn kết giữa các khối kiến thức: kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. Cụ thể được trình bày ở bảng 3.5.

Bảng 3.5. Mô tả các khối kiến thức (phiên bản năm 2022)

TT	Khối kiến thức	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Kiến thức chung (10 tín chỉ)	Bắt buộc	10
2	Kiến thức ngành (31 tín chỉ)	Bắt buộc	19
		Tự chọn	12
3	Kiến thức chuyên ngành (12 tín chỉ): chọn 1 trong 4 chuyên ngành Thể thao trường học; Huấn luyện thể thao; Y sinh học thể thao và Quản lý thể dục thể thao	Bắt buộc	12
4	Luận văn tốt nghiệp (15 tín chỉ)	Bắt buộc	15

Khối kiến thức chung gồm có 2 học phần Tiếng Anh và Triết học. Học phần Triết học nhằm cung cấp cho học viên Giúp học viên có cách nhìn khách quan, khoa học về thế giới, về xã hội và về con người trên cơ sở hiểu biết về các quy luật khách quan của tự nhiên, xã hội và tư duy. Từ đó, biết vận dụng vào trong thực tiễn công tác nghiên cứu của mình. Học phần Tiếng Anh trang bị cho học viên năng lực tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) đạt trình độ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Khối kiến thức ngành có 6 học phần bắt buộc và 10 học phần tự chọn. Các học phần bắt buộc gồm: Sinh lý học TDDT; Y học TDDT; Lý luận và phương pháp GDTC; Phương pháp NCKH TDDT; Đo lường thể thao; Thể thao trường học. Các học phần tự chọn gồm 6 học phần trên tổng số 10 học phần gồm các học phần như: Tuyển chọn thể thao; Phương pháp HL thể thao; Tâm lý học TDDT; Giáo dục học TDDT; Quản lý TDDT trường học; Xã hội học TDDT; Kinh tế học TDDT; Thể thao giải trí; Hồi phục thể thao; Truyền thông thể thao.

Sự hợp lý, logic còn được thể hiện kế hoạch đào tạo toàn khóa, phân bổ theo học kỳ trong CTDH. Cụ thể, việc triển khai thực hiện CTDH, tất cả các học phần đã được

bố trí hợp lý về mặt cấu trúc đi từ các học phần kiến thức chung rồi đến kiến thức bắt buộc cơ sở ngành và chuyên ngành, kiến thức tự chọn của cơ sở ngành và chuyên ngành. Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành bắt buộc được xếp vào kỳ 1 và kỳ 2. Các học phần kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành tự chọn là các học phần chuyên ngành theo các định hướng chuyên sâu, các học phần này thường được bố trí học sau các học phần bắt buộc, thường bố trí vào kỳ 2 và kỳ 3. Ví dụ: Sinh lý học TDDT là học phần bắt buộc nền tảng cần được học trước hai học phần chuyên ngành đó là Huấn luyện thể thao; Y sinh học thể thao. Tương tự Giáo dục học TDDT cũng là học phần nền tảng cần được bố trí học trước học phần Thể thao trường học [H3.03.03.03], [H3.03.03.04]. Kế hoạch đào tạo

Định kỳ 2 năm CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật nhằm đáp ứng với nhu cầu xã hội. Đối tượng được khảo sát là cựu học viên, giảng viên/nhà quản lý giáo dục, nhà tuyển dụng, học viên. Trên cơ sở phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường đã điều chỉnh, cập nhật CTDH [H3.03.03.05], [H3.03.03.06]. Biên bản tiếp thu YK năm 2020, 2022

CTDH khi được điều chỉnh có sự tham khảo các CTDH cùng ngành của một số trường Đại học trong nước và nước ngoài như: Đại học TDDT Bắc Ninh, Đại học Thể thao Bắc Kinh (Trung Quốc) [H3.03.03.07].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH Thạc sĩ GDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. 100% các môn học/học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. CTDH được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

3. Điểm tồn tại

CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp, tuy nhiên chưa được đa dạng

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị,	Thời gian	Ghi
----	----------	----------	---------	-----------	-----

			người thực hiện	thực hiện hoặc hoàn thành	chú
1	Khắc phục tồn tại	Tham khảo thêm một số các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế	K.ĐTSDH	Năm học 2025 - 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh đề cương các học phần trong chương trình dạy học phù hợp với yêu cầu của chuẩn đầu ra.	K.ĐTSDH	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Các học phần trong CTDH Thạc sĩ GDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. 100% các môn học/học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. CTDH được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

Tiêu chuẩn 3 có 03 tiêu chí đều đạt

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học là yếu tố cốt lõi quyết định chất lượng đào tạo, phản ánh khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm đạt được chuẩn đầu ra đã tuyên bố trong chương trình đào tạo. Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội áp dụng phương pháp tiếp cận theo năng lực, lấy người học làm trung tâm, nhằm phát triển phẩm chất, kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, và năng lực tự chủ, trách nhiệm của học viên. Cách tiếp cận này hướng tới việc trang bị cho học viên nền tảng vững chắc để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội là “Cùng nhau kiến tạo cơ hội”, được công bố lần đầu trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020 [H4.04.01.01] và chính thức hóa qua QĐ 16/QĐ-ĐHSPTDTTTHN ngày 26/10/2020 [H4.04.01.02]. Thông báo số 679/TB-ĐHSPTDTTTHN ngày 31/12/2020 giải thích: “Mọi người đến với Trường đều có trách nhiệm cùng nhau tạo môi trường giáo dục: Lấy người học làm trung tâm; kiến tạo tri thức; giúp người học có kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp vững vàng, tạo hành trang cho tương lai sau khi học tập, góp phần tạo ra nguồn nhân lực cho sự nghiệp phát triển của đất nước” [H4.04.01.03].

Năm 2020, 2022 nhà trường đã rà soát CTDH, trong quá trình rà soát, cập nhật và điều chỉnh thì Triết lý giáo dục của Nhà trường đã được truyền tải vào quá trình xây dựng CTDH trình độ thạc sỹ ngành GDH [H4.04.01.04], [H4.04.01.05] được thể hiện cụ thể tại bảng 4.1.

Bảng 4.1. Sự chuyển tải ý nghĩa triết lý giáo dục vào CDR của CTDH

Ý nghĩa của Triết lý giáo dục		CDR
Hợp tác và đồng hành trong học tập	Hợp tác giữa các giảng viên, học viên để tạo ra một môi trường học tập hiệu quả. Mọi người đều có thể chia sẻ và đóng góp ý tưởng, kinh nghiệm để xây dựng cơ hội học tập tốt hơn cho từng cá nhân.	PLO1-11
Kiến tạo cơ hội	Tạo ra những cơ hội học tập bình đẳng cho tất cả mọi người, không phân biệt điều kiện gia đình, xuất phát điểm, hay môi trường sống. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu của lý luận, thực tiễn	P13-16
Khuyến khích sáng tạo và đổi mới	Khuyến khích sự sáng tạo trong giáo dục, nơi mà các phương pháp dạy và học không chỉ dừng lại ở những phương thức truyền thống mà còn khai thác	PLO3,5,7, 8

	những cơ hội mới, như công nghệ, phương pháp giảng dạy sáng tạo, để làm phong phú thêm quá trình học tập	
Định hướng phát triển toàn diện	Không những phát triển về kiến thức mà còn về kỹ năng sống, phẩm chất cá nhân, sự sáng tạo và khả năng làm việc nhóm. Góp phần xây dựng một thế hệ sinh viên có khả năng hội nhập, thích ứng và dẫn dắt tương lai.	PLO10,11
Xây dựng một cộng đồng giáo dục tích cực	Môi trường giáo dục không chỉ là nơi cung cấp kiến thức mà còn là nơi để mọi người cùng nhau góp sức xây dựng những cơ hội phát triển, giúp đỡ lẫn nhau trong hành trình học hỏi và trưởng thành.	PLO13,15

Từ triết lý giáo dục, Nhà trường xác định mục tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ ngành GDH là: người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp ở trình độ cao trong lĩnh vực GDTC, TDTT; có năng lực làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, khả năng phát hiện, phân tích, giải quyết các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực GDTC, TDTT và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan.

Bên cạnh đó, Triết lý giáo dục của Nhà trường còn được truyền tải vào thiết kế hoạt động dạy và học, gắn lý thuyết với thực hành, nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy phản biện, thái độ tích cực chủ động của người học. Triết lý này phù hợp với Luật Giáo dục đại học (2012), nhấn mạnh đào tạo nhân lực có phẩm chất đạo đức, kỹ năng thực hành, năng lực nghiên cứu, và khả năng sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc, phục vụ cộng đồng. Triết lý cũng gắn với sứ mạng của Trường: “Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo dục thể chất, thể dục thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.” Triết lý giáo dục được cụ thể hóa trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2026, hướng tới xây dựng Trường thành cơ sở đào tạo uy tín về thể dục thể thao **[H4.04.01.06]**.

Nhà trường phổ biến triết lý giáo dục qua nhiều kênh:

Đối với viên chức, HV: Phổ biến tại các hội nghị của nhà trường giai đoạn 2019-2023; Xây dựng kế hoạch phổ biến triết lý giáo dục tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong nhà trường [H4.04.01.07], Qua sổ tay giảng viên để hiểu và thực hiện [H4.04.01.08]; Trong nội dung giảng dạy tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học cho 100% HV năm nhất tham gia học tập [H4.04.01.09]; Sổ tay HV hàng năm [H4.04.01.10].

Các bên liên quan bên ngoài: Đăng tải trên website chính thức (cập nhật 15/11/2020), fanpage Facebook, pano trong khuôn viên Trường [H4.04.01.11].

Nhà trường đã khảo sát về triết lý giáo dục đối với nhà tuyển dụng, nhà khoa học, viên chức, người lao động, người học, cựu người học với tỷ lệ 91.6% hiểu rõ, đồng ý với triết lý giáo dục của nhà trường [H4.04.01.12].

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, Luật Giáo dục đại học, và chiến lược phát triển của Trường. Phổ biến qua hội nghị, tuần sinh hoạt, sổ tay giảng viên, sổ tay học viên, website, fanpage, pano, đạt hiệu quả cao với GV và HV (91.6% hiểu rõ, đồng ý). Triết lý được cụ thể hóa trong CTĐT, định hướng đào tạo gắn với thực tiễn ngành GDH.

3. Điểm tồn tại

Chưa ban hành quy định cụ thể về truyền tải triết lý giáo dục, dẫn đến thiếu tính hệ thống khi phổ biến tới nhà tuyển dụng và cựu HV. Hình thức phổ biến chưa đa dạng đối với các bên liên quan bên ngoài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Ban hành Quy định về truyền tải triết lý giáo dục Mở rộng kênh phổ biến: lập Zalo, tổ chức 2 hội	Trường ĐHSP TĐTT HN	Năm học 2025-2025	

3. Bài tập		√	√	√	√		√	√	√	√	√					
4. Giải quyết vấn đề					√			√				√	√		√	
5. Tình huống							√	√				√	√	√	√	√
6. Thực tế			√		√	√		√	√		√	√	√			
7. Thảo luận, seminar		√	√	√	√	√	√	√	√	√						
8. Hoạt động nhóm				√	√	√	√	√	√	√	√	√	√			
9. Tự học	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√

Trong mỗi đề cương học phần, các phương pháp giảng dạy học, kiểm tra đánh giá được mô tả rõ ràng và phù hợp với CĐR của các học phần được thể hiện trong bảng 4.3 [H4.04.02.04], [H4.04.02.05].

Bảng 4.3. Hoạt động dạy và học phù hợp với CĐR của CTĐT (PLO)

Hoạt động dạy và học		Mục đích	PLO
Giảng viên	Học viên		
Thuyết trình	Lý thuyết	Dùng cho kiến thức lý thuyết, giúp người học có hiểu biết sâu sắc về các kiến thức lý thuyết trong chương trình học.	PLO 1-4
Đàm thoại	Thuyết trình	Rèn luyện kỹ năng phản biện cho học viên	PLO1-7
Hướng dẫn	Bài tập, tự học	Để giải thích các vấn đề và hiện tượng trong thực tiễn liên quan đến học phần.	PLO 1-16
Hướng dẫn	Hoạt động nhóm, thảo luận, seminar	Rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ chuyên môn. Để trình bày các vấn đề liên quan đến học phần; Kỹ năng tương tác; Kỹ năng viết trình bày. Xây dựng quyền tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.	PLO4-12
Hướng dẫn	Thực tế	Vận dụng tất cả các kỹ năng trong chương trình HP vào thực tế để giảng dạy	PLO 3,5,6,8,9, 11,12,13

Ở mỗi học phần, các hoạt động giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá được thiết kế trong đề cương học phần để đạt được các CĐR từng chương thông qua đó đạt được CĐR của học phần, góp phần vào việc đạt được các CĐR của CTDH (PLO). Ví dụ như học phần Y học Thể dục thể thao 3 tín chỉ thể hiện bảng 4.4

Bảng 4.4 Minh họa sự tương thích giữa CĐR của chương 1 và nội dung,

phương pháp giảng dạy, đánh giá của học phần Y học TDDT

CDR của chương	Nội dung chính	Hình thức/ phương pháp		Yêu cầu SV chuẩn bị, tài liệu tham khảo
		Dạy học, học	Đánh giá	
	Chương I. Kiểm tra y học trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao			
CLO1 CLO3 CLO4 CLO6	1.1. Kiểm tra mức độ phát triển thể chất 1.1.1. Khái niệm, nhiệm vụ, hình thức 1.1.2. Cơ sở y sinh học của năng lực vận động 1.1.3. Các nhóm phương pháp Y sinh học ứng dụng trong kiểm tra 1.1.4. Các phương pháp kiểm tra	- Dạy: Thuyết trình, thảo luận, đàm thoại, nêu và giải quyết vấn đề. - Học ở lớp: Hoạt động nhóm; Vận dụng các kiến thức đã học để trả lời câu hỏi, tham gia xây dựng bài học.	Đánh giá điểm quá trình	- Chuẩn bị tài liệu phục vụ môn học. - Nghiên cứu trước nội dung bài học
	1.2. Kiểm tra y học sự phạm 1.2.1. Khái niệm về kiểm tra y học sự phạm TDDT 1.2.2. Nhiệm vụ kiểm tra Y học sự phạm TDDT 1.2.3. Nội dung và phương pháp kiểm tra Y học sự phạm TDDT 1.2.4. Kiểm tra điều kiện đảm bảo 1.2.5. Kiểm tra trong vận động	- Dạy: Thuyết trình, thảo luận, đàm thoại, nêu và giải quyết vấn đề. - Học ở lớp: Hoạt động nhóm; Vận dụng các kiến thức đã học để trả lời câu hỏi, tham gia xây dựng bài học.		- Chuẩn bị tài liệu phục vụ môn học. - Nghiên cứu trước nội dung bài học
	1.3. Kiểm tra trình độ luyện tập 1.3.1. Khái niệm, mục đích, thành phần 1.3.2. Phương pháp lựa chọn tiêu chí và các chỉ tiêu	- Dạy: Thuyết trình, thảo luận, đàm thoại, nêu và giải quyết vấn đề. - Học ở lớp: Hoạt động nhóm; Vận dụng các kiến thức đã học		- Chuẩn bị tài liệu phục vụ môn học. - Nghiên cứu trước nội dung bài học

	1.3.3. Phương pháp xây dựng tiêu chuẩn đánh giá	để trả lời câu hỏi, tham gia xây dựng bài học.		
	Thảo luận	Kiểm tra Y học sự phạm, kiểm tra trình độ tập luyện		- Thảo luận theo nhóm - Thuyết trình thảo luận
	Bài tập	Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ luyện tập của VĐV trong môn chuyên sâu tự chọn		Bài tập nhóm

Hoạt động giảng dạy của giảng viên được sinh viên đánh giá rất tốt, thể hiện qua kết quả phản hồi hàng năm của học viên **[H4.04.02.06]**, Kết quả được tổng hợp tại Bảng 4.5

Bảng 4.5. Kết quả phản hồi sự hài lòng của HV về hoạt động giảng dạy của GV

Số TT	Tiêu chí	Cấp độ ĐG NH 2020-2021		Cấp độ ĐG NH 2021-2022		Cấp độ ĐG NH 2022-2023		Cấp độ ĐG NH 2023-2024	
		Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận
1	Giảng viên có kiến thức sâu rộng và thường xuyên cập nhật các tin tức thời sự áp dụng trong giờ học	4.44	Rất tốt	4.15	Tốt	4.67	Rất tốt	4.77	Rất tốt
2	Giảng viên chuẩn bị bài giảng công phu và chất lượng	4.12	Tốt	4.18	Tốt	4.68	Rất tốt	4.72	Rất tốt
3	Đề thi kiểm tra được cả kiến thức và kỹ năng, có tính phân tích tổng hợp khái quát cao, liên hệ với thực tiễn	4.27	Rất tốt	4.38	Rất tốt	4.58	Rất tốt	4.70	Rất tốt
4	Việc thực hiện kiểm tra – đánh giá đúng theo quy định, công bằng và phản ánh đúng năng lực của học viên	4.35	Rất tốt	4.36	Rất tốt	4.60	Rất tốt	4.70	Rất tốt
5	Giảng viên có tác phong và cách ứng xử chuẩn	4.26	Rất tốt	4.18	Tốt	4.60	Rất tốt	4.80	Rất tốt

Số TT	Tiêu chí	Cấp độ ĐG NH 2020-2021		Cấp độ ĐG NH 2021-2022		Cấp độ ĐG NH 2022-2023		Cấp độ ĐG NH 2023-2024	
		Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận
	mục								
6	Bạn có hài lòng về chất lượng đào tạo sau đại học của nhà trường	4.36	Rất tốt	4.61	Rất tốt	4.65	Rất tốt	4.60	Rất tốt

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy và học đã được thiết kế phù hợp, theo hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học để đạt được CDR của của từng học phần hướng đến đạt được CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động dạy và học tuy đã đổi mới và thiết kế phù hợp nhưng còn chưa phong phú và đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát đề cương học phần, bổ sung phương pháp dạy học tích cực cho 30% các học phần trong CTDH. Khoa ĐT SDH thường xuyên tổ chức trao đổi với GV giảng dạy để đổi mới, cập nhật các phương pháp, kỹ thuật và cách thức tổ chức hoạt động dạy học tiên tiến.	Khoa ĐT SDH và GV giảng dạy	Kỳ 2 Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bám sát vào CDR của chương trình đào tạo, CDR của từng học phần để thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy và học để đạt được CDR.	Khoa ĐT SDH và GV giảng dạy	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời

1. Mô tả hiện trạng

Học tập suốt đời của học viên tốt nghiệp CTĐT thạc sỹ GDH được thể hiện ở Khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, Khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn, tư duy phản biện, làm việc nhóm, ứng dụng công nghệ, Khả năng sử dụng ngoại ngữ để trao đổi học thuật và đọc tài liệu và thực hành nghề nghiệp (PLO5,6,8,10,11,13). Đặc biệt là khả năng giảng dạy, huấn luyện theo phương pháp hiện đại nhằm trang bị kiến thức cho người học; phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu thể thao tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và huấn luyện vận động viên TDTT (PLO5) **[H4.04.03.01], [H4.04.03.02]**. Đề cương các học phần trong CTDH đều thiết kế thời lượng cho HV tự học 30 giờ/tín chỉ (chiếm 66% thời lượng) **[H4.04.03.03], [H4.04.03.04]**. Phương pháp giảng dạy phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học viên; bồi dưỡng năng lực tự chủ và tự học để học viên có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn tri thức, tiếp tục phát triển các phẩm chất, năng lực sau khi tốt nghiệp. Một số phương pháp giảng dạy được sử dụng trong giảng dạy các học phần: Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận, seminar, bài tập, thực tập, thực tế, dạy học nêu và giải quyết vấn đề, dạy học bằng tình huống. Trong mỗi học phần, ngoài các giờ học lý thuyết, bài tập, thực hành, thảo luận còn thiết kế giờ tự học, nội dung tự học, phương pháp hướng dẫn việc tự học của học viên trong CTDH và ĐCHP Ví dụ phân bổ thời gian học tập và tự học của HP Sinh lý TDTT được minh họa tại bảng 4.6.

Bảng 4.6. Phân loại chi tiết hoạt động dạy và học HP Sinh lý học TDTT

Số TT	Loại giờ tín chỉ	Số tiết trên lớp	Số giờ tự học Tự nghiên cứu
1	Lý thuyết	40	80
2	Bài tập	18	36
3	Thảo luận	2	4
	Cộng	60	120

Hàng năm, Nhà trường triển khai hoạt động NCKH cho HV nhằm tạo điều kiện cho học viên ứng dụng kiến thức khoa học và kiến thức chuyên môn vào thực tiễn, mở rộng kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng phân tích và tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng thực hành, tạo cơ hội học tập suốt đời. Trong giai đoạn từ 2019- 2024 số học viên tham gia đề tài NCKH, làm luận văn tốt nghiệp, bài báo **[H4.04.03.05]**, **[H4.04.03.06]**, **[H4.04.03.07]** được thể hiện tại bảng 4.7

Bảng 4.7. Hoạt động NCKH của học viên ngành GDH

Loại hình NCKH	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Tổng cộng
Đề tài HV NCKH	1	1	3	2	2	9
Học viên làm luận văn tốt nghiệp	58	50	68	42	39	257
Bài báo khoa học	0	12	5	5	8 (Đăng HTKH Quốc gia	30

Nhà trường cung cấp không gian tự học, trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi học thực hành và các nguồn thông tin cụ thể khác để đảm bảo rằng các hoạt động này được thực hiện hiệu quả. Nhà trường cũng đã có chính sách khuyến khích để bồi dưỡng học viên có năng lực nghiên cứu khoa học. Nhà trường cung cấp cho học viên cơ hội học tập và nghiên cứu sâu hơn để lấy bằng Tiến sĩ đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của cá nhân sau khi tốt nghiệp.

Hoạt động giảng dạy của giảng viên được học viên đánh giá cao, thể hiện qua

kết quả phản hồi hàng năm của học viên [**H4.04.03.08**]. Kết quả được tổng hợp tại Bảng 4.8

Bảng 4.8. Kết quả phản hồi sự hài lòng của HV về hoạt động giảng dạy của GV

Số TT	Tiêu chí	Cấp độ ĐG NH 2020-2021		Cấp độ ĐG NH 2021-2022		Cấp độ ĐG NH 2022-2023		Cấp độ ĐG NH 2023-2024	
		Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận
1	Giảng viên hướng dẫn học viên làm luận văn/luận án một cách nhiệt tình và có hiệu quả	4.36	Rất tốt	4.36	Rất tốt	4.63	Rất tốt	4.72	Rất tốt
2	Giảng viên có kiến thức sâu rộng và thường xuyên cập nhật các tin tức thời sự áp dụng trong giờ học	4.44	Rất tốt	4.15	Tốt	4.67	Rất tốt	4.77	Rất tốt
3	Giảng viên có tác phong và cách ứng xử chuẩn mực	4.26	Rất tốt	4.18	Tốt	4.60	Rất tốt	4.80	Rất tốt
4	Hài lòng về chất lượng đào tạo sau đại học của nhà trường	4.36	Rất tốt	4.61	Rất tốt	4.65	Rất tốt	4.60	Rất tốt

2. Điểm mạnh

CTĐT và hoạt động dạy học chú trọng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu của HV, 100% học viên làm luận văn tốt nghiệp đạt kết quả tốt. Các đề tài NCKH, bài báo khoa học của học viên được khoa đào tạo SDH có cơ chế khuyến khích nhằm thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu của học viên.

3. Điểm tồn tại

Một số giảng viên còn chưa quan tâm đúng mức đến việc bồi dưỡng khả năng tự học, tự nghiên cứu, học tập suốt đời cho học viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục	Rà soát đề cương học phần,	Khoa ĐT	Kỳ 2 Năm	

	điểm tồn tại	Thường xuyên tổ chức semina giữa Khoa ĐT SDH với giảng viên để nâng cao khả năng học tập suốt đời cho học viên.	SDH và GV giảng dạy	học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát đề cương HP và tăng cường các hoạt động NCKH và hoạt động tự học, tự nghiên cứu cho học viên	Khoa ĐT SDH và GV giảng dạy	Định kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Triết lý giáo dục “Cùng nhau kiến tạo cơ hội” được công bố rõ ràng, phổ biến hiệu quả tới GV, HV qua hội nghị, website, fanpage, pano, và sổ tay HV. Các hoạt động dạy học phù hợp CDR, chú trọng đến việc tự học, tự nghiên cứu của HV. Cơ sở vật chất hiện đại và hoạt động hỗ trợ đa dạng (bài báo khoa học, đề tài NCKH, luận văn tốt nghiệp, thực hành thực tế tại các cơ sở...). Hoạt động dạy học thúc đẩy kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, ứng dụng công nghệ. Cần khắc phục hạn chế: thiếu quy định phổ biến triết lý, phương pháp dạy học chưa đa dạng, một số giảng viên chưa quan tâm đúng mức đến việc bồi dưỡng khả năng học tập suốt đời cho học viên.

Tiêu chuẩn 4 có 03 tiêu chí đều đạt

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học. Kết quả đánh giá cung cấp cho các bên liên quan về mức độ đạt được của người học so với chuẩn đầu ra của CTĐT. Việc đánh giá kết quả học

tập của học viên được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt quá trình SV theo học tại Trường nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu và CDR học phần và CTĐT. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo sự đa dạng, độ giá trị, tin cậy, sự công bằng. Người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Đánh giá kết quả học tập của người học là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Để đánh giá kết quả học tập của người học, Nhà trường đã ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, trong đó quy định rõ về việc đánh giá kết quả học tập của người học trong suốt quá trình đào tạo đến khi bảo vệ luận văn [H5.05.01.01], [H5.05.01.02]. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế logic, khoa học dựa trên khung CTĐT, mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT được thể hiện trong bản mô tả chương trình đào tạo, trong đó các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CDR, bao gồm: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận, thực hành, bài tập lớn, bài tập nhóm ..., tùy theo đặc điểm từng học phần [H5.05.01.03], [H5.05.01.04].

Nhà trường đã ban hành đề cương các học phần thuộc chương trình đào tạo, nội dung đề cương học phần có quy định rõ về yêu cầu cách thức kiểm tra đánh giá, tỷ trọng điểm thành phần và yêu cầu đạt được. Đề cương học phần của CTĐT được công bố công khai ngay từ đầu khóa đào tạo với hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế chặt chẽ, bài bản nhằm kiểm soát toàn bộ quá trình học tập của người học. Nội dung, cách thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn học của người học được xây dựng từ mục tiêu, CDR môn học và được cụ thể hóa qua hoạt động dạy học. Nội dung đánh giá môn học bao gồm đánh giá quá trình và đánh giá cuối học phần. Đánh giá đánh giá giữa học phần thông qua các hình thức bài tập thực hành, hoạt

động nhóm, báo cáo thuyết trình, đánh giá cuối học phần bằng các hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn [H5.05.01.05], [H5.05.01.06].

Đề thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận đều được Lãnh đạo khoa phê duyệt trên cơ sở xem xét khả năng đánh giá của đề thi và nội dung thi theo 5 mức độ: biết, hiểu, vận dụng, phân tích - tổng hợp và sáng tạo; khả năng đáp ứng mục tiêu và nội dung của từng học phần; đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTĐT, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CDR; Biểu điểm, đáp án đề thi đánh giá đầy đủ chính xác các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng người học cần đạt được. Thang điểm của đáp án là thang điểm 10. Các ý nhỏ được xác định điểm lẻ đến 0,25 điểm [H5.05.01.07].

Sử dụng công cụ Rubric để kiểm tra đánh giá, các Rubric đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với các phương pháp đánh giá trong CTĐT của Nhà trường, các Rubric đánh giá được thể hiện trong bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng học phần để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubric đánh giá thích hợp. Công cụ này giúp phân tích và làm rõ căn cứ xác định tiêu chí, trọng số và điểm đánh giá điểm môn học.

Luận văn là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên, đáp ứng các yêu cầu về lý luận, học thuật thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên. Đánh giá luận văn được đánh giá công khai thông qua hội đồng đánh giá. Hội đồng đánh giá luận văn tập trung chủ yếu vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu, phương pháp nghiên cứu, kết quả giải quyết vấn đề đã đặt ra; mức độ đáp ứng yêu cầu đối với luận văn thạc sĩ; đảm bảo đánh giá đúng năng lực, kiến thức và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài. Luận văn được chấm theo mẫu phiếu thống nhất của Nhà trường [H5.05.01.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa Đào tạo sau đại học có hệ thống văn bản, quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học một cách rõ ràng, cụ thể bám sát các CDR của học phần và của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt CDR của chương trình đào tạo, cũng như CDR của từng học phần.

3. Điểm tồn tại

Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả cuối học phần chưa đa dạng hóa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.	Giảng viên giảng dạy, Khoa Đào tạo Sau đại học, Phòng ĐBCL - Thanh tra - Pháp chế	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo đúng quy định kiểm tra đánh giá kết quả, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với mục tiêu đào tạo và mức độ CDR.	Giảng viên giảng dạy, Khoa Đào tạo Sau đại học, Phòng ĐBCL - Thanh tra - Pháp chế	Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Trong các Quy định về công tác đào tạo của Nhà trường nêu rõ việc đánh giá kết quả học tập của người học ở mỗi học phần gồm 2 tiêu chí: Đánh giá kiểm tra giữa học kỳ và đánh giá bài thi kết thúc học phần [H5.05.02.01], [H5.05.02.02],

Về thời gian: Đánh giá điểm kiểm tra giữa kỳ (trọng số 20%) được tiến hành trong quá trình học tập học phần do giảng viên trực tiếp giảng dạy đánh giá gồm các hình thức: đánh giá báo cáo thuyết trình, đánh giá bài tập, đánh giá thực hành, làm việc nhóm. Bài kiểm tra đánh giá cuối học phần (trọng số 80%) được thực hiện sau khi kết thúc học phần với các hình thức thi thi tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, đánh giá bài tập. Với mỗi phương pháp đánh giá sử dụng rubric đánh giá thích hợp. Ví dụ: Đánh giá tiểu luận gồm 4 tiêu chí đánh giá (cấu trúc 10%, nội dung 70%, kết luận 10%, hình thức trình bày 10%). Đánh giá bài tập gồm 3 tiêu chí đánh giá (thời gian nộp bài tập 20%, nội dung bài tập 50%, trình bày bài tập 30%) [H5.05.02.03], [H5.05.02.04], [H5.05.02.05], [H5.05.02.06].

Đối với hình thức thi tự luận, cuối mỗi học kỳ, Khoa đào tạo Sau đại học tổ chức kỳ thi kết thúc học phần: xếp lịch thi, phòng thi, bố trí cán bộ coi thi (CBCT), in danh sách thi và tổ chức thi [H5.05.02.07], [H5.05.02.08].

Luận văn tốt nghiệp của học viên được đánh giá qua hình thức học viên báo cáo và chấm điểm của Hội đồng đánh giá theo 3 tiêu chí: Nội dung luận văn 65%, báo cáo kết quả nghiên cứu 25%, bài báo khoa học 10% [H5.05.02.09].

Các quy định cụ thể về thi kết thúc học phần; chấm thi, thông báo điểm, lưu trữ bài thi, phúc khảo bài thi; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại và xử lý vi phạm được thể hiện trong Quy định về công tác khảo thí của Nhà trường [H5.05.02.10].

Trong buổi học đầu tiên của học phần, các giảng viên cung cấp và giới thiệu đề cương học phần cho học viên bao gồm nội dung thời gian, phương pháp, trọng số đánh giá giữa kỳ và thi kết thúc học phần. Kết quả đánh giá giữa kỳ được giảng viên thông báo trực tiếp đến học viên. Kết quả đánh giá cuối kỳ (thi kết thúc học phần)

được công bố công khai trên bảng tin và các nhóm học viên.

Học viên được cung cấp Sổ tay học viên từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số và các nội dung liên quan đến công tác KTĐG người học [H5.05.02.11]. Các quy định về kiểm tra - thi được quy định rõ ràng và công bố công khai cho người học thông qua sinh hoạt đầu khóa cho học viên, giúp người học dễ dàng tiếp cận và hiểu rõ [H5.05.02.12].

2. Điểm mạnh

Các quy định về KTĐG kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành Giáo dục học được xác định rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

3. Điểm tồn tại

Hình thức công khai kết quả học tập chưa được công nghệ hóa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng hệ thống quản lý học tập thông qua phần mềm.	Khoa đào tạo sau đại học	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện quy trình đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực, thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để hoàn thiện quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá.	Khoa đào tạo sau đại học Các giảng viên	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá	
Chưa đạt	Đạt

❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy định, Quy chế về công tác đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường [H5.05.03.01], [H5.05.03.02]. Ngoài ra, phương pháp đánh giá kết quả học tập còn được cụ thể hóa trong bản mô tả chương trình đào tạo [H5.05.03.03], [H5.05.03.04].

Đối với giá giữa học phần: Hình thức đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ gồm các hình thức: đánh giá báo cáo thuyết trình, đánh giá bài tập, đánh giá thực hành, làm việc nhóm... với tiêu chí đánh giá là các rubric. Các Rubric đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với các phương pháp đánh giá trong CTĐT của Nhà trường. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng học phần để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubric đánh giá thích hợp. Ví dụ: Đánh giá thuyết trình gồm 3 tiêu chí là nội dung báo cáo (trọng số 50%), trình bày slide (trọng số 20%) và thuyết trình (trọng số 30%); được thể hiện qua bảng 5.1.

Bảng 5.1. Tiêu chí đánh giá thuyết trình

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá trọng số		
	Nội dung báo cáo (50%)	Trình bày Slide (20%)	Thuyết trình (30%)
Mức A (8.5-10)	Hoàn toàn phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ dễ hiểu, hình ảnh bảng biểu minh họa đẹp, rõ ràng phong phú, chính xác, có sử dụng video và giải thích cụ thể kiến thức trên video	Slide trình bày có bố cục 3 phần (giới thiệu, phần chính, kết luận) rõ ràng, logic; thuật ngữ được sử dụng đơn giản, dễ hiểu, thể hiện được thuần thực trong trình bày và sử dụng ngôn ngữ	Trình bày rất súc tích, bố cục, âm giọng rõ ràng, lưu loát, tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể hiểu và bắt kịp tất cả nội dung được trình bày; thời gian trình bày đúng quy định.
Mức B (7.0-8.4)	Phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh bảng biểu minh họa đẹp, rõ ràng phong phú, chính xác, có sử dụng video	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, phù hợp logic; thể hiện được thuần thực trong trình bày	Trình bày khá súc tích, sử dụng từ đơn giản, dễ hiểu; âm giọng rõ ràng, lưu loát, tương tác tốt, người nghe có thể hiểu nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định.
Mức C (5.5-6.9)	Phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, hình ảnh bảng biểu minh họa đẹp, rõ ràng	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, hợp logic	Trình bày bố cục rõ ràng; âm giọng dễ nghe, người nghe có thể hiểu nội dung; thời gian trình bày đúng quy định.
Mức D (4.0-5.4)	Phù hợp cơ bản với yêu cầu; giải thích chưa rõ ràng về hình ảnh minh họa, bảng biểu	Slide trình bày có đủ số lượng thích hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh tương đối rõ ràng	Trình bày đầy đủ, âm giọng chưa rõ ràng, sử dụng từ ngữ còn khó hiểu; chưa có tương tác, thời gian trình bày chưa đúng quy định
	Không có nội dung	Slide trình bày quá	Phần trình bày không logic,

Mức F (0.0-3.9)	hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu	sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	sử dụng từ không đúng, âm giọng không rõ, người nghe không hiểu, vượt quá thời gian quy định
----------------------------	---	---	--

Đánh giá kết thúc học phần gồm các hình thức: thi tự luận, đánh giá bài tập, đánh giá tiểu luận. Tùy theo yêu cầu, CDR của từng học phần giảng viên xác định hình thức thi phù hợp nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng. Ví dụ: Hình thức đánh giá tiểu luận gồm 4 tiêu chí đánh giá (cấu trúc 10%, nội dung 70%, kết luận 10%, hình thức trình bày 10%). Cụ thể được trình bày trong bảng 5.2.

Bảng 5.2. Tiêu chí đánh giá tiểu luận

Mức độ đạt chuẩn quy định	Tiêu chí đánh giá (trọng số)			
	Cấu trúc (10%)	Nội dung báo cáo (70%)	Kết luận (10%)	Hình thức trình bày (10%)
Mức A (8.5-10)	Cấu trúc cân đối, hợp lý	Nội dung được phân tích một cách rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề, lập luận chặt chẽ, logic	Rất phù hợp và đầy đủ	Nhất quán về hình thức trong toàn bài. Không có lỗi chính tả
Mức B (7.0-8.4)	Cấu trúc cân đối, hợp lý	Nội dung phân tích được rõ vấn đề, lập luận khá chặt chẽ, logic, nhưng còn vài sai sót nhỏ.	Phù hợp và đầy đủ	Vài sai sót nhỏ về hình thức. Một vài lỗi nhỏ không đáng kể
Mức C (5.5-6.9)	Cấu trúc khá cân đối, hợp lý	Nội dung phân tích khá rõ vấn đề, lập luận khá chặt chẽ, logic nhưng nội dung còn sai sót nhỏ	Khá phù hợp và đầy đủ	Vài sai sót nhỏ về hình thức. Một vài lỗi nhỏ
Mức D (4.0-5.4)	Cấu trúc tương đối cân đối, hợp lý	Nội dung phân tích tương đối rõ vấn đề, lập luận tương đối chặt chẽ, logic nhưng nội dung còn phần chưa	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Hình thức vài chỗ không nhất quán. Lỗi chính tả khá nhiều

		đảm bảo		
Mức F (0.0-3.9)	Cấu trúc không cân đối, thiếu hợp lý	Nội dung phân tích không rõ tầm quan trọng của vấn đề, lập luận không logic	Không phù hợp	Hình thức không nhất quán. Lỗi chính tả rất nhiều

Luận văn tốt nghiệp của học viên được đánh giá thông qua hội đồng gồm 5 người với các tiêu chí đánh giá: Nội dung luận văn 65%, báo cáo kết quả nghiên cứu 25%, bài báo khoa học 10%. Trong đó, biểu điểm được xây dựng với điểm chi tiết cho các tiêu chí từ 0,5 đến 2.0 điểm và kết quả đánh giá luận văn là trung bình cộng của 5 thành viên hội đồng [H5.05.03.05].

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến đánh giá của học viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên với 3 nội dung: Giảng viên sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau phù hợp với mục tiêu và nội dung từng học phần; Việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đúng theo quy định, công bằng và phản ánh đúng năng lực của học viên; Đề thi kiểm tra gồm cả kiến thức và kỹ năng, có tính phân tích, khái quát cao, liên hệ với thực tiễn. Việc lấy ý kiến thông qua phiếu hỏi với 5 mức độ đánh giá (rất tốt, tốt, khá, trung bình, yếu). Qua báo cáo tổng kết, đa số người học đánh giá nội dung trên với mức độ tốt và rất tốt [H5.05.03.06].

Bảng 5.3. Mức độ hài lòng của người học về kiểm tra đánh giá

Năm học Tiêu chí	Học kỳ	2021-2022 (%)		2022-2023 (%)		2023-2024 (%)	
		Rất tốt	Tốt	Rất tốt	Tốt	Rất tốt	Tốt
Giảng viên sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau phù hợp với mục tiêu và nội dung từng học phần	Học kỳ 1	60,00	20,09	72,15	20,09	85,09	14,04
	Học kỳ 2	50,00	48,04	66,67	29,33	62,98	34,04

Năm học Tiêu chí	Học kỳ	2021-2022 (%)		2022-2023 (%)		2023-2024 (%)	
		Rất tốt	Tốt	Rất tốt	Tốt	Rất tốt	Tốt
Việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đúng theo quy định, công bằng và phản ánh đúng năng lực của học viên	Học kỳ 1	40,00	40,67	68,49	25,11	82,89	16,23
	Học kỳ 2	54,9	44,12	64,00	31,56	60,43	37,87
Đề thi kiểm tra gồm cả kiến thức và kỹ năng, có tính phân tích, khái quát cao, liên hệ với thực tiễn	Học kỳ 1	46,00	33,33	67,58	24,20	79,82	19,74
	Học kỳ 2	54,9	45,1	62,67	32,89	61,70	37,02

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, tiêu chí đánh giá rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy và đảm bảo tính công bằng.

3. Điểm tồn tại

Công tác rà soát nội dung đề cương học phần, phương pháp kiểm tra đánh giá cho một số ít học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn và đặc thù học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện rà soát để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung đề cương học phần để phù hợp hơn với thực tiễn và đặc thù môn học.	Khoa đào tạo sau đại học, Giảng viên	Theo định kỳ đánh giá	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện quy trình đánh giá theo tiếp cận CDR, đa dạng các phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với đối tượng đào tạo.	Khoa đào tạo sau đại học, giảng viên	Theo định kỳ đánh giá	
---	--------------------	---	--------------------------------------	-----------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có quy định cụ thể về việc đánh giá kết quả học tập của học viên. Việc phản hồi kết quả học tập của học viên được thực hiện theo quy định về công tác khảo thí của Trường. Cuối mỗi học phần, giảng viên công bố công khai tổng hợp điểm đánh giá giữa học phần cho học viên ngay khi kết thúc giảng dạy học phần. Hình thức phản hồi này giúp sinh viên có thể điều chỉnh hoạt động học tập tốt hơn cho kỳ thi kết thúc học phần. Đối với đánh giá luận văn tốt nghiệp được công bố công khai cho học viên ngay sau khi kết thúc buổi báo cáo luận văn. Kết quả đánh giá cuối kỳ được công bố công khai trên bảng tin, qua các nhóm học viên của Khoa cho học viên chậm nhất sau 10 tuần kể từ ngày tổ chức thi [H5.05.04.01], [H5.05.04.02].

Kết quả học tập của người học được Khoa sau đại học tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống lưu trữ ở văn phòng khoa, phòng Đảm bảo chất lượng-TT&PC[H5.05.04.03].

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến đánh giá của học viên trước tốt nghiệp về hình thức kiểm tra đánh giá thông qua phiếu hỏi với 5 mức độ đánh giá (rất tốt, tốt, khá, trung bình, yếu). Các ý kiến phản hồi được tổng hợp thành báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của học viên trước tốt nghiệp [H5.05.04.04]. Cụ thể, mức độ hài lòng của học về hoạt động kiểm tra đánh giá được thể hiện trong bảng 5.4.

Bảng 5.4. Mức độ hài lòng của học viên trước tốt nghiệp về kiểm tra đánh giá

Năm học	2021-2022		2022-2023		2023-2024	
Tiêu chí	(%)		(%)		(%)	
	Rất hài lòng	Hài lòng	Rất hài lòng	Hài lòng	Rất hài lòng	Hài lòng
Các kế hoạch thi, kiểm tra được thông báo rõ ràng, kịp thời cho học viên	43,62	43,62	45,21	45,21	61,97	35,21
Kết quả học tập được thông báo kịp thời cho học viên	42,55	43,62	45,21	39,73	60,56	35,21

2. Điểm mạnh

Kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được công bố đúng quy định và kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố kết quả kiểm tra đánh giá của người học mới được thực hiện trực tiếp thông qua bảng tin, chưa đưa được lên cổng thông tin do phần mềm quản lý đào tạo đang trong giai đoạn hoàn thiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo; Trang bị phần mềm quản lý sinh viên	Khoa đào tạo sau đại học	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quản lý, lưu trữ, phản hồi kết quả đánh giá người học. Tăng cường chức năng của các bộ phận hỗ trợ nhằm tạo điều	Khoa đào tạo sau đại học, các đơn vị	Hàng năm	

		kiện tốt nhất cho học viên trong việc cải thiện kết quả học tập để hoàn thành chương trình đào tạo một cách tốt nhất.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được Nhà trường hướng dẫn rõ ràng trong Quy định về công tác khảo thí [H5.05.05.01]. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến học viên thông qua nhiều hình thức: phổ biến ở tuần sinh hoạt đầu khóa; qua Sổ tay học viên; qua website của Nhà trường [H5.05.05.02], [H5.05.05.03]. Bên cạnh đó, người học sẽ được giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần, chuyên viên hỗ trợ tại khoa đào tạo sau đại học hướng dẫn, giải đáp thắc mắc liên quan đến kết quả học tập khi có nhu cầu.

Đối với điểm giữa học phần, người học có thể khiếu nại trực tiếp với giảng viên được phân công giảng dạy học phần khi công bố điểm trên lớp.

Đối với điểm thi kết thúc học phần, học viên có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép theo quy định. Khi người học có thắc mắc, khiếu nại và đề nghị phúc khảo bài thi theo mẫu đơn thống nhất của Nhà trường. Đơn của người học phải có xác nhận của Khoa đào tạo sau đại học và chuyển cho phòng ĐBCL-TTr&PC. Thời hạn thắc mắc, khiếu nại và phúc khảo bài thi trong vòng 01 tuần kể từ ngày Khoa đào tạo sau đại học công bố kết quả thi. Phòng ĐBCL-TT&PC tổ chức chấm phúc khảo bài thi của học viên theo đúng quy định công tác khảo thí của Trường. Thời gian chấm phúc khảo không quá 07 ngày làm việc kể từ

ngày nhận đơn. Phòng ĐBCL-TTr&PC kiểm tra lại khâu hồi phách, nếu không có sai sót tiến hành làm các thủ tục như sau: Rút bài thi, in phiếu chấm phối hợp với bộ phận thanh tra Nhà trường tổ chức chấm phúc khảo bài thi theo mẫu biên bản chấm phúc khảo bài thi. Mời giảng viên chấm có chuyên môn (không phải các giảng viên chấm lần trước) chấm lại. Điểm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của đánh giá học phần. Sau khi có kết quả chấm phúc khảo khoa đào tạo sau đại học trực tiếp công bố điểm tới người học có đơn phúc khảo bài thi.

Trong 5 năm của chu kỳ đánh giá, việc khiếu nại trực tiếp về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng; với các học phần không có học viên nào yêu cầu chấm phúc khảo bài thi.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy định rõ ràng về khiếu nại kết quả học tập và sinh viên dễ dàng tiếp cận quy trình khiếu nại kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, người học vẫn phải thực hiện các thủ tục khiếu nại trực tiếp do chưa tích hợp quy trình khiếu nại trực tuyến hoặc tích hợp với các phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nghiên cứu, triển khai tích hợp quy trình khiếu nại kết quả học tập của người học với phần mềm quản lý đào tạo, qua đó giúp người học gửi đi nhanh chóng các yêu cầu về khiếu nại kết quả học tập, rút ngắn các công đoạn hành chính qua đó kịp thời đảm bảo quyền lợi cho người học.	Khoa đào tạo sau đại học	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và phát huy việc giải quyết tốt việc khiếu nại của người học về kết quả học tập.	Khoa đào tạo sau đại học, Các giảng viên	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Nhà trường có quy định rõ ràng về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR của học phần hướng tới đạt CDR của CTĐT.

Các quy định về KTĐG kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, tiêu chí đánh giá rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy và đảm bảo tính công bằng.

Kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được công bố đúng quy định và kịp thời.

Nhà trường có quy định rõ ràng về khiếu nại kết quả học tập và học viên dễ dàng tiếp cận quy trình khiếu nại kết quả học tập.

Tuy nhiên còn tồn tại:

Hình thức công khai kết quả học tập chưa được công nghệ hóa

Công tác rà soát nội dung đề cương học phần, phương pháp kiểm tra đánh giá cho một số ít học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn và đặc thù học phần.

Việc công bố kết quả kiểm tra đánh giá của người học mới được thực hiện trực tiếp thông qua bảng tin, chưa đưa được lên cổng thông tin do phần mềm quản lý đào tạo đang trong giai đoạn hoàn thiện.

Hiện nay, người học vẫn phải thực hiện các thủ tục khiếu nại trực tiếp do chưa tích hợp quy trình khiếu nại trực tuyến hoặc tích hợp với các phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí trong đó cả 5 tiêu chí đều đạt.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu:

Thực hiện sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo dục thể chất; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về giáo dục thể chất đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập. Nhà trường xác định việc xây dựng phát triển đội ngũ giảng viên có vai trò quyết định đến chất lượng đào tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Vì vậy luôn có các chính sách, quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, cơ cấu đội ngũ giảng viên bảo đảm hài hòa, hợp lý về: độ tuổi, giới tính, học hàm, học vị, nguồn đào tạo, lực lượng hiện có để đội ngũ này ngày càng phát triển ổn định, duy trì được tính liên tục, tính kế thừa. Trong suốt quá trình thực hiện sứ mạng của mình, mỗi giai đoạn Nhà trường đều có chiến lược về công tác phát triển đội ngũ, nhất là đối với việc lựa chọn, bồi dưỡng, sử dụng hợp lý và đãi ngộ xứng đáng đội ngũ giảng viên có trình độ cao; điều chỉnh chính sách lương, phụ cấp ưu đãi, cơ chế đãi ngộ phù hợp, tạo động lực và điều kiện cho đội ngũ giảng viên.

Đặc biệt đối với đội ngũ giảng viên đào tạo trình độ sau đại học ngành Giáo dục học được Nhà trường quan tâm không chỉ đảm bảo về cơ cấu, số lượng, điều kiện giảng dạy thạc sĩ theo quy định, đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH, mà có các chính sách phát triển nhằm nâng cao năng lực của giảng viên, bảo đảm có kiến thức chuyên môn sâu rộng, có phương pháp giảng dạy tích cực, có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, có ngoại ngữ tốt và có năng lực nghiên cứu khoa học... và để đảm bảo đáp ứng trước yêu cầu của thực tiễn dạy và học hiện nay.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn chương trình đào tạo chuyên ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, phù hợp với quy định chung, mỗi giai đoạn nhà trường đều có chiến lược phát triển nhà trường trong đó có đề ra chỉ tiêu về đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H06.06.01.01]**.

Để đảm bảo việc thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ GV đạt được đúng các mục tiêu đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, từ chiến lược nhà trường đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược của trường **[H06.06.01.02]**; nhằm cụ thể hóa mục tiêu việc nâng cao chất lượng giáo dục Nhà trường đã đánh giá thực trạng về cơ cấu, đội ngũ như thông tin về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của GV, ban hành kế hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 **[H06.06.01.03]**, trong kế hoạch đã phân tích thực trạng số lượng, cơ cấu đội ngũ, quan điểm phát triển đội ngũ giáo viên, đặc biệt đề ra mục tiêu cụ thể về phát triển đội ngũ như giảng viên có học vị tiến sĩ là 25%, giảng viên có học hàm phó Giáo sư là 2,20%; từ chỉ tiêu đề ra đó nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2021-2025 **[H06.06.01.04]**, trong đó đưa ra chỉ tiêu cử đi đào tạo bồi dưỡng đáp ứng mục tiêu đề ra.

Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn, hằng năm ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngũ giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn chương trình đào tạo chuyên ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ **[H06.06.01.05]**; Để kế hoạch có tính khả thi nhà trường đã tiến hành phân tích nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng của đội ngũ thông qua việc tổ chức khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng **[H06.06.01.06]**. Nhằm đảm bảo công tác quản lý thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm đối với đội ngũ giảng viên Nhà

trường ban hành hệ thống văn bản: Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, sĩ quan, người lao động **[H06.06.01.07]**; Quy định chế độ làm việc của giảng viên **[H06.06.01.08]**; Quy định về đánh giá viên chức, người lao động **[H06.06.01.09]**. Quy chế tổ chức và hoạt động **[H06.06.01.10]**. Nhà trường đã đưa chính sách thu hút, tạo động lực phấn đấu cho đội ngũ giảng viên như đi học nghiên cứu sinh, kinh phí hỗ trợ đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm **[H06.06.01.11]**; Quy định về đào tạo bồi dưỡng viên chức **[H06.06.01.12]**; Quy định về thi đua khen thưởng **[H06.06.01.13]**; Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động **[H06.06.01.14]**; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý **[H06.06.01.15]**;

Bên cạnh đó, để có cơ sở cho việc xác định quy hoạch phát triển đội ngũ ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo chuyên ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ Nhà trường tiến hành xây dựng Đề án vị trí việc làm trên cơ sở phân tích thực trạng và định hướng chiến lược đảm bảo về cơ cấu, số lượng đội ngũ, trong đề án vị trí việc làm có mô tả năng lực và mô tả công việc của từng vị trí việc làm **[H06.06.01.16]**. Hằng năm tiến hành tuyển dụng đội ngũ GV để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H06.06.01.17]**;

Trong giai đoạn đánh giá, cử đi đào tạo, bồi dưỡng được 146 lượt giảng viên **[H06.06.01.18]**; cử 45 giảng viên dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp **[H06.06.01.19]**; bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng II, hạng I **[H06.06.01.20]**.

Cơ cấu số lượng, chất lượng đội ngũ tham gia giảng dạy chương trình đào tạo ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ giai đoạn 2019-2024 của Nhà trường luôn đảm bảo số lượng và chất lượng **[H06.06.01.21]**. Nhà trường triển khai tổ chức đánh giá công khai minh bạch tạo động lực đội ngũ giảng viên tích cực nâng cao hiệu quả trong dạy trình độ thạc sĩ, các tiêu chí thi đua thể hiện năng lực của đội ngũ được nhà trường quy định cụ thể. Trong giai đoạn 2019-2024 kết quả thi đua khen thưởng được thực hiện theo đúng quy định đạt kết quả cao **[H06.06.01.22]**. Từ năm 2021 Bộ Giáo dục và Đào tạo thường xuyên yêu cầu báo cáo về đội ngũ, nhằm giám sát thực hiện quy định

nhân lực đáp ứng đào tạo. Nhà trường có báo cáo thống kê, đánh giá ưu điểm, nhược điểm và có kiến nghị với Bộ GD&ĐT những điểm còn bất cập **[H06.06.01.23]**; Hiện nay, nhà trường có báo cáo số liệu giảng viên, danh sách giáo sư, phó giáo sư **[H06.06.01.24]**; **[H06.06.01.25]**, hiện nay đội ngũ có đảm bảo về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Số liệu đội ngũ được trình bày bảng dưới đây:

Bảng 6.1 Thống kê học hàm/học vị trình độ đào tạo của giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Số lượng GV cơ hữu	Số lượng GV thỉnh giảng	Ghi chú
1	Giáo sư	0	0	0	
2	Phó Giáo sư	04	04	0	
3	Giảng viên cao cấp	05	05	0	
4	Tiến sĩ	20	20	0	
5	Thạc sĩ	02			Giảng dạy tiếng anh

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm phát triển năng lực và phẩm chất đội ngũ GV đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH. Với quy trình tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm công khai minh bạch. Bên cạnh đó nhà trường đã có chiến lược về công tác quy hoạch, công tác cán bộ từ rất sớm. Do đó, việc xây dựng đội ngũ giảng viên có chiến lược, kế hoạch rõ ràng căn cứ đối chiếu và điều chỉnh bám sát tình hình thực tế phát triển của trường. Việc tuyển dụng, thu hút, luân chuyển và phát triển viên chức giảng dạy và GV hợp đồng được thực hiện tốt và theo đúng các quy định và hướng dẫn của liên bộ, Bộ GD&ĐT và Nhà trường. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho GV học tập nâng cao trình độ, thực hiện thi nâng bậc nâng ngạch.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường đã tích cực trong việc thông báo, tuyển dụng CBGV có trình độ về công tác tại Khoa Đào tạo sau đại học, trực tiếp tham gia giảng dạy ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ. Tuy nhiên, do nhân sự về Giáo dục thể chất có học hàm, học vị chưa cao khan hiếm, nên việc tuyển dụng còn khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đảm bảo chiến lược thu hút tốt hơn nhân sự có trình độ về giảng dạy, trong đó tiếp tục rà soát, xây dựng Đề án mời các chuyên gia có trình độ cao đến từ các trường đại học tham gia giảng dạy; Có chiến lược thu hút tốt hơn nhân sự có trình độ chuyên môn cao về giảng dạy.	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng TCCB	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục quan tâm việc xây dựng chiến lược phát triển năng lực và phẩm chất đội ngũ GV đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng TCCB	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ GV/SV của chương trình đào tạo ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Tổng số GV giảng dạy chương trình đào tạo ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ là 26 GV, 04 PGS (chiếm tỷ lệ 15,4% so với tổng số GV); 20 TS (chiếm tỷ lệ 70,7% so với tổng số GV); và 02 ThS giảng dạy các nội dung ngoại ngữ. Tính đến thời điểm này, tỷ lệ GV/HV đảm bảo với tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT. **[H6.06.02.01]**.

Để đảm bảo việc được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, căn cứ hướng dẫn, quy định của Nhà trường tiên hành xây dựng Quy định chế độ làm việc của giảng viên nói chung, với giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ nói riêng, trong đó cụ thể việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện chi tiết về khối lượng công việc của đội ngũ GV, bao gồm: các hoạt động giảng dạy, NCKH và công tác khác như phụ trách cố vấn học tập, coi thi, chấm bài, tuyển sinh,... Các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV trong phạm vi toàn trường; quy định về khối lượng công việc tối thiểu của đội ngũ GV. GV có nghĩa vụ thực hiện giờ giảng dạy, NCKH và công tác khác theo định mức cụ thể mỗi năm: Giảng dạy: 270 giờ; NCKH: 200-240 giờ theo hạng chức danh Giảng viên; Công tác khác (cố vấn học tập, coi thi kết thúc học phần, tham gia hoạt động tuyển sinh...) **[H6.06.02.02]**.

Đồng thời quy định GV tham gia vào các hoạt động cộng đồng khác như: tham gia góp ý xây dựng chương trình giáo dục phổ thông 2018, tham gia biên soạn sách giáo khoa, báo cáo chuyên đề cho các trường THPT, tham gia nghiên cứu khoa học nhằm chuyên giao cho các nhà trường phổ thông, các hoạt động giao lưu, hỗ trợ cho cộng đồng. **[H6.06.02.03]**.

Ban hành các chính sách nhân sự như: Quy chế tuyển dụng viên chức, người lao động để thu hút đội ngũ GV **[H6.06.02.04]**; Quy định về đánh giá viên chức, người lao động **[H6.06.02.05]**; Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm **[H6.06.02.06]**; Quy định về đào tạo bồi dưỡng viên chức **[H6.06.02.07]**; Quy định về thi đua khen thưởng **[H6.06.02.08]**; Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động **[H6.06.02.09]**.

Hàng năm tiến hành phân tích nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng của đội ngũ thông qua việc tổ chức khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng **[H6.06.02.10]**; căn cứ vào thực tiễn và quy mô, chỉ tiêu đào tạo ngành Giáo dục học và Đề án vị trí việc làm để tiến hành tuyển dụng, thu hút đội ngũ giảng viên **[H6.06.02.11]**, nhà trường thu hút 02 phó giáo sư ngành giáo dục thể chất về khoa Đào tạo Sau đại học công tác.

Việc đo lường, giám sát để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng đối với giảng viên nói chung, với giảng viên nói riêng được nhà trường quản lý chặt chẽ thông qua quy trình đánh giá chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ: căn cứ Quy định về đánh giá viên chức, người lao động; Quy định chế độ làm việc của giảng viên, đầu mỗi năm học Nhà trường yêu cầu từng giảng viên xây dựng kế hoạch cá nhân trong năm học, trên cơ sở đó các khoa xây dựng kế hoạch của đơn vị với chỉ tiêu cụ thể **[H6.06.02.12]**; trong quá trình thực hiện đơn vị chức năng thường xuyên tiến hành kiểm tra việc thực hiện tiến trình; việc lên xuống lớp; tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại đơn vị để đánh giá hiệu quả công việc từng tuần; từng tháng khối đào tạo tổ chức hội nghị giao ban chung để đánh giá và rút kinh nghiệm cho từng tháng **[H6.06.02.13]**; cuối học kỳ mỗi năm học tiến hành sơ kết năm học nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý, xác định phương hướng học kỳ tiếp theo; Kết thúc năm học tổ chức tổng kết năm học theo 2 cấp: cấp đơn vị; cấp trường **[H6.06.02.14]**;

Đặc biệt là tiến hành đánh giá, phân loại GV, trước khi tổ chức đánh giá, nhà trường ban hành kế hoạch để triển khai **[H6.06.02.15]**; phân công nhiệm vụ cho khoa đối chiếu với kết quả thống kê khối lượng giảng dạy của các khoa và xác nhận từ giảng viên **[H6.06.02.16]**. Qua đó, xác định được tỷ lệ vượt giờ của GV và có kế hoạch phân công khối lượng giảng dạy, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công tác khác, công việc cụ thể cho GV ở học kỳ tiếp theo; làm căn cứ quyết định mức đánh giá phân loại đảm bảo đúng với khối lượng, chất lượng từng cá nhân **[H6.06.02.17]**

Đồng thời từ việc đánh giá phân loại, căn cứ đó để tiến hành bình xét thi đua, khen thưởng nhằm khích lệ, động viên tinh thần, ghi nhận kết quả lao động của giảng viên **[H6.06.02.19]**; ngoài ra để thực hiện chế độ thanh toán tiền công dạy vượt giờ theo quy định **[H6.06.02.20]**.

2. Điểm mạnh

GV của chương trình đào tạo ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ tích cực trong các hoạt động giảng dạy. Hoàn thành đủ định mức giảng dạy và NCKH. Cơ cấu đội ngũ đảm bảo các độ tuổi, nhiệt huyết, đảm bảo về trí lực và sức khỏe, cống hiến hết mình trong công tác giảng dạy và nghiên cứu. Nhà trường có quy định rõ ràng về số

giờ giảng, khối lượng công việc tối thiểu và tối đa đối với đội ngũ GV; có các biện pháp giám sát khối lượng giảng để cải tiến hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học; Tỷ lệ HV/GV đảm so với quy định.

3. Điểm tồn tại

Lực lượng GV có học hàm GS, PGS còn thấp. Điều này ảnh hưởng đến tính chủ động trong hoạt động trong công tác nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	-Tiếp tục tạo điều kiện tốt hơn nữa cho các GV có trình độ TS được phong hàm PGS trong thời gian sớm nhất.	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng TCCB; Phòng KHTC; khoa Đào tạo SDH	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường các biện pháp giám sát khối lượng giảng để cải tiến hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học	BGH; Phòng TCCB; Phòng QLĐT-KH&HTQT	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường **[H6.06.03.01]**, Hiệu trưởng Nhà trường đã cụ thể hóa thành các tiêu chí kế hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2020-2025 **[H6.06.03.02]**, đồng thời xây dựng Đề án vị trí việc làm với các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển đảm bảo thông tin rõ ràng, cụ thể **[H6.06.03.03]**; chú trọng các tiêu chí trong tuyển dụng GV đảm bảo trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, thâm niên giảng dạy, NCKH, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH qua việc thông báo công khai tuyển dụng viên chức, giảng viên **[H6.06.03.04]**.

Quy chế tuyển dụng của trường đã quy định rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng và lựa chọn GV **[H6.06.03.05]**; đồng thời được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường; niêm yết công khai tại trụ sở làm việc Trường **[H6.06.03.06]** và qua hình thức gửi thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường; đăng tải trên báo chí và website nội bộ trường khi có các đợt tuyển dụng tập trung **[H6.06.03.07]**. Nội dung tiêu chí tuyển dụng GV được cụ thể ngoài tiêu chí chung đối với viên chức, Nhà trường còn có tiêu chí tuyển dụng đặc biệt đặc thù và được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước, các tiêu chí được đưa phụ lục kèm theo thông báo tuyển dụng **[H6.06.03.08]**.

Để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan và có sự đồng thuận tập thể. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan **[H6.06.03.09]**.

Ngoài ra, Trường còn có chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả tuyển dụng, được thể hiện công khai, minh bạch trong quy chế chi tiêu nội bộ. **[H6.06.03.10]**. Căn cứ quy mô đào tạo thạc sĩ hằng năm, nhu cầu đào tạo bồi

đưỡng đội ngũ của Khoa Đào tạo Sau đại học đề xuất nhu cầu tuyển dụng, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên đáp ứng vị trí việc làm [H6.06.03.11]. Trong các thông báo kế hoạch tuyển dụng hằng năm từ 2019-2024 của Trường cũng đã chi tiết về tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng và quy trình tuyển dụng [H6.06.03.12]. [H6.06.03.14] [H6.06.03.15].

Việc bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp cho giảng viên vào các ngạch bậc giảng viên chính, giảng viên cao cấp có được thực hiện theo đúng quy định của Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 và Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở GDĐH công lập và các quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định khác của Bộ chủ quản và của Trường [H6.06.03.16]. Đối với việc bổ nhiệm giảng viên giữ chức vụ quản lý được thực hiện đảm bảo theo quy định về công tác cán bộ. Từ năm 2019 đến nay bổ nhiệm mới 30 viên chức, bổ nhiệm điều động 18 viên chức, bổ nhiệm lại 56 viên chức [H6.06.03.17]; bổ nhiệm 42 giảng viên chính 03 giảng viên cao cấp [H6.06.03.18] [H6.06.03.19].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV, bổ nhiệm, điều chuyển GV được xác định và được phổ biến công khai. Việc tuyển dụng và bổ nhiệm viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định của luật viên chức và quy định của nghị định Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức cũng như quy định của nhà trường. Bổ nhiệm vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc tuyển đặc cách các ứng viên có trình độ cao từ tiến sĩ trở lên, có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực đào tạo của Trường còn thấp do nguồn kinh phí hạn hẹp nên chưa có chế độ đãi ngộ, thu hút.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
----	----------	----------	-------------------------	-------------------------------------	---------

1	Khắc phục điểm tồn tại	Nghiên cứu ban hành các chính sách đãi ngộ, để thu hút GV có trình độ cao từ tiến sĩ trở lên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng TCCB; Phòng KHTC; các khoa	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện bộ tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV, bổ nhiệm, điều chuyển GV	BGH; Phòng TCCB;	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			x			

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Trong định hướng phát triển của chương trình đào tạo ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ, được nhà trường đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ GV còn gọi là KPIs, bao gồm các năng lực thực hiện các nhiệm vụ của GV: Năng lực NCKH; năng lực phát triển CTĐT; năng lực giảng dạy; năng lực giám sát và TĐG chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng...các năng lực của GV được quy định rõ trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường [H6.06.04.01]; Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động [H6.06.04.02] và Bản mô tả công việc của vị trí việc làm GV...[H6.06.04.03]; Quy định tiêu chuẩn về chế độ làm việc, nghỉ ngơi đối với viên chức, người lao động thuộc Trường [H6.06.04.04]; Quy chế hoạt động khoa học công nghệ... [H6.06.04.05]; Quy định về đánh giá viên chức, người lao động [H6.06.04.06]; Quy định về thi đua khen thưởng [H6.06.04.07]; Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động [H6.06.04.08]; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý [H6.06.04.09].

Trong đó năng lực của GV giảng dạy chương trình đào tạo ngành Giáo dục học

trình độ thạc sĩ được xác định qua chỉ báo về năng lực chuyên môn (kiến thức, kỹ năng giảng dạy); năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH (Đề cương học phần và biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo); năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; sáng kiến cải tiến, áp dụng vào trong giảng dạy; năng lực tự học, tự nghiên cứu; năng lực hướng dẫn và đánh giá luận văn; năng lực hoạt động xã hội, PVCĐ. Đối với năng lực NCKH được xác định thông qua việc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học, báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế, giáo trình, sách; công bố các kết quả nghiên cứu, chuyên giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; khả năng hướng dẫn học viên bảo vệ luận văn... **[H6.06.04.10]**.

Hàng năm, Trường đều tiến hành đánh giá kết quả thực hiện công việc, qua triển khai kế hoạch thực hiện đánh giá viên chức, người lao động, trong đó, nêu rõ quy trình đánh giá, hình thức đánh giá; sử dụng kết quả đánh giá **[H6.06.04.11]**. Việc đánh giá năng lực của GV được căn cứ trên kết quả công việc được giao như khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH, tiến độ và hiệu quả của công việc trong từng năm học; thực hiện và hướng dẫn thực hiện hoạt động xã hội, PVCĐ. Hàng năm, Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực của GV, qua các hình thức: Đánh giá chất lượng giảng dạy của GV qua quá trình giảng dạy của GV, qua phản hồi của học viên, cựu học viên, đơn vị sử dụng lao động và kết quả thanh tra nội bộ của nhà trường; đánh giá hoạt động NCKH của GV qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH như: các bài báo quốc tế, kết quả đánh giá các đề tài NCKH của Hội đồng nghiệm thu, đánh giá các sách chuyên khảo, giáo trình, các sản phẩm khoa học được ứng dụng của GV; các công bố khoa học; qua kết quả hướng dẫn luận văn... Bên cạnh việc đánh giá năng lực của GV, cuối mỗi năm học, tất cả GV đều được đánh giá, xếp loại, trong đó mỗi GV phải tự đánh giá, kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ; căn cứ vào bản tự đánh giá, các khoa họp nhận xét ghi biên bản; trưởng khoa tham khảo ý kiến góp ý của đơn vị để đánh giá ưu, nhược điểm vào bản tự đánh giá và gửi về phòng tổ chức cán bộ đề xuất Hiệu trưởng quyết định mức đánh giá xếp loại chất lượng đội ngũ giảng viên **[H6.06.04.12]**.

Từ việc xây dựng, ban hành các tiêu chí đã giúp cho giảng viên xác định được trọng trách nhiệm vụ được giao, xác định được nghĩa vụ cũng như quyền lợi của mình để làm động lực phấn đấu. Vì thế trong giai đoạn 2019-2024, đội ngũ giảng viên giảng dạy trong ngành giáo dục học luôn tạo sự uy tín ảnh hưởng đối với xã hội; hằng năm 100% giảng viên được đánh giá phân loại ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ; 100% giảng viên đạt danh hiệu lao động tiên tiến; chiến sĩ thi đua cơ sở 15% **[H6.06.04.13][H6.06.04.14]**; 15%-50%; 5.5-20% giảng viên được tặng giấy khen giảng viên được tặng bằng khen **[H6.06.04.15]**; 7,4-12% giảng viên được bổ nhiệm giảng viên chính; 1.3-19.6% giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý; **[H6.06.04.16]**.

Qua đây cho thấy đội ngũ GV của Nhà trường luôn được xác định rõ ràng về năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu khoa học và đóng góp cho cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xác định rõ về năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù năng lực đội ngũ GV đã được xác định và đánh giá, nhưng Nhà trường chưa xây dựng được các chính sách hiệu quả nhằm thu hút cán bộ giảng dạy có trình độ cao cho ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc	Ghi chú
----	----------	----------	-------------------------	--------------------------	---------

				hoàn thành	
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nghiên cứu cải tiến cơ chế, chính sách nhằm thu hút cán bộ giảng dạy cho CTĐT ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng TCCB; Phòng KHTC	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cải tiến các văn bản đánh giá năng lực của GV	Phòng TCCB	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn đánh giá chương trình Nhà trường đã xác định phát triển đội ngũ giảng viên tại Chiến lược phát triển trường **[H6.06.05.01]**; Từ kế hoạch chiến lược phát triển, nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 của Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội **[H6.06.05.02]**. Việc xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của CTĐT ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ được Nhà trường phân tích thực trạng về đội ngũ (điểm mạnh, điểm yếu), về dự báo và sự ảnh hưởng của tác động yếu tố bên ngoài như: xu thế chuyển công việc của một bộ phận giảng viên; tác động ngoại cảnh về yếu tố môi trường, thu nhập trong thời kỳ hội nhập... và dựa trên quan điểm phát triển đội ngũ là phát triển về số lượng gắn với chất lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động, giá trị đóng góp của viên chức, sĩ quan, người lao động đối với phát triển Nhà trường. Coi cải cách sâu rộng là động lực cơ bản thúc đẩy sự phát triển của đội ngũ, kiên quyết phá bỏ các rào cản về tư tưởng, thể chế hạn chế sự

phát triển của đội ngũ; tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để viên chức, sĩ quan, người lao động khởi nghiệp và phát huy năng lực, trí tuệ. .. từ đó đưa ra những tiêu chí, chỉ tiêu đội ngũ CTĐT ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ

+ Đảm bảo đội ngũ giảng viên chiếm tỷ lệ trên 60% trên tổng số toàn trường (tỷ lệ giảng viên/sinh viên đạt 1/10 đến 15).

+ Về độ tuổi đảm bảo độ tuổi trung bình từ 35 đến 55 để đáp ứng sự tiếp nối giữa các thế hệ.

+ Về giới tính: Nam chiếm tỉ lệ trên 60%; nữ chiếm tỉ lệ là 40%.

+ Giảng viên có học vị tiến sĩ chiếm tỷ lệ 25%.

+ Giảng viên có học Phó Giáo sư 2,20%

+ Giảng viên đạt chuẩn chức danh chiếm tỷ lệ 100%.

+ Giảng viên cao cấp chiếm tỷ lệ 2,20 %.

Căn cứ vào kế hoạch chiến lược đó, hằng năm trước khi ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CB, GV, NV. Để có cơ sở thực tiễn cho việc xác định nhu cầu phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên nhằm đưa vào kế hoạch, Nhà trường thông báo khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng **[H6.06.05.03]**; giao cho đơn vị chức năng tham mưu ban hành các thông báo tới các đơn vị về cử giảng viên tham gia bồi dưỡng **[H6.06.05.04]**; căn cứ vào nhu cầu, đề xuất của các đơn vị/cá nhân; căn cứ kết quả khảo sát và chỉ tiêu tuyển sinh được giao để rà soát các đối tượng có nhu cầu học tập bồi dưỡng, hợp thống nhất với các đơn vị có đối tượng đề xuất học tập chuyên môn; đảm bảo kinh phí cho GV đi học tập, bồi dưỡng **[H6.06.05.05]**.

Mặt khác hằng năm Khoa Đào tạo Sau đại học họp/tổng kết, đánh giá năng lực GV, căn cứ vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; tiêu chí về trình độ, năng lực đội ngũ, GV tự nguyện đăng kí nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, hoặc Khoa chỉ định giảng viên phải đi đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo; sau đó, Khoa đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị chuyển cho phòng Tổ chức cán bộ tổng hợp thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chung của Trường. Để đánh giá kết quả hằng năm báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng **[H6.06.05.06]**, từ đó đánh giá ưu điểm và hạn chế để làm cơ sở điều chỉnh vào kế hoạch năm học tiếp theo.

Trường có chính sách hỗ trợ kinh phí và biện pháp tạo điều kiện cho cán bộ quản

lý và GV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài **[H6.06.05.07]** và công khai thông báo các chương trình học bổng nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển **[H6.06.05.08]**

Nhà trường luôn khuyến khích GV phối hợp, liên kết nghiên cứu với các GV từ các trường đại học có uy tín từ nước ngoài để nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy và học tập tại chương trình. GV trong chương trình thường xuyên liên kết nghiên cứu với các GV, nhà khoa học từ các trường đại học có uy tín. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát, đánh giá hằng năm. Phòng tổ chức cán bộ là đơn vị chức năng được giao chức năng, nhiệm vụ giám sát báo cáo lãnh đạo nhà trường đánh giá thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, theo dõi quá trình thực hiện công tác đào tạo bồi dưỡng**[H6.06.05.09]**; Kết quả đào tạo, bồi dưỡng được Nhà trường sử dụng trong tiêu chí để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của giảng viên giảng dạy tại khoa Đào tạo Sau đại học và sử dụng để xét thi đua khen thưởng hằng năm **[H6.06.05.10]** **[H6.06.05.11]**.

Trong giai đoạn 2019-2024 Nhà trường đã cử đi giảng viên tham gia học tập bồi dưỡng, trong đó **[H6.06.05.12]**; **[H6.06.05.13]**:

- Đào tạo trình độ tiến sĩ: 07
- Đào tạo trình độ ThS: 5
- Bồi dưỡng chuyên môn: 170
- Kinh phí dành cho ĐTBĐ mỗi năm là **[H6.06.05.14]**

Năm 2019: 265.000.000 VNĐ

Năm 2020: 180.500.000 VNĐ

Năm 2021: 146.000.000 VNĐ

Năm 2022: 186.000.000 VNĐ

Năm 2023: 127.698.500 VNĐ

Năm 2024: 141.260.000 VNĐ

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng phát triển đội ngũ GV nên việc đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực được đặt lên hàng đầu; có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia

các CTĐT tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo...) và tích cực triển khai hiệu quả các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho GV.

3. Điểm tồn tại

Một số GV trong quy hoạch NCS chưa thực hiện đúng kế hoạch đi học, một số NCS phải kéo dài thời gian đào tạo, nhất là đối với các trường hợp được cử đi học tập tại nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nghiên cứu đưa ra các giải pháp phòng ngừa rủi ro đối với các đối tượng được cử đi học tập, bồi dưỡng do chính sách các đơn vị đào tạo thay đổi	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng TCCB;	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo...)	Phòng TCCB; P.KHTC	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy, thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung các quy định: Quy định chế độ làm việc của giảng viên **[H6.06.06.01]**; Quy định về đánh giá viên chức, người lao động **[H6.06.06.02]**; Quy định về thi đua khen thưởng **[H6.06.06.03]**; Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, sĩ quan, người lao động **[H6.06.06.04]**; Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm **[H6.06.06.05]**; Quy định về đào tạo bồi dưỡng viên chức **[H6.06.06.06]**; Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động **[H6.06.06.07]**; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý **[H6.06.06.08]**; Quy chế tổ chức và hoạt động **[H6.06.06.09]** và rà soát vị trí việc làm **[H6.06.06.10]**, Đây là bộ công cụ cơ bản cho công tác quản lý hiệu quả theo kết quả công việc của giảng viên tại nhà trường nói chung và khoa Đào tạo Sau đại học nói riêng.

Để đảm bảo triển khai các quy định này, đầu mỗi năm học Nhà trường ban hành kế hoạch công tác trọng tâm hằng năm, trong đó xác định rõ nhiệm vụ của từng đơn vị, xác định chỉ tiêu cơ bản KPIs, nhất là đối với công tác giảng dạy **[H6.06.06.11]**; căn cứ nhiệm vụ đó, đơn vị chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành kế hoạch công tác đào tạo **[H6.06.06.12]**; Phòng Quản lý đào tạo-Khoa học và hợp tác quốc tế tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo chi tiết; xây dựng thời khóa biểu **[H6.06.06.13]**; căn cứ vào kế hoạch đào tạo thời khóa biểu, chương trình đào tạo các khoa, trung phân công nhiệm vụ cho từng giảng viên **[H6.06.06.14]**.

Việc đánh giá công việc của GV được thực hiện theo các bước: định kỳ hàng tháng GV thực hiện báo cáo công việc và đưa ra kế hoạch làm việc cho tháng tiếp theo để Trưởng Bộ môn, Lãnh đạo Khoa theo dõi, quản lý công việc, GV tự đánh giá kết quả lao động hằng tháng và làm cơ sở để đánh giá theo năm và Lãnh đạo Khoa xác nhận **[H6.06.06.15]**; Kết thúc học kỳ 1, từng giảng viên tự đánh giá hoạt động

theo nhiệm vụ được phân công báo cáo trưởng khoa tổng hợp xây dựng báo cáo gửi về Phòng chức năng tiến hành rà soát, đối chiếu kế hoạch chỉ tiêu cơ bản KPIs để tiến hành sơ kết khối đào tạo **[H6.06.06.16]**, đánh giá kết quả thực hiện; kết thúc năm học tiến hành tổng kết công tác theo khối để đánh giá kết quả thực hiện của từng GV **[H6.06.06.17] [H6.06.06.18]**; đồng thời tiến hành đánh giá phân loại viên chức, tổ chức bình xét thi đua khen thưởng với các tiêu chí định lượng cụ thể như: Tiêu chí xếp loại viên chức mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ngoài các tiêu chí chung phải đảm bảo các tiêu chí cụ thể:

- Hoàn thành 100% nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả cao, trong đó ít nhất 50% nhiệm vụ hoàn thành vượt mức.

- Tham gia đầy đủ các buổi hội họp, sinh hoạt chuyên môn của khoa, phòng, trung tâm và của Nhà trường... (trừ trường hợp được nhà trường cử đi công tác, nghỉ theo chế độ hoặc trực giải quyết công việc chung; trường hợp nghỉ lý do việc riêng thì không quá 01 buổi).

- Đối với viên chức, sĩ quan, người lao động là giảng viên phải thực hiện đủ 100% định mức theo quy định, trong đó số giờ dạy trực tiếp phải đạt 100% trở lên; Phải đảm bảo 100% định mức nghiên cứu khoa học theo chức danh quy định; phải thực hiện 100% nhiệm vụ kết nối và phục vụ cộng đồng theo quy định; phải đảm bảo tỷ lệ sinh viên không phải thi lại đạt từ 80% trở lên, tỷ lệ sinh viên đạt khá giỏi từ 40% trở lên đối với các môn thực hành; phải đảm bảo tỷ lệ sinh viên không phải thi lại đạt từ 60% trở lên, tỷ lệ sinh viên đạt khá giỏi từ 30% trở lên đối với các môn lý luận; đối với các môn thuộc trung tâm Ngoại ngữ -Tin học đảm bảo tỷ lệ sinh viên không phải thi lại đạt từ 60% trở lên; không vi phạm giờ giấc lên xuống lớp; có đầy đủ hồ sơ giảng dạy theo quy định; không vi phạm nội quy coi thi; không vi phạm trong việc chấm bài; không vi phạm quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm lớp hoặc các nhiệm vụ khác của giảng viên....

- Trường hợp được cử đi đào tạo trong nước và nước ngoài phải thực hiện đầy đủ theo đúng quy chế về đào tạo và hoàn thành nội dung, chương trình khoá đào tạo đúng hạn (có nhận xét của cơ sở đào tạo) và có đánh giá thời gian làm việc thực tế tại

đơn vị trong năm (trong trường hợp VC, SQ, NLD có thời gian công tác thực tế tại đơn vị) của cấp có thẩm quyền

Vì vậy đã tạo động lực cho GV và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H6.06.06.19]; [H6.06.06.20] [H6.06.06.21]**.

Trong chu kỳ đánh giá có:

Trong chu kỳ đánh giá có **[H6.06.06.22]; [H6.06.06.23]:**

Năm 2019-2020:

- 44 giảng viên được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- 102 giảng viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ
- 20 giảng viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ
- 0 giảng viên được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ
- 29 giảng viên được công nhận đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở
- 118 giảng viên được công nhận đạt danh hiệu lao động tiên tiến
- 13 giảng viên được tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
- 83 giảng viên được tặng Giấy của Hiệu trưởng
- 16 giảng viên được tặng lương trước thời hạn.

Năm 2020-2021:

- 64 giảng viên được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- 76 giảng viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ
- 11 giảng viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ
- 04 giảng viên được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ
- 32 giảng viên được công nhận đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở
- 108 giảng viên được công nhận đạt danh hiệu lao động tiên tiến
- 11 giảng viên được tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
- 87 giảng viên được tặng Giấy của Hiệu trưởng
- 14 giảng viên được tặng lương trước thời hạn.

Năm 2021-2022:

- 49 giảng viên được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- 79 giảng viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ
- 20 giảng viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ

- 02 giảng viên được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ
- 29 giảng viên được công nhận đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở
- 97 giảng viên được công nhận đạt danh hiệu lao động tiên tiến
- 24 giảng viên được tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
- 23 giảng viên được tặng Giấy của Hiệu trưởng
- 18 giảng viên được tặng lương trước thời hạn.

Năm 2022-2023:

- 47 giảng viên được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- 67 giảng viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ
- 9 giảng viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ
- 0 giảng viên được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ
- 25 giảng viên được công nhận đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở
- 109 giảng viên được công nhận đạt danh hiệu lao động tiên tiến
- 30 giảng viên được tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
- 41 giảng viên được tặng Giấy của Hiệu trưởng
- 16 giảng viên được tặng lương trước thời hạn.

Năm 2023-2024:

- 32 giảng viên được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- 97 giảng viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ
- 01 giảng viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ
- 0 giảng viên được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ
- 36 giảng viên được công nhận đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở
- 86 giảng viên được công nhận đạt danh hiệu lao động tiên tiến
- 8 giảng viên được tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
- 40 giảng viên được tặng Giấy của Hiệu trưởng
- 51 giảng viên được tặng lương trước thời hạn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV, không chỉ giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công

việc của GV được tốt. Toàn thể GV của các khoa đều hoàn thành vượt định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc được giao (nghiên cứu, giảng dạy và các công việc khác).

3. Điểm tồn tại

Nguồn kinh phí của Nhà trường cho hoạt động khen thưởng đối với các công trình nghiên cứu công bố trên các tạp chí quốc tế chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần cân đối nguồn tài chính để tăng mức khen thưởng đối với các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí quốc tế nhằm động viên, khuyến khích hơn nữa cho các GV trong NCKH.	BGH; Phòng TCCB;	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các quy chế, quy định xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV Nhà trường tiếp tục tăng cường nhiều chính sách khen thưởng, động viên kịp thời, tạo động lực cho GV hoàn thành khối lượng công việc theo quy định	Phòng TCCB	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được Nhà trường xác lập rõ về số lượng (các chỉ tiêu cơ bản KPIs) trong Chiến lược phát triển **[H6.06.07.01]**; Nhà trường ban hành văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện theo năm học: Quy định công tác nghiên cứu khoa học **[H6.06.07.02]**; Quy định chế độ làm việc của giảng viên **[H6.06.07.03]**; Đề án vị trí việc làm (Danh mục, khung năng lực, bản mô tả từng vị trí việc làm) **[H6.06.07.04]** qua đó để xác định số lượng và các loại hình hoạt động nghiên cứu.

Theo đó, số giờ NCKH của giảng viên là 200-240 giờ mỗi năm tùy theo chức danh giảng viên, được tính trên các hoạt động nghiên cứu trong trường và ngoài trường. Ngoài ra, đối với giảng viên có bài báo quốc tế thuộc danh mục có chỉ số công bố định kỳ, Trường có chính sách hỗ trợ kinh phí tùy theo mức chỉ số ISI, SCOPUS giảng viên tham gia biên soạn và cập nhật giáo trình sẽ được thanh toán theo Quy chế chi tiêu nội bộ **[H6.06.07.05]**.

Để đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng, trong kế hoạch trọng tâm hằng năm Nhà trường, kế hoạch công tác nghiên cứu khoa học đều được xác định qua chỉ tiêu KPIs) **[H6.06.07.06]**; Sổ tay NCKH **[H6.06.07.07]**; giao nhiệm vụ cho đơn vị đầu mối thực hiện công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ, hướng dẫn thực hiện công tác khoa học cho bộ phận khoa học thuộc phòng Quản lý Đào tạo-Khoa học và hợp tác quốc tế. Nhà trường đã thành lập hội đồng khoa học và đào tạo để quyết định các nội dung về đào tạo, khoa học công nghệ **[H6.06.07.08]**;

Ngoài ra, Hội đồng khoa học và đào tạo được thành lập, kiện toàn hằng năm bao gồm các thành viên và thư ký Hội đồng, có nhiệm vụ định hướng và triển khai các hoạt động NCKH **[H6.06.07.09]**; định kỳ xây dựng kế hoạch tổ chức các hội nghị, hội thảo nghiên cứu khoa học **[H6.06.07.10]**;

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các

hoạt động NCKH của giảng viên được giám sát và đối sánh hàng năm để cải tiến chất lượng hoạt động NCKH: Nhằm cải tiến chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên, Trường luôn quan tâm, giám sát và đối sánh giữa các năm, từ đó, có những điều chỉnh kịp thời định mức thời lượng hoạt động NCKH cũng như các chính sách khen thưởng cho giảng viên **[H6.06.07.11]**. Để tăng cường các hoạt động trao đổi chuyên môn, tăng cơ hội cho giảng viên tham gia các hoạt động viết bài báo khoa học, Nhà trường thường xuyên tìm kiếm đối tác cùng nhóm ngành để thông báo mời giảng viên tham gia viết bài Hội thảo khoa học **[H6.06.07.12]; [H6.06.07.13]**.

Đặc biệt để hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo; giúp cho các giảng viên có thêm điều kiện công bố kết quả nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật, thông tin giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao ứng dụng về Giáo dục thể chất, TDTT; Trao đổi, phổ biến kinh nghiệm quản lý về lĩnh vực khoa học, giáo dục đào tạo về Giáo dục thể chất, TDTT trong nước và thế giới; Nghiên cứu phục vụ hoạch định phát triển kinh tế xã hội.... Nhà trường đã thành lập Tạp chí khoa học Giáo dục thể chất và thể thao trường học **[H6.06.07.14]**.

Với việc thực các chính sách đó đã góp phần nâng cao chất lượng của các đề tài các cấp. Trong chu kỳ đánh giá

Bảng 6.2. Thống kê số lượng, loại hình hình nghiên cứu khoa học của CB, GV và người học giai đoạn 2019-2024

	Số lượng Đề tài cấp Bộ triển khai thực hiện	Số lượng Đề tài cơ sở triển khai thực hiện	Bài đăng Hội nghị/ Hội thảo khoa học	Bài đăng tạp chí khoa học
2019-2020	01	16	10	61
2020-2021	01	07	7	77
2021-2022	03	03	49	66
2022-2023	02	03	19	73
2023-2024	02	04	15	70
Tổng	09	33	100	347

Bảng 6.3. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm (2019-2024)

TT	Phân loại sách	Số lượng					
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Sách chuyên khảo	0	1	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1	1	0	0	6	3
	Tổng cộng	1	2	0	0	6	3

Từ việc xác định các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng, nhiều GV được Nhà trường đánh giá ghi nhận khen thưởng các cấp độ **[H6.06.07.15]**.

2. Điểm mạnh

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được Nhà trường xác lập, giám sát và đối sánh hằng năm để cải tiến chất lượng. Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện vì vậy đã góp phần nâng cao chất lượng của các đề tài các cấp.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động giảng viên làm chủ nhiệm đề tài NCKH các cấp còn ít; GV tham gia các buổi hội thảo quốc tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nghiên cứu các chính sách, tạo điều kiện về thời gian và kinh phí hỗ trợ tương xứng cho GV tham gia NCKH	BGH; Phòng TCCB; K.ĐTSDH	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chú trọng đẩy mạnh các nghiên cứu định hướng phát triển KHCN;	BGH; KĐTSDH	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Đội ngũ giảng viên CTĐG ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ đảm bảo về số lượng, tỷ lệ, cơ cấu; công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học đã đạt được những thành tích nổi bật. Công tác quy hoạch, đánh giá, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của khoa và Trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của giảng viên, phù hợp với chiến lược phát triển đại học ứng dụng của Trường.

Trong giảng dạy, đội ngũ giảng viên hoàn thành vượt mức số giờ giảng theo quy định và đa số giảng viên có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao. Trong NCKH, đội ngũ giảng viên thực hiện chủ trì đề tài và tham gia nhiều loại hình nghiên cứu, hoàn thành vượt mức số giờ NCKH theo quy định, nhiều giảng viên được khen thưởng về thành tích NCKH.

Tuy nhiên công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên còn chưa chú trọng đúng mức về cơ cấu độ tuổi của giảng viên cơ hữu trong phạm vi chương trình, khoa và Trường dẫn đến nguy cơ hụt hẫng đội ngũ giảng viên nhất là những giảng viên có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư. Trình độ năng lực ngoại ngữ, tin học cần được tập trung nhiều hơn nữa đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn chuyển đổi số.

Tiêu chuẩn 6 có 07 tiêu chí đều đạt

Tiêu chuẩn 7 Đội ngũ nhân viên

Mở đầu:

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên là nhiệm vụ hết sức quan trọng, vì vậy chú trọng việc quy hoạch đội ngũ nhân viên nói chung, nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nói riêng... đảm bảo các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai; xác định rõ các tiêu chí năng lực của đội ngũ nhân viên, kết hợp với việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên để tạo động lực

và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCD).

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (GV) nói chung và nhân viên (NV) khối phục vụ hỗ trợ nói riêng nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD luôn được Nhà trường quan tâm chú trọng. Chiến lược phát triển qua từng giai đoạn của Trường đã xây dựng Quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên **[H7.07.01.01]** là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường, nhất là nhằm cụ thể hóa mục tiêu việc nâng cao chất lượng phục vụ, Nhà trường đã đánh giá thực trạng về cơ cấu, đội ngũ, trong đó cụ thể mục tiêu vị trí đối với đội ngũ nhân viên như:

- + Đảm bảo tỷ lệ chiếm tỷ lệ 33% trên tổng số toàn trường.
- + Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành... đạt chuẩn chức danh chiếm tỷ lệ 100%. **[H7.07.01.02]**, đồng thời ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2021-2025 **[H7.07.01.03]**. Hằng năm, đưa ra kế hoạch tuyển dụng để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Trường để làm tốt công tác quy hoạch **[H7.07.01.04]**.

Công tác tuyển dụng được cụ thể hóa trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, sĩ quan, người lao động **[H7.07.01.05]**. Mỗi vị trí công việc được mô tả chi tiết trong Đề án vị trí việc làm và Bản phân công nhiệm vụ. Để đảm bảo việc phục vụ cho ngành nghề đào tạo mang tính chất đặc thù được Nhà trường đặc biệt quan tâm tới đội ngũ NV. Hiện nhà trường có 172 viên chức, người lao động làm việc trong khối hành chính, trong đó nhân viên trực tiếp làm công tác hỗ trợ cho Khoa đào tạo sau đại học gồm: 03 chuyên viên; bố trí 02 thư viện viên phục vụ; 01 chuyên

viên làm công tác hệ thống công nghệ thông tin. Bên cạnh đó còn được hỗ trợ thông qua đội ngũ nhân viên từ các phòng ban khác như: Phòng Công tác sinh viên, Phòng ĐBCL - Thanh tra và pháp chế; Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Quản trị - Thiết bị; Phòng Quản lý đào tạo-Khoa học và hợp tác quốc tế; Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và bồi dưỡng; Ban chủ nhiệm sinh viên. Các phòng, ban được bố trí đủ số lượng viên chức, nhân viên đáp ứng được nhu cầu về năng lực và phẩm chất trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp các hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu **[H7.07.01.06]**. Ngoài ra các khoa được bổ sung 01 giáo vụ khoa **[H7.07.01.07]**.

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ viên chức, người lao động hỗ trợ, hằng năm, nhà trường rà soát, thống kê rõ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, vị trí việc làm đội ngũ nhân viên **[H7.07.01.08]**; tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ viên chức, người lao động từ GV và NH. Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và NH về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên **[H7.07.01.09]**; căn cứ vào kết quả khảo sát và đề xuất của đơn vị/cá nhân, nhu cầu thực tiễn định hướng của kế hoạch chiến lược đơn vị chức năng tham mưu BGH cử đi học tập, bồi dưỡng; luân chuyển, điều động nhân viên phục vụ để đảm bảo đáp ứng các hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu. Trong chu kỳ đánh giá (từ 2019-nay) đã tiến hành cử đi học tập bồi dưỡng 110 nhân viên **[H7.07.01.10]**.

Do làm tốt công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên, nên đội ngũ NV Nhà trường nói chung, nhân viên trực tiếp hỗ trợ công tác đào tạo của chương trình đánh giá có trình độ và kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của từng chức danh và vị trí công việc tại các phòng ban. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của NV không ngừng được hoàn thiện nhờ công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Việc giải đáp thắc mắc của SV được thực hiện tích cực bởi đội ngũ NV, giúp SV học tập và rèn luyện tốt hơn.

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được Nhà trường thực hiện tốt đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong quá trình triển khai đã phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên; có chính sách thu hút, tuyển

dụng, phát triển đội ngũ nhân viên; việc quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên... Vì vậy đội ngũ NV phục vụ hỗ trợ ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD có đủ về số lượng với năng lực, phẩm chất và trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu công việc. Đội ngũ NV có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

3. Điểm tồn tại

Trình độ tin học của một số NV còn hạn chế, do vậy khả năng hiệu quả hỗ trợ công tác hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu chưa được như mong muốn; nhất là mảng phục vụ thư viện để tiến hành chuyển đổi số.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị , người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai việc đẩy mạnh cử nhân viên học tập, bồi dưỡng về: tin học và chuyển đổi số	BGH; Phòng TCCB	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên, cũng như có các chính sách để đảm bảo về đội ngũ NV có đủ về số lượng với năng lực	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng TCCB; K.ĐTSDH	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định tuyển dụng và lựa chọn nhân viên giữ vai trò quan trọng, vì vậy đã xây dựng các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên thông qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, sĩ quan, người lao động, trong đó quy định rõ các vị trí của từng chức vụ, chức danh; điều kiện tuyển dụng; các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm **[H7.07.02.01]**. Đối với tiêu chí tuyển dụng NV phục vụ ngoài các quy định trên còn được Nhà trường quy định cụ thể trong Đề án vị trí việc làm (Danh mục, khung năng lực, bản mô tả từng vị trí việc làm) **[H7.07.02.02]**; Sổ tay nhân viên **[H7.07.02.03]**.

Theo đó, đội ngũ NV của Trường phải đáp ứng được các tiêu chí về phẩm chất chính trị và đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhiệm công tác phục vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Nội dung tiêu chí này được cụ thể trong mỗi kỳ tuyển dụng **[H7.07.02.04]**. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV nói trên được xây dựng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan nhằm đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả của các vị trí việc làm **[H7.07.02.05]**. Để tiến hành tuyển dụng, nhà trường có kế hoạch tuyển dụng, nêu rõ quy trình các bước, mốc thời gian cho từng bước một cách chi tiết **[H7.07.02.06]**. Thông tin tuyển dụng được thực hiện công khai qua các phương tiện phổ biến văn bản tại hội nghị; tại bảng tin trường; đăng tải trên Website của Nhà trường và trên trang báo của ngành Giáo dục **[H7.07.02.07]**.

Đối với việc điều chuyển được xác định và phổ biến công khai trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, sĩ quan, người lao động. Cụ thể: Chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động trong các trường hợp:

- Khi gặp khó khăn đột xuất do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh nguy hiểm, áp dụng biện pháp ngăn ngừa, khắc phục tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố điện, nước hoặc do nhu cầu sản xuất, kinh doanh thì người sử dụng lao động được quyền tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động nhưng không được quá 60 ngày làm việc cộng dồn trong 01 năm; trường hợp chuyển

người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động quá 60 ngày làm việc cộng dồn trong 01 năm thì chỉ được thực hiện khi người lao động đồng ý bằng văn bản. Người sử dụng lao động quy định cụ thể trong nội quy lao động những trường hợp do nhu cầu sản xuất, kinh doanh mà người sử dụng lao động được tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động.

- Khi tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động quy định tại khoản a Điều này, người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước ít nhất 03 ngày làm việc, thông báo rõ thời hạn làm tạm thời và bố trí công việc phù hợp với sức khỏe, giới tính của người lao động

- Người lao động chuyển sang làm công việc khác so với hợp đồng lao động được trả lương theo công việc mới. Nếu tiền lương của công việc mới thấp hơn tiền lương của công việc cũ thì được giữ nguyên tiền lương của công việc cũ trong thời hạn 30 ngày làm việc. Tiền lương theo công việc mới ít nhất phải bằng 85% tiền lương của công việc cũ nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu.

- Người lao động không đồng ý tạm thời làm công việc khác so với hợp đồng lao động quá 60 ngày làm việc cộng dồn trong 01 năm mà phải ngừng việc thì người sử dụng lao động phải trả lương ngừng việc theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật lao động.

Ngoài ra, nhằm đảm bảo việc tuyển đúng người, đúng việc hiệu quả, kết thúc mỗi hợp đồng thỏa thuận, đơn vị sử dụng người lao động đề nghị người lao động có nhu cầu làm việc tiếp theo phải tiến hành kiểm điểm quá trình công tác; căn cứ vào bản tự kiểm điểm và kết quả công việc thực hiện được, đơn vị hợp đánh giá, nhận xét và đề nghị phòng TCCB làm thủ tục ký tiếp HĐLĐ **[H7.07.02.08]**.

Trong chu kỳ đánh giá (từ 2029-nay) đã tiến hành:

- Điều chuyển, sắp xếp lại 04 vị trí nhân viên phục vụ **[H7.07.02.09]**.
- Tuyển dụng 21 nhân viên **[H7.07.02.10]**.

Chính việc đảm bảo các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai, nên mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của NV giúp cho phục vụ hỗ trợ ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD của Nhà trường thực hiện có hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của CSGD

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Việc khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm chưa thường xuyên	BGH; Phòng TCCB	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy việc rà soát các quy định tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng TCCB; K.ĐTSDH	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Để có bộ công cụ, phương pháp, quản lý, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, Nhà trường ban hành đề án vị trí việc làm, xác định cụ thể khung năng lực của từng vị trí, trong đó có vị trí nhân viên. Trong đó mô tả các công việc chính phải thực hiện để hoàn thành từng công việc, từng hoạt động ở mỗi vị trí việc làm; mô tả tên sản phẩm đầu ra công việc của vị trí việc làm; mô tả kết quả thực hiện trong năm (tổng số lượng sản phẩm đầu ra của vị trí việc làm). Đối với vị trí việc làm trong trường hợp một người làm nhiều vị trí việc làm, thì mỗi vị trí việc làm xây dựng một bản mô tả công việc của vị trí việc làm đó; Đối với vị trí việc làm do nhiều người làm và nội dung, quy trình công việc có tính chất tương đồng, giống nhau thì xây dựng một bản mô tả công việc của vị trí việc làm đó; Đối với vị trí việc làm do nhiều người làm nhưng mỗi người phụ trách một lĩnh vực có nội dung, quy trình công việc có tính chất khác biệt nhau thì xây dựng nhiều bản mô tả công việc của vị trí việc làm đó [H7.07.03.01]. Hằng năm rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định, định mức cụ thể cho từng vị trí viên chức, người lao động trong văn bản: Quy định về đánh giá viên chức, người lao động [H7.07.03.02]; Quy định về thi đua khen thưởng nhằm tạo động lực cho nhân viên phấn đấu [H7.07.03.03].

Để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ theo chất lượng công việc, trình tự từ cấp phòng/khoa/trung tâm đến cấp Trường, vào đầu năm học hằng năm, trưởng các đơn vị tiến hành phân công nhiệm vụ cho từng nhân viên; xác định sự phù hợp công việc được phân công vào các vị trí phù hợp với khả năng, kỹ năng [H7.07.03.04]; căn cứ công việc được giao, hằng tháng từng nhân viên phải tiến hành báo cáo kết quả thực hiện, dựa kết quả đó nhân viên, cán bộ hỗ trợ được đánh giá nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao [H7.07.03.05].

Bên cạnh đó, năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá quá trình tự học nâng cao trình độ, được thông qua việc rà soát bằng cấp và lý lịch

viên chức được cập nhật hằng năm **[H7.07.03.06]**.

Đồng thời để đánh giá hiệu suất, đánh giá năng lực giúp đo lường hiệu suất làm việc của nhân viên, từ đó tạo điều kiện cho việc đề xuất các biện pháp cải thiện và đánh giá đóng góp vào mục tiêu, căn cứ quy định, hằng năm tiến hành tổ chức đánh giá phân loại viên chức **[H7.07.03.07]** và tổ chức bình xét thi đua, khen thưởng **[H7.07.03.08]**, dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ; đánh giá về khối lượng, chất lượng, hiệu quả, thời gian đảm bảo của từng nhiệm vụ. Việc tổ chức đánh giá, bình xét được đảm bảo công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình như: các thành viên viết bản báo cáo tự đánh giá theo mẫu thống nhất của nhà trường và trình bày trước cuộc họp đơn vị; các thành viên đóng góp ý kiến, dựa trên phân tích mặt mạnh, mặt yếu chỉ ra những tồn tại hạn chế để cá nhân được đánh giá rút kinh nghiệm; các ý kiến được ghi vào biên bản và tổng hợp gửi về phòng TCCB, tại đây phòng TCCB có trách nhiệm tổng hợp các nội dung chính được định lượng cụ thể để trình trước Hội đồng; Căn cứ vào bản tổng hợp Hội đồng đánh giá trường xem xét mức độ hoàn thành từng tiêu chí của cá nhân để thống nhất mức đánh giá phân loại **[H7.07.03.09]**.

Các mức đánh giá phân loại được tương ứng với năng lực của đội ngũ nhân viên. Cụ thể theo Quy định về đánh giá viên chức, người lao động gồm 4 mức: (1). Mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; (2). Mức hoàn thành tốt nhiệm vụ; (3). Mức hoàn thành nhiệm vụ ; (4). Mức không hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả đánh giá viên chức, người lao động trong giai đoạn từ năm 2019-2024 **[H7.07.03.10]** gồm:

Năm học	Mức đánh giá			
	Hoàn thành XS	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Không hoàn thành
2019-2020	16	49	07	0
2020-2021	12	60	01	0
2021-2022	22	44	02	01
2022-2023	21	47	02	0
2023-2024	08	75	01	0

Đối với nội dung thi đua được thực hiện xem xét đối với cá nhân ở 2 mức: (1). Chiến sĩ thi đua cơ sở; (2) Lao động tiên tiến.

Kết quả danh hiệu thi đua, khen thưởng trong giai đoạn từ năm 2019-2023 [H7.07.03.11].

Năm học	Danh hiệu	
	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Lao động tiên tiến
2019-2020	07	58
2020-2021	06	66
2021-2022	08	58
2022-2023	09	59

Từ việc xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên/cán bộ hỗ trợ theo chất lượng công việc; sự liên thông, liên kết, sự đổi mới trong việc thực hiện bộ công cụ quản lý của Nhà trường đã gắn kết hiệu quả, sản phẩm; đề cao trách nhiệm, nghĩa vụ của cá nhân trong thực thi đảm bảo có các cá nhân có động lực phấn đấu thi đua hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, trong đó nhiều cá nhân được tặng Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được Hiệu trưởng tặng giấy khen. Trong giai đoạn từ năm 2019-2024 có 27 nhân viên được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen [H7.07.02.12] 86 nhân viên được Hiệu trưởng tặng Giấy khen [H7.07.03.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy trình, phương pháp, bộ công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên; việc thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa triển khai đánh giá, phân loại nhân viên theo từng tháng, chưa xây dựng được văn bản phối hợp giữa các đơn vị trong việc điều hành, đánh giá chéo giữa các nhân viên để nâng cao hơn nữa hiệu quả lao động.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm	Xây dựng quy định triển khai đánh giá, phân loại nhân viên theo từng tháng	BGH; Phòng TCCB; K.ĐTSDH	01/2025-12/2030	

	tồn tại	và quy định phối hợp giữa các đơn vị			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát bộ công cụ đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, để có đội ngũ CB hỗ trợ tích cực trong hoạt động của Trường.	BGH; Phòng TCCB; K.ĐTSDH	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ theo Kế hoạch phát triển đội ngũ của Trường ĐHSP TDTT Hà Nội giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 [H7.07.04.01], nhất là đối với đội ngũ nhân viên phục vụ hỗ trợ ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ, Nhà trường coi việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên là điều kiện chính. Vì vậy nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được Nhà trường xác định qua việc khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên, CB hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí được quy định cụ thể trong văn bản Quy định về đào tạo bồi dưỡng của Trường [H7.07.04.02]; Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H7.07.04.03]; Quy định về đánh giá, phân loại viên chức, sĩ quan, người lao động [H7.07.04.04]; Quy định về thi đua, khen thưởng [H7.07.04.05].

Để triển khai nhu cầu đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên, Nhà trường có kế hoạch thực hiện và xác định rõ trong Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2021-2025 [H7.07.04.06]; Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hằng năm [H7.07.04.07]. Trước khi xây dựng kế hoạch Nhà trường tiến hành phân tích thực trạng đội ngũ (về cơ cấu, độ tuổi, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, những yếu tố

tác động ngoại cảnh, môi trường ... có ảnh hưởng trực tiếp đến việc phát triển đội ngũ....) để đưa ra dự báo, quy hoạch cho sự phát triển đội ngũ. Đồng thời để có cơ sở xác định nhu cầu học tập, bồi dưỡng, nhà trường công khai tiêu chuẩn, chức danh theo từng vị trí tại Đề án vị trí việc làm để cho nhân viên được biết **[H7.07.04.08]**.

Hằng năm phòng TCCB tham mưu cho BGH thông báo gửi tới các đơn vị trong nhà trường đăng ký nhu cầu học tập bồi dưỡng của viên chức, người lao động **[H7.07.04.09]**; trên cơ sở thông báo, các đơn vị phòng khoa, trung tâm có trách nhiệm rà soát đội ngũ nhân viên của đơn vị mình, phổ biến tới nhân viên về chủ trương về công tác đào tạo, bồi dưỡng, gợi ý, đề xuất các vị trí để nhân viên phát huy tinh thần tự giác đăng ký tham gia lớp bồi dưỡng. Đồng thời nhằm có thêm thông tin cho việc xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên, Phòng TCCB tiến hành khảo sát nhu cầu học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ của CB, VC, NLD của Trường **[H7.07.04.10]**.

Việc triển khai đảm bảo thông tin minh bạch, phổ biến rộng rãi trong toàn trường, trên các phương tiện truyền thông của nhà trường như niêm yết tại bảng tin, đăng tải trên trang thông tin điện tử trường. Đơn vị chức năng sau khi tổng hợp các ý kiến, nhu cầu khảo sát có báo cáo thống kê cụ thể **[H7.07.04.11]**.

Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã tổ chức khóa bồi dưỡng tại trường về Ngoại ngữ và công nghệ thông tin cho các VC và NLD tham gia **[H7.07.04.12]**. Cử 58 lượt nhân viên đi bồi dưỡng chuyên môn như: Nghiệp vụ soạn thảo văn bản hành chính; an toàn lao động; các lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên; các khóa tập huấn về đảm bảo chất lượng và có nhiều cán bộ hỗ trợ tham gia. **[H7.07.04.13]**.

Kết quả của Nhà trường có đội ngũ NV có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có tư duy đổi mới, năng động, sáng tạo, có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, có trình độ văn hóa, chuyên môn, năng lực để làm việc hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao **[H7.07.04.14]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các hoạt động xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên, đồng thời triển khai các hoạt động chính sách trong

việc triển khai thực hiện để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên

3. Điểm tồn tại

Nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng còn thấp; một số ít nhân viên còn tư tưởng ngại học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nghiên cứu tạo nguồn kinh phí để hỗ trợ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cho NV; tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức cho nhân viên về tự học, tự bồi dưỡng.	BGH; Phòng TCCB	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục có các hoạt động xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên	BGH; Phòng TCCB; K.ĐTSĐH	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và qui định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV: Quy định về đánh giá, phân loại viên chức, sĩ quan, người lao động [H7.07.05.01]; Nội quy lao động [H7.07.05.02]; Quy định về chế độ báo cáo định kỳ [H7.07.05.03]; Quy chế

tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, sĩ quan, người lao động **[H7.07.05.04]**. Để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng BGH chỉ đạo đơn vị chức năng thường xuyên rà soát, điều chỉnh, ban hành các văn bản liên quan như: Quy định về thi đua, khen thưởng **[H7.07.05.05]**; Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm **[H7.07.05.06]**; Quy định về đào tạo bồi dưỡng viên chức **[H7.07.05.07]**; Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động **[H7.07.05.08]**; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý **[H7.07.05.09]**; Quy chế tổ chức và hoạt động **[H7.07.05.10]**...

Các quy định đều được gắn kết với các vị trí việc làm **[H7.07.05.11]**, giúp cho việc đánh giá phục vụ cho mỗi cá nhân phát triển và giúp nhân viên nhận ra những tồn tại, hạn chế để có hướng khắc phục, phục vụ cho mục tiêu hiện thực hóa chiến lược, gắn kết giữa kết quả thực hiện công việc của từng cá nhân với mục tiêu chiến lược.

Đồng thời giám sát, đánh giá các quả công việc của nhân viên thông qua quy trình đánh giá chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ: đầu mỗi năm học BGH Nhà trường yêu cầu từng đơn vị xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho cá nhân trong năm học **[H7.07.05.12]**; trong quá trình thực hiện đơn vị chức năng thường xuyên tiến hành kiểm tra việc thực hiện thời gian, giờ giấc (đơn vị Phòng TCCB phối hợp với các đơn vị tiến hành kiểm tra, giám sát việc nghiêm túc chấp hành Nội quy lao động, việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ được phân công. Để giám sát công khai, minh bạch, Trường có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV bằng thêm hệ thống Camera được lắp đặt các vị trí để theo dõi việc đi làm đúng giờ; hàng tháng các đơn vị tổ chức họp việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng kết kết quả hoạt động của từng nhân viên qua chính khối lượng từng đầu việc, yêu cầu từng cá nhân thực hiện báo cáo kết quả nhiệm vụ (nêu rõ từng kết quả, những tồn tại, nguyên nhân tồn tại và phương hướng khắc phục **[H7.07.05.13]**). Trên cơ sở đó phòng HCTH tổng hợp báo cáo giao ban tháng để Hội nghị đánh giá kết quả công việc của từng đơn vị và nhân viên **[H7.07.05.14]**; cuối học kỳ mỗi năm học tiến hành sơ kết năm học nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý, xác định phương hướng

học kỳ tiếp theo; Kết thúc năm học tổ chức tổng kết năm học theo 2 cấp: cấp đơn vị; cấp trường **[H7.07.05.15]**.

Đặc biệt là tiến hành đánh giá, phân loại GV, trước khi tổ chức đánh giá, nhà trường ban hành kế hoạch để triển khai **[H7.07.05.16]**; phân công nhiệm vụ cho Phòng TCCB tổng hợp, thống kê các trường hợp vi phạm về thời gian làm việc, nghỉ hợp,... (nếu có); Phòng Quản lý Đào tạo-Khoa học và hợp tác quốc tế tổng hợp các nhân viên có bài báo khoa học, SKKN, đề tài (nếu có) để làm cơ sở BGH quyết định mức đánh giá phân loại đảm bảo đúng với khối lượng, chất lượng từng cá nhân **[H7.07.05.17]**

Từ việc đánh giá phân loại, căn cứ đó để tiến hành bình xét thi đua, khen thưởng nhằm khích lệ, động viên tinh thần, ghi nhận kết quả lao động của nhân viên **[H7.07.05.18]**.

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được Nhà trường triển khai có hệ thống bao gồm cả khen thưởng và công nhận được triển khai để tạo động lực hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, nên giai đoạn đánh giá, đội ngũ nhân viên Nhà trường nói riêng luôn đảm bảo chất lượng, hiệu quả, nhiều nhân viên, người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được khen thưởng.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù về công tác phục vụ, nên định lượng công việc còn chưa cụ thể KPI; chưa có hệ thống công nghệ để giám sát thời gian lao động của nhân viên

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng bộ công cụ để định lượng công việc KPI đánh giá hiệu quả NV.	BGH; Phòng TCCB; K.ĐTSDH	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, đã đo lường kết quả công việc của nhân viên, tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	BGH; Phòng TCCB; K.ĐTSDH	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên Nhà trường được đảm bảo đáp ứng cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, từ việc quy hoạch đội ngũ nhân viên, đến việc triển khai đã phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên; có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên; có đầy đủ quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên. .. cùng với các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan; có quy trình, phương pháp, bộ công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên; việc thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Các hoạt động xác định nhu cầu

về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên trong việc triển khai thực hiện được thực hiện hiệu quả, gắn với quản trị theo kết quả công việc của nhân viên...

Vì vậy đội ngũ NV phục vụ hỗ trợ ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD có đủ về số lượng với năng lực, phẩm chất và trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu công việc.

Tiêu chuẩn 7 có 05 tiêu chí đều đạt

Tiêu chuẩn 8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

Nhà trường đã có nhiều chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch; đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với đào tạo trình độ thạc sĩ. hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch, các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh khuôn viên trường sạch, đẹp trang thiết bị dạy - học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật hàng năm. Trên cơ sở quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng và ban hành chính sách tuyển sinh một cách rõ ràng về: đối tượng và điều kiện tuyển sinh, đối tượng và chính sách ưu tiên trong tuyển sinh, phương thức và số lần tuyển sinh hàng năm, các môn thi tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, điều kiện trúng tuyển, quyết định công nhận trúng tuyển và công nhận học viên, Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh **[H8.08.01.01]**,

[H8.08.01.02].

Chính sách tuyển sinh hàng năm được xây dựng đầy đủ dựa trên năng lực đào tạo của Nhà trường, Khoa đào tạo sau đại học, về nhu cầu của xã hội và ý kiến góp ý của các bên liên quan được cụ thể trong kế hoạch và thông báo tuyển sinh được công bố công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, bao gồm các thông tin như: đối tượng và điều kiện tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, môn thi tuyển sinh, các chính sách ưu tiên và kế hoạch tuyển sinh, học phí đào tạo **[H8.08.01.03], [H8.08.01.04].**

Bên cạnh đó, Nhà trường còn lập đường dây nóng trả lời, giải đáp thắc mắc cho tất cả các đối tượng quan tâm. Kế hoạch tư vấn tuyển sinh được xây dựng nhằm truyền tải các thông tin về giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, ngành nghề đào tạo, CTĐT, chính sách tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh và các thông tin khác có liên quan **[H8.08.01.05].**

Chính sách tuyển sinh hàng năm được công khai trên website của Nhà trường bao gồm đầy đủ các thông tin: đối tượng, quy trình thi tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển; đối tượng ưu tiên,... Ngoài ra, nhằm giới thiệu và quảng bá chính sách, quy trình tuyển sinh, Nhà trường còn tăng cường công tác truyền thông với nhiều hình thức khác nhau như: xây dựng các video giới thiệu ngành học tại Nhà trường đăng tải trên web và fage trường **[H8.08.01.06].**

Hàng năm, Nhà trường tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh, qua hội nghị tổng kết nhà trường lấy ý kiến phản hồi trực tiếp đối với các bên liên quan, giảng viên các đơn vị chức năng để từ đó rà soát, phân tích, đánh giá để xây dựng đề án tuyển sinh cho năm tiếp theo **[H8.08.01.07].**

Việc tuyển sinh thạc sĩ ngành Giáo dục học được tổ chức 02 đợt/năm. Các cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh hàng năm: Trong giai đoạn 2019 - 2024, số lượng HV trúng tuyển nhập học ngành Giáo dục học bình quân khoảng 46 HV/năm và điểm trúng tuyển trung bình của các thí sinh có khoảng từ 11 -13 điểm. Kết quả thống kê, số lượng và chất lượng tuyển sinh của thạc sĩ ngành Giáo dục học chưa ổn định trong các năm gần đây chủ yếu từ các nguyên nhân khách quan như nhu cầu xã hội cả nước đối với ngành Giáo dục học giảm nhẹ.

Bảng 8.1. Thống kê tổng số người học trúng tuyển và nhập học

trong 5 năm gần đây

Năm học	Chỉ tiêu tuyển sinh	Điểm trúng tuyển	Số sinh viên được tuyển nhập học
2019-2020	72	Đợt 1:12,5; Đợt 2:12,5	69
2020-2021	72	11	43
2021-2022	59	Đợt 1:11,5; Đợt 2:13	40
2022-2023	56	Đợt 1:11,5; Đợt 2:12,5	45
2023-2024	56	Đợt 1:11,5; Đợt 2:12	36

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường rõ ràng, minh bạch và được cập nhật hằng năm phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên có liên quan dễ dàng tiếp cận

3. Điểm tồn tại

Chưa có phỏng vấn đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hàng năm (mặc dù có đánh giá và dự báo nhu cầu nhân lực khi rà soát, cập nhật CTĐT).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	Khắc phục tồn tại	Tiến hành đánh giá, dự báo nhu cầu nhân lực hàng năm	Khoa ĐTSĐH	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cải tiến, cập nhật chính sách tuyển sinh	Khoa ĐTSĐH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt

Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Nhà trường xác định rõ ràng, các tiêu chí tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học theo hình thức thi tuyển, số lần tuyển sinh được tổ chức từ 1 đến 2 lần/năm dựa trên thực tế yêu cầu của ngành học nhằm thu hút và tuyển chọn được những thí sinh chất lượng được thể hiện trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà trường **[H8.08.02.01], [H8.08.02.02]**.

Hàng năm, căn cứ vào quy chế tuyển sinh, quy định cách thức xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và nhu cầu xã hội, Nhà trường xác định và công bố thông báo tuyển sinh rõ ràng về chỉ tiêu, tiêu chí tuyển sinh công khai trên website và các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định. Tiêu chí tuyển sinh được xây dựng dựa trên mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Giáo dục học. Thí sinh dự tuyển phải đáp ứng được các tiêu chí cụ thể:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

d) Có đủ sức khỏe để học tập.

Nhà trường xác định phương thức tuyển sinh là thi tuyển, nội dung các môn thi tuyển gồm:

- Môn chủ chốt: Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất
- Môn cơ sở ngành: Sinh lý Thể dục thể thao

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được thể hiện trong thông báo tuyển sinh hàng năm được công bố công khai trên Website Trường ít nhất 45 ngày tính đến ngày kết thúc nhận hồ sơ dự tuyển **[H8.08.02.03]**.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức tuyển sinh để tuyển chọn người học. Kết quả của kỳ thi tuyển sinh phải đáp ứng 50% thang điểm đối với mỗi môn thi của mỗi đợt tuyển sinh (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có). Căn cứ chỉ tiêu tuyển đã được thông báo cho chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi của từng thí sinh, Hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển **[H8.08.02.04]**.

Nhà trường đã ban hành các thông báo về kết quả tuyển sinh, quyết định trúng tuyển theo các đợt tuyển sinh công khai trên trang thông tin điện tử của Trường. Bên cạnh đó, Nhà trường gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trong danh sách trúng tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày và ban hành quyết định công nhận học viên của khóa đào tạo trình độ thạc sĩ cho những thí sinh trúng tuyển đã đăng ký nhập học khi đáp ứng đầy đủ yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo **[H8.08.02.05]**, **[H8.08.02.06]**.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường đánh giá, rút kinh nghiệm dựa trên kết quả tuyển sinh và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm, đồng thời có lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về tiêu chí, phương pháp tuyển chọn đầu vào **[H8.08.02.07]**.

2. Điểm mạnh

Có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được cập nhật theo quy định của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa tiến hành khảo sát đầy đủ các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch tiến hành khảo sát đầy đủ các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học	Khoa ĐTSĐH	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đa dạng tiêu chí và phương pháp tuyển sinh phù hợp với chuyên ngành đào tạo	Khoa ĐTSĐH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt

Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

Nhà Trường luôn chú trọng hệ thống giám sát kết quả học tập, rèn luyện, khối lượng học tập nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của người học. Trường giao cho Khoa đào tạo sau đại học là đơn vị chủ trì quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học [H8.08.03.01]. Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện cũng như khối lượng học tập của người học được Nhà trường giám sát một cách chặt chẽ theo quy định của

Nhà trường và được thể hiện trong Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ **[H8.08.03.02]**.

Chủ nhiệm lớp và Cố vấn học tập là cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học; hỗ trợ, hướng dẫn, giúp đỡ, tư vấn người học thực hiện tốt quy chế, quy định hiện hành liên quan đến người học; hướng dẫn học viên xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với điều kiện, năng lực học tập của học viên; tư vấn cho học viên về phương pháp nghiên cứu khoa học; nắm tình hình, tiến độ hoàn thành CTĐT của học viên để đưa ra các biện pháp, tư vấn, hỗ trợ học viên cải tiến kết quả học tập, hoàn thành chương trình học; nắm bắt tình hình, tư tưởng, nguyện vọng của người học, trực tiếp giải quyết hoặc kịp thời phản ánh với Trường về các vấn đề liên quan đến người học **[H8.08.03.03]**.

Đối với CTĐT trình độ thạc sĩ giáo dục học người học sẽ phải hoàn thành 68 tín chỉ quy định trong CTĐT đã được phê duyệt, trong 2 năm (4 kỳ học chính), bao gồm: Kiến thức chung 10 tín chỉ; Kiến thức ngành 31 tín chỉ; Kiến thức chuyên ngành 12 tín chỉ; Luận văn 15 tín chỉ. Trong đó có quy định chặt chẽ về ràng buộc thứ tự các môn học, khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi học viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ là 25 tín chỉ/ học kỳ và tối thiểu 15 tín chỉ/ học kỳ nhưng tổng số tín chỉ đăng ký tối đa trong một năm học không quá 45 tín chỉ đối với hình thức chính quy **[H8.08.03.04]**.

Cơ sở dữ liệu về kết quả học tập, rèn luyện của người học được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo sau đại học của nhà trường, ngoài ra còn được thể hiện trong Sổ theo dõi kế hoạch dạy học do giảng viên chủ nhiệm quản lý. Việc theo dõi và đánh giá kết quả học tập của học viên được thực hiện đúng theo quy định về trách nhiệm và chế độ lưu trữ theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường.

Mỗi học kỳ, Nhà trường cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện của người học trên phần mềm quản lý đào tạo, rà soát học viên chậm tiến độ, học viên thôi học hoặc có những vấn đề trong học tập, chưa hoàn thành được các học phần trong CTĐT thì Chủ nhiệm và Cố vấn học tập sẽ trao đổi trực tiếp giúp người học lập kế hoạch học tập tích lũy để có thể đảm bảo tốt nghiệp đúng theo kế hoạch **[H8.08.03.05]**, **[H8.08.03.06]**.

Thông tin về quá trình học tập của người học được thông báo đến từng người học sau khi kết thúc từng học kỳ và được cập nhật trong Sổ theo dõi giảng dạy của từng lớp, trên phần mềm quản lý đào tạo sau đại học. Đối với những học viên có kết quả học tập chưa đảm bảo tiến độ, chủ nhiệm lớp, có vấn học tập sẽ thông báo cho học viên để có giải pháp hỗ trợ học tập cho học viên đáp ứng tiến độ học tập.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ; những quy định về khối lượng học tập được thể hiện rõ trong chương trình đào tạo, kết quả đào tạo công khai, minh bạch và thực hiện nghiêm túc theo quy định.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống giám sát mới chỉ ghi nhận thống kê tiến độ học tập của học viên mà chưa thực sự giám sát sự tiến bộ của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường quản lý, nâng cao vai trò trách nhiệm của chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập, định kỳ rà soát, đánh giá quy trình giám sát tiến độ học tập, rèn luyện của người học	Khoa ĐTSĐH	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục giám sát kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ; công khai,	Khoa ĐTSĐH	Hàng năm	

		minh bạch kết quả học theo quy định			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình đào tạo, Nhà trường luôn xác định người học là trung tâm, nên mọi hoạt động của Nhà trường đều hướng vào phục vụ và hỗ trợ người học có điều kiện tốt nhất để học tập và rèn luyện, nhằm đưa tới chất lượng đào tạo tốt nhất. Với tiêu chí lấy người học là trung tâm của quá trình đào tạo, người học được phục vụ, hỗ trợ và cung cấp nhiều dịch vụ học tập và sinh hoạt trong suốt quá trình học tập tại trường. Để tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học, Trường đã giao cho Khoa đào tạo sau đại học chủ trì và phối hợp với các đơn vị quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động phục vụ - hỗ trợ người học và giám sát người học **[H8.08.04.01]**.

Nhà trường có quy trình/kế hoạch và thực hiện triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học được quy định cụ thể trong quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ. Đầu khóa học, Khoa Đào tạo SDH có trách nhiệm tổ chức nhập học cho thí sinh được công nhận trúng tuyển khóa mới. Nhà trường sẽ ra quyết định công nhận là học viên cho các thí sinh trúng tuyển đã đăng ký nhập học. Học viên khi nhập học được cấp mã số học viên, thẻ học viên, được phổ biến về quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, chương trình đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình, kế hoạch học tập; kế hoạch thi, kiểm tra; thời gian tổ chức bảo vệ luận văn, đề án tốt nghiệp; các quy định của cơ sở đào tạo

có liên quan đến khóa học **[H8.08.04.02]**.

Nhà trường có các cá nhân và đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học của người học. Đầu khóa học Khoa đào tạo sau đại học phân công Chủ nhiệm lớp chuyên trách là người có đủ phẩm chất, trình độ hỗ trợ người học thực hiện quy chế, quy định trong trường và giúp người học trong quá trình rèn luyện nhân cách, sâu sát tới từng người học; phân công Cố vấn học tập là giảng viên cơ hữu của Khoa, là người có đạo đức, lối sống lành mạnh, hiểu sâu nội dung của CTĐT để tư vấn, giúp đỡ người học trong suốt quá trình học tập, cố vấn học tập có nhiệm vụ hướng dẫn người học phương pháp học tập (học trên lớp/tự học ở nhà) và tư vấn cho người học với các nội dung: Xây dựng kế hoạch học tập cá nhân theo học kỳ/năm học; tìm hiểu CTĐT, hướng dẫn tham gia NCKH, tham gia các hoạt động thực tiễn tại các cơ sở về TĐTT, GDTC; Thành lập ban cán sự lớp nhằm hỗ trợ, kết nối, tư vấn thường xuyên cho người học trong học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các hoạt động khác trong quá trình học tập của người học **[H8.08.04.03],[H8.08.04.04]**

Ngoài ra, Nhà Trường cung cấp cho người học các tài liệu, như: chương trình đào tạo, đề cương chi tiết khóa học, chuẩn đầu ra, quy định đào tạo, quy định thi kiểm tra, hoạt động của trường, cơ hội tuyển dụng,... thông qua các phương tiện khác nhau, như Sổ tay học viên, trang web của Trường **[H8.08.04.05]**.

Hàng năm, Nhà trường luôn ban hành các kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa giúp người học nắm được phương pháp và cách thức đào tạo của trường, thường xuyên khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động phục vụ đào tạo theo từng năm học **[H8.08.04.06]**.

Hầu hết học viên đã có việc làm trước khi vào học, để tạo điều kiện cho người học sau khi tốt nghiệp tìm kiếm được công việc theo đúng ngành nghề đào tạo và vị trí việc làm phù hợp, Trường đã liên hệ với các doanh nghiệp tổ chức “Ngày hội việc làm”, để người học được gặp gỡ trực tiếp với các nhà tuyển dụng. “Ngày hội việc làm” đã có nhiều đơn vị doanh nghiệp tham gia để giới thiệu việc làm và tìm hiểu người học của Trường **[H8.08.04.07]**.

Kết quả lấy ý kiến người học cho thấy trên 90% ý kiến hài lòng và rất hài lòng

về hoạt động tư vấn, hoạt động thực tiễn và ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường đã giúp cải thiện việc học tập và khả năng kết nối của người học **[H8.08.04.08]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập được thực hiện thường xuyên và liên tục thông qua đội ngũ cố vấn học tập, chủ nhiệm lớp. Đồng thời, Nhà trường cũng luôn tổ chức lấy ý kiến của người học để điều chỉnh công tác giảng dạy của giảng viên góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Công tác tư vấn, hỗ trợ người học chưa thật sự đồng đều, vẫn còn tình trạng có học viên còn thụ động trong các hoạt động học tập và ngoại khóa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch hợp lý để tư vấn, hỗ trợ, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giúp người học có thể tham gia đầy đủ	Khoa ĐTSĐH	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tư vấn hỗ trợ học tập của CVHT được thực hiện thường xuyên và đi vào thực chất của từng người học	Khoa ĐTSĐH PĐBCL, TT & PC	Hàng năm	

		- Tiếp tục lấy ý kiến người học về các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ người học trong học tập, sinh hoạt và kết nối việc làm sau khi tốt nghiệp... để kịp thời điều chỉnh, cải tiến hình thức triển khai			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động ĐT, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có khuôn viên rộng hơn 12ha, có môi trường thân thiện, tạo điều kiện thoải mái để tiến hành các hoạt động học tập và nghiên cứu với đầy đủ các công trình phục vụ học tập, rèn luyện sức khỏe, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Trường có không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, có vườn hoa, tượng đài, ghế đá, khu học tập, rèn luyện ngoại khóa và thi đấu các môn thể thao gồm sân bóng đá với sân cỏ nhân tạo đảm bảo chất lượng, sân điền kinh phủ nhựa tổng hợp chuẩn 400m, sân bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném, cầu lông, tennis, nhà tập luyện đa năng dành cho các môn: bóng bàn, cầu lông, pikicball có công năng sử dụng cho luyện tập thể dục thể thao, nhà thi đấu đa năng có các phòng tập luyện thể dục thể hình, thể dục cơ bản, khiêu vũ thể thao, tập luyện Võ thuật, hội trường lớn cho các hoạt động chung. Bên cạnh đó, khu hiệu bộ 9 tầng, giảng đường 4 tầng, các phòng, khoa, có 9

ký túc xá,... được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH.

Khoa đào tạo SDH có phòng làm việc tại khu hiệu bộ nhà 9 tầng với các trang thiết bị đủ tiêu chuẩn phục vụ công tác đào tạo. Học viên cao học ngành GDH được hỗ trợ các CSVC phục vụ cho việc học tập, tự học, phòng sinh hoạt chuyên môn/seminar tại phòng học khu giảng đường D1 (792m²), giảng đường 4 tầng (7.406m²); sử dụng các cơ sở vật chất của nhà trường như: nhà tập thể thao đa năng (1.253m²), nhà luyện tập thi đấu thể thao đa năng (3.200m²), phòng thí nghiệm thực hành y học thể thao và thực hành thể thao (phòng Lab) với diện tích 1.400m² được trang bị máy tính thực hành cùng phần mềm mô phỏng, phần mềm phân tích. Phòng tin học, phòng học ngoại ngữ và thư viện được xây dựng khang trang với nguồn tài liệu phong phú, hàng năm đều được bổ sung, cập nhật phù hợp với CTĐT, được trang bị hệ thống máy vi tính có kết nối mạng Internet phục vụ cho việc khai thác, tìm kiếm dữ liệu. **[H8.08.05.01]**.

Nhà trường có quy định về văn hóa ứng xử trong học đường ban hành các nội quy giảng đường, nội quy phòng thí nghiệm, nội quy Thư viện **[H8.08.05.02]**.

Việc chăm lo sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH. Vì vậy, Nhà trường đặc biệt quan tâm và bổ sung mua sắm trang thiết bị cần thiết cho Trạm y tế phục vụ tốt nhất công tác chăm sóc sức khỏe cho người học được thể hiện trong các quy định đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất thường xuyên **[H8.08.05.03]**.

Giai đoạn vừa qua là giai đoạn lịch sử với Dịch Covid hoành hành, nhà trường luôn chủ động có các biện pháp, hành động kịp thời thống nhất chung với công tác phòng chống dịch với các cấp chính quyền **[H8.08.05.04]**.

Bên cạnh đó công tác phòng chống cách bệnh truyền nhiễm theo mùa, đặc biệt là bệnh sốt xuất huyết và công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm tại các căng tin phục vụ người học của Nhà trường luôn được Trạm Y tế kiểm tra, nhắc nhở và đảm bảo an toàn thực phẩm **[H8.08.05.05]**.

Công tác phòng, chống cháy nổ luôn được Nhà trường quan tâm và kiểm tra thường xuyên; định kỳ mua sắm bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác PCCC. Hàng năm, Nhà trường phối hợp với Công an PCCC xây dựng kế hoạch, tổ

chức cho cán bộ và người học thực hành diễn tập về PCCC. Tại Nhà điều hành, khu giảng đường, phòng học, phòng làm việc của Khoa, BM, phòng chờ giáo viên, khu nội trú... luôn được Nhà trường trang bị các thiết bị PCCC đầy đủ kèm theo tiêu lệnh và nội quy PCCC được niêm yết và có kiểm tra PCCC của cơ quan chức năng [H8.08.05.06], [H8.08.05.07].

Công tác an ninh trật tự và an toàn trong trường học được Nhà trường đặc biệt quan tâm, Ban bảo vệ phân công trực 24/24; hệ thống điện chiếu sáng được lắp đặt theo thiết kế đảm bảo trong toàn khuôn viên Nhà trường, chiếu sáng đầy đủ vào ban đêm, đảm bảo an toàn cho người học và công tác quản lý tài sản chung của Nhà trường [H8.08.05.08].

Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tâm lý thoải mái cho người học, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học cho thấy hầu hết ý kiến hài lòng về hoạt động phục vụ đào tạo, cơ sở vật chất, môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Nhà trường [H8.08.05.9].

2. Điểm mạnh

Nhiều giải pháp được triển khai đồng bộ nhằm tạo lập môi trường tâm lý, xã hội thuận lợi, thoải mái cho việc học tập, NCKH và sinh hoạt của người học.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở vật chất còn bị xuống cấp do nhiều năm sử dụng, việc sửa chữa cải thiện, thay đổi, điều chỉnh còn chưa được thực hiện liên tục nên hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học của học viên đôi lúc bị ảnh hưởng

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất Nhà trường đầu tư nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị cho thư viện, phòng thí nghiệm, phòng tự học để tạo môi trường dễ chịu, tâm lý thoải mái, khơi gợi hứng thú học tập, nghiên cứu cho học viên	Khoa ĐTSĐH	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tạo lập môi trường tâm lý, xã hội thuận lợi, thoải mái cho việc học tập, NCKH và sinh hoạt của người học	Khoa ĐTSĐH	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Kết luận tiêu chuẩn 8

Chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học Thạc sĩ ngành Giáo dục học được Nhà trường xác định rõ ràng và được cập nhật thường xuyên. Bên cạnh

đó, để hỗ trợ tốt nhất cho người học, Nhà trường cũng đã xây dựng hệ thống giám sát phù hợp để đánh giá sự tiến bộ trong học tập của người học, đồng thời có các hoạt động tư vấn, hoạt động ngoại khoá và các hoạt động hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập cũng như tăng khả năng cải thiện việc làm của người học. Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan cũng là yếu tố tạo thuận lợi, tạo sự thoải mái cho người học trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Tiêu chuẩn 8 có 03 tiêu chí đạt mức 4/7 và 02 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu:

Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng, bổ sung và hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ. Hệ thống phòng học, phòng thực hành, sân tập và trang thiết bị đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH của GV và người học. Thư viện của Nhà trường cơ bản đáp ứng được nguồn học liệu phục vụ yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Qua đó phục vụ hiệu quả, thuận lợi cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giảng viên và người học, trên cơ sở đó, đảm bảo môi trường làm việc hiệu quả nhất cho cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Trường.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đủ các trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu quản lý, điều hành, học tập, nghiên cứu kiến thức chuyên sâu và các kỹ năng trong lĩnh vực giáo dục thể chất.
Cụ thể:

Để phục vụ quản lý, điều hành và một số phòng hội họp, trực tuyến Nhà trường bố trí 01 tòa nhà điều hành trung tâm 9 tầng với tổng diện tích sàn xây dựng là 4.940 m², được bố trí theo công năng sử dụng: các phòng làm việc, phòng chức năng cho

các Khoa và một số phòng hội thảo, hội họp sử dụng chung.

Hệ thống phòng học lý thuyết (là trường năng khiếu nên phòng học lý thuyết diện tích chiếm tỷ trọng không nhiều) 3.703 m² (không tính giảng đường cho sinh viên trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh), được bố trí 40, 50, 100 chỗ phù hợp cho nhiều mục đích sử dụng. Trong đó, đối tượng học thạc sĩ giáo dục thể chất được bố trí riêng tại khu nhà học lý thuyết tại Bể bơi. Với đặc thù đào tạo giáo dục Thể chất các môn học thực hành là một thành phần không thể thiếu trong chương trình đào tạo thạc sĩ và được sử dụng chung với hệ thống cơ sở vật chất của Nhà trường. Ngoài việc đáp ứng các học phần lý thuyết, hệ thống sân tập, nhà tập cũng là nơi thí nghiệm, thực hành và chiếm tỷ trọng lớn gồm: nhà tập đa năng có diện tích 1.253 m²; nhà thi đấu thể thao đa năng diện tích 3.200 m²; 1 sân điền kinh có 6.500 m² đường chạy phủ chất dẻo tổng hợp; 01 bể bơi có diện tích 3.540 m² với 10 làn bơi và hệ thống khán đài, nhà học lý thuyết 02 tầng; 1 sân bóng đá cỏ nhân tạo, diện tích 10.800 m²; 05 sân bóng chuyền với diện tích 2.250 m²; 2 sân bóng rổ có diện tích 1.640 m²; 2 sân quần vợt có diện tích 1.040 m²; ngoài ra còn có các sân bóng ném, đá cầu...[H9.09.01.01].

Nhà thí nghiệm thể chất với diện tích xây dựng 750 m², diện tích sàn xây dựng 1400 m² được sử dụng làm khu vực nghiên cứu, ứng dụng Thể chất, thực hành và Trung tâm ngoại ngữ tin học [H9.09.01.02].

Thư viện nhà trường được xây dựng khang trang, sạch đẹp, diện tích 1.152 m² được bố trí 150 chỗ ngồi đảm bảo tỷ lệ 2,5m²/chỗ ngồi đọc, . Hệ thống ký túc xá từ C1 đến C6: 10.827m² (không tính C7,8,9 cho SV trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh), được xây dựng từ 3 đến 5 tầng, vệ sinh khép kín với quy mô 3.000 SV, đáp ứng 100% nhu cầu của sinh viên trước mắt cũng như trong tương lai [H9.09.01.03].

Tóm lại, với hệ thống cơ sở vật chất hiện tại, nhà trường đủ tỷ lệ diện tích và các trang thiết bị đáp ứng đào tạo đại học và sau đại học với quy mô trên 3000 sinh viên.

Bảng 9.1. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	143.477	x		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH của trường, trong đó	72.183	x		
2.1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	12.805	x		
2.2	Thư viện, trung tâm học liệu	1.152	x		
2.3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	58.226	x		

- Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm khang trang, hiện đại, được từng bước hiện đại hóa đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Cụ thể:

Nhà trường có hệ thống giảng đường, phòng học gồm 38 phòng với diện tích 11.927,07 m², trong đó các phòng học được trang bị máy chiếu, màn chiếu, đèn, quạt trần và hệ thống âm thanh với 4 loa treo tường, 4 giảng đường với sức chứa từ 80 - 120 chỗ/giảng đường; có 03 phòng thực hành tin học gồm 95 máy vi tính được kết nối internet, 02 phòng thực hành ngoại ngữ trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại, có cabin riêng và 01 máy chủ cho giáo viên. Ngoài ra, hệ thống máy tính, máy in, photocopy được trang bị đầy đủ, đúng định mức đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành và nghiên cứu của sinh viên, giảng viên. Hệ thống phòng thí nghiệm, các phòng luyện tập, thực tập được thiết kế theo công năng, trang thiết bị đầy đủ các dụng cụ chuyên ngành, hệ thống chiếu sáng ban ngày, ban đêm phục vụ tốt cho các môn học phục vụ tốt cho việc nghiên cứu và ứng dụng thể chất và thể dục thể thao **[H9.09.01.04]**.

Để đảm bảo đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học: Nhà trường quản lý thông qua các công cụ như: các sổ theo dõi tần suất sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị mượn dụng cụ, sổ cấp phát dụng cụ, sổ theo dõi giảng dạy các môn lý thuyết, sổ phân công giảng dạy, rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư hàng năm qua kế hoạch kiểm kê và báo cáo tài sản sau kiểm kê hàng năm. Thông qua các dữ liệu này nhà trường đánh giá hiệu quả sử dụng và hiệu quả đầu tư CSVC trang thiết bị **[H9.09.01.05]**.

Cải tiến cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị được thực hiện qua việc nâng cao quản lý và mua sắm trang thiết bị kịp thời, nhà trường đã ban hành quy trình mua sắm, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất; quy định hướng dẫn sử dụng CSVC tại các khu vực lớp học sân tập, nhà tập... quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và triển khai hiệu quả.

Các kế hoạch mua sắm, sửa chữa bảo dưỡng cơ sở vật chất trang thiết bị hàng năm được căn cứ vào nhu cầu sử dụng, phòng Quản lý đào tạo – Khoa học và Hợp tác Quốc tế phối hợp với các khoa rà soát xây dựng kế hoạch dự trù cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập **[H9.09.01.06], [H9.09.01.07]**.

Việc bố trí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị luôn được bổ sung, tăng cường thể hiện qua tỷ trọng đầu tư cho phát triển cơ sở vật chất/ tổng chi của Nhà trường hàng năm **[H9.09.01.08]** qua bảng số liệu sau:

Bảng 9.2. Tỷ trọng Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giai đoạn 2019-2024

TT	Nội dung	2019		2020		2021		2022		2023	
		Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %
1	Đầu tư xây dựng	3,860,775,98	50	1,682,367,000	37	1,033,864,000	39	1,591,400,000	46	2,707,254,362	48
2	Mua sắm trang thiết bị	683,267,500	9	855,932,200	19	926,961,650	35	857,560,430	25	1,233,717,400	22
3	Đầu tư bảo dưỡng sửa chữa	3,203,028,297	41	2,013,942,000	44	686,828,880	26	1,028,165,392	30	1,735,488,196	31
	Tổng	7,747,080,495		4,552,241,200		2,647,654,530		3,477,125,822		5,676,459,958	

Năm 2019- 2020, Trường đã được Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt đầu tư dự án 5 tỷ cho việc sửa chữa nhà tập thể dục và một số sân tập thể thao **[H9.09.01.09]**. Ngoài ra, nhà trường đã lập dự án và được cấp trên phê duyệt đầu tư trung hạn 02 dự án: Dự án “Tăng cường trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số, mức đầu tư 22 tỷ, trong đó có trang bị phòng trực tuyến kết hợp hội thảo, hội nghị Seminar chuyên đề, Luận văn tốt nghiệp cho đối tượng học thạc sĩ - đến nay đang vận hành **[H9.09.01.10]** và đang chuẩn bị đầu tư dự án nhà thi đấu thể thao đa năng, mức đầu tư được phê duyệt 44 tỷ **[H9.09.01.11]**.

Nhà trường đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi mức độ hài lòng của người học, cán bộ giảng viên về cơ sở vật chất, trang thiết bị ở các phòng học thông qua phiếu khảo sát Bên cạnh đó, Trường cũng thực hiện lấy ý kiến người học thông qua các buổi đối thoại với SV, lấy kiến của GV thông qua Hội nghị công chức viên chức hàng năm và đồng thời trong các buổi hội nghị này GV cũng có các đề xuất kiến nghị duy tu, sửa chữa để cho hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng ngày càng tốt hơn trong việc đáp ứng nhu cầu đào tạo. Thông qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học, các ý kiến phản ánh chưa hài lòng về cơ sở vật chất chiếm khoảng 12% (theo báo cáo kết quả khảo sát) **[H9.09.01.12]**.

2. Điểm mạnh

Các phòng, Khoa có đầy đủ hệ thống phòng làm việc; Các phòng học và các phòng chức năng, nghiên cứu, thực hành... với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu chương trình đại học, sau đại học.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí còn hạn chế nên việc đầu tư mới chưa được đồng bộ. một số công trình xuống cấp chưa được bảo trì do thiếu kinh phí. một vài môn học thể thao còn học ngoài trời bị ảnh hưởng bởi thời tiết.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường đầu tư kinh phí trong việc phát triển, cải tạo, nâng cấp, bảo dưỡng cơ sở vật chất;	Phòng Quản trị Thiết bị; phòng Kế hoạch tài chính	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Khai thác tốt công năng sử dụng cơ sở vật chất hiện có; Lập đề án khai thác hệ thống sân tập ngoài giờ vừa đảm bảo cho học viên luyện tập thêm ngoài giờ, vừa thu hút thêm nguồn kinh phí để bảo dưỡng CVSC.	Phòng Quản trị Thiết bị; Kế hoạch Tài chính và các Khoa, bộ môn	Hàng năm	
3	Đầu tư mới CSVC	Đối với các công trình có kinh phí dự toán sửa chữa lớn Trình Bộ chủ quản đầu tư kinh phí	Đầu tư trung hạn	2025-2030	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

Mô tả:

Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội có Thư viện, phòng đọc đảm bảo phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Để vận hành và khai thác, Nhà trường đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động Thư viện chính thức ban hành theo quyết định số 582/QĐ-ĐHSPTDTHN [H9.09.02.01].

Thư viện nhà trường được xây dựng khang trang, sạch đẹp với tổng diện tích 1.152m² trong đó có: 02 phòng đọc lớn, 02 phòng lưu trữ thông tin, sách báo, giáo trình 300m², 01 phòng tra cứu, mượn trả và quầy thông tin, góc trưng bày, giới thiệu tài nguyên thông tin và các khu phụ trợ khác. Phòng đọc được bố trí lên đến 150 chỗ ngồi, đảm bảo định mức 2,4 m²/01 chỗ, khu hành chính nghiệp vụ đảm bảo đủ diện tích để người làm Thư viện làm việc và tổ chức các hoạt động nghiệp vụ thư viện. Sơ đồ bố trí hệ thống thư viện trường được sắp xếp, bố trí hợp lý phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu tại cơ sở đào tạo của Trường [H9.09.02.02].

Tại các phòng chức năng đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị thiết yếu được kiểm kê, thay mới, sửa chữa hàng năm để phục vụ hoạt động như quạt trần, quạt thông gió, giá kệ để sách, bàn ghế; phòng làm việc của cán bộ thư viện được trang bị máy điều hòa không khí, máy tính, máy in. Hệ thống mạng wifi phục vụ truy cập khai thác các tài nguyên Thư viện [H9.09.02.03].

Thư viện mở cửa phục vụ bạn đọc từ thứ 2 đến thứ 6 (7h30 đến 17h00) theo hình thức mượn – trả tại chỗ. Thư viện có nội quy, quy định được đặt ngay tại khu vực tra cứu; văn bản hướng dẫn quy trình tra cứu tại quầy thông tin và sổ theo dõi việc sử

dụng tài liệu của bạn đọc tại thư viện **[H9.09.02.04]**.

Đội ngũ Thư viện viên được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đúng chuyên ngành Thư viện giúp quản lý thư viện hiệu quả **[H9.09.02.05]**.

Thư viện có đầy đủ học liệu bao gồm: các chuyên ngành, giáo trình, bài giảng, tài liệu chuyên khảo, kết quả nghiên cứu khoa học, báo, tạp chí chuyên ngành, khóa luận, luận văn, luận án, kỷ yếu hội thảo khoa học, báo cáo thực tập, và các tài liệu chuyên ngành khác để học viên tham khảo và nghiên cứu. Việc quản lý nguồn tài liệu, học liệu tại Thư viện được lưu trữ bằng 02 hình thức: truyền thống (sổ theo dõi nhập, sổ phân loại) và đổi mới (tổng hợp theo dõi trên máy tính) **[H9.09.02.06]**.

Tính đến tháng 12/2024, tài liệu phục vụ bạn đọc là 2587 đầu sách, cùng với đầy đủ các tài liệu phục vụ cho khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và các cơ sở dữ liệu dùng chung. Thư viện cũng lưu trữ đầy đủ hệ thống đề cương chi tiết các học phần của chương trình đào tạo **[H9.09.02.07]**.

Hàng năm Thư viện phối hợp với khoa chuyên môn trong việc bổ sung các giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chuyên ngành đào tạo thể hiện qua quy trình bổ sung tài liệu (kế hoạch xuất bản giáo trình hàng năm và mua giáo trình, sách tham khảo cho sinh viên, học viên để phục vụ bạn đọc tốt nhất **[H9.09.02.08]**.

Sau khi bổ sung thêm nguồn tài liệu, Thư viện ban hành thông báo chi tiết các tài liệu mới tới toàn thể Cán bộ và Sinh viên được biết đến tham khảo và nghiên cứu **[H9.09.02.09]**. Ngoài ra, các tài liệu nội sinh được Thư viện thu nhận, phân loại và đưa vào phục vụ bạn đọc như: Khóa luận tốt nghiệp các khóa đại học; Luận văn Thạc sỹ và Đề án Tiến sỹ,... **[H9.09.02.10]**

Hàng năm, Thư viện tổ chức ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam với nhiều chủ đề khác nhau, nhằm khơi dậy tinh thần đọc sách của cán bộ giảng viên, sinh viên, học viên trong nhà trường và được sự ủng hộ nhiệt tình của tất cả các phòng, ban, khoa, bộ môn trong nhà trường. Việc tổ chức được thực hiện có Kế hoạch và Báo cáo kết quả gửi về cơ quan chủ quản **[H9.09.02.11]**

Thư viện đã tổ chức lấy ý kiến đánh giá/ phản hồi bạn đọc về mức độ phù hợp

của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu thông qua hình thức gửi phiếu khảo sát. Các kết quả khảo sát giúp Thư viện có thông tin đề xuất bổ sung tài liệu, đầu tư CSVC và cải tiến các dịch vụ... đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu của từng chuyên ngành [H9.09.02.12].

Thư viện có giao lưu, trao đổi xuất bản phẩm với một số đơn vị [H9.09.02.13].

2. Điểm mạnh

Thư viện tổ chức quản lý hệ thống tài liệu một cách khoa học và tạo điều kiện tốt nhất cho người sử dụng. Cán bộ thư viện đáp ứng tốt yêu cầu trong phục vụ và trong công tác chuyên môn.

3. Điểm tồn tại:

Nguồn học liệu bằng tiếng nước ngoài hiện có tại Thư viện để phục vụ cho bạn đọc còn chưa phong phú.

Chưa có nhiều sự hợp tác và liên kết với các Thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Tăng cường CSVC, khắc phục tồn tại	Tăng cường đầu tư kinh phí trang bị thêm một số CSVC như: điều hòa phòng đọc, tủ trưng bày sách, máy tính khai thác tài nguyên thư viện.	Phòng Quản trị Thiết bị; phòng Kế hoạch tài chính	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Khai thác tốt công năng sử dụng cơ sở vật chất đang hiện có; Nghiên cứu, tìm hiểu thêm về các nguồn tài liệu, học liệu trong và ngoài nước để	Thư viện	Hàng năm	

		làm phong phú nguồn học liệu tại Thư viện			
3	Liên thông, tài liệu thư viện	Lập kế hoạch và cử bộ phận nghiên cứu, phối hợp liên thông Thư viện với Trường Đại học cùng chuyên ngành.	Phòng Quản lý đào tạo - Hợp tác Quốc tế và Thư viện	2025-2030	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội đã dành riêng một khu học lý thuyết cho đối tượng đào tạo thạc sĩ tại khu học lý thuyết bể bơi, được trang bị máy chiếu, điều hòa, các thiết bị nghe nhìn khác... Việc thực hành và nghiên cứu của học viên được thực hiện tại nhà Thí nghiệm thể chất với diện tích 750 m², diện tích sàn xây dựng 1400 m², được bố trí đầy đủ các phòng đáp ứng chương trình đào tạo đại học và sau đại học như: phòng thực hành Y học; phòng thực hành Sinh hóa; phòng thực hành xoa bóp; phòng Phục hồi chức năng; 05 phòng ngoại ngữ, tin học, 02 phòng gofl 3D, Phòng hội thảo, hội trường, phòng học và họp trực tuyến...[H9.09.03.01]. Ngoài ra, đối với trường đào tạo đặc thù Giáo dục thể chất, hệ thống sân tập, nhà tập, nhà thi đấu cũng là nơi thực hành - hệ thống này đạt tiêu chuẩn tập luyện và thi đấu gồm: Nhà thi đấu đa năng, nhà tập đa năng, sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chuyên và các sân phụ trợ khác... [H9.09.03.02].

- Thực hiện mục tiêu trong chiến lược phát triển trường Đại học Sư phạm Thể

dục Thể thao Hà Nội giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030, Nhà trường đã trang bị khá đầy đủ cho các phòng thí nghiệm, thực hành như:

+ Máy chiếu, màn chiếu, màn hình hiển thị, đèn, quạt trần và hệ thống âm thanh, màn hình hiển thị, bàn ghế, điều hòa...;

+ Hệ thống sân tập, nhà tập, nhà thi đấu phục vụ các môn học như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, bóng rổ, điền kinh, tennis ... được trang bị đầy đủ dụng cụ luyện tập như: thảm nhảy cao, thảm sàn nhà thi đấu, các loại xà đơn xà kép, thảm tập võ, cột cầu lông, bàn bóng bàn;

+ Hệ thống phòng thí nghiệm thực hành Y sinh được trang bị đầy đủ: bộ xương người thật, các loại mô hình xương, cơ, nội tạng người, các thiết bị như đèn chiếu, kính hiển vi, các máy đo chỉ số huyết áp, tim mạch. máy đo lực tay, chân, phòng gofl 3D phục vụ cho việc nghiên cứu trong luyện tập và ứng dụng thể dục thể thao; phòng tập đa năng được trang bị xe đạp điện tử, máy tập, máy chạy bộ, ...cho sinh viên luyện tập thể lực... **[H9.09.03.03]**.

- Các phòng thí nghiệm, thực hành nêu trên không chỉ đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo dục thể chất hệ đại học mà còn đáp ứng nhu cầu đào tạo sau đại học, nghiên cứu khoa học cho học viên ngành sư phạm giáo dục Thể chất, nghiên cứu chuyên sâu cũng như thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học.

- Bên cạnh việc đầu tư cơ sở vật chất, công tác hướng dẫn sử dụng để phát huy công năng, sử dụng hiệu quả trang thiết bị luôn được coi trọng, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các hướng dẫn sử dụng, nội quy, quy định của phòng thí nghiệm, thực hành, các tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng chức năng đều được công khai **[H9.09.03.04]**.

- Các trang thiết bị, hệ thống sân tập, nhà tập luôn được đầu tư bổ sung thông qua Nghị quyết phê duyệt của Hội đồng trường làm căn cứ đầu tư; Công tác bảo trì, bảo dưỡng được làm thường xuyên. Hàng năm, thông qua kiểm kê Nhà trường đánh giá, báo cáo về số lượng và hiện trạng thiết bị để đưa ra các giải pháp tăng cường trang thiết bị ngày càng đầy đủ, hiện đại đáp ứng các chương trình đào tạo **[H9.09.03.05]**.

Năm 2023, Nhà trường tiếp nhận từ Ban quản lý dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo

các trang thiết bị từ dự án “Tăng cường trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số nâng cao chất lượng đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu cho Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội”, với kinh phí đầu tư gần 22 tỷ đồng. Các sản phẩm của dự án đã trang bị đồng bộ bàn ghế, màn hình hiển thị, bộ máy tính, loa, micro, webcam... cho các phòng máy chủ; 03 phòng đa năng đào tạo tin học-ngoại ngữ; 01 phòng trực tuyến kết hợp với Seminar chuyên đề, bảo vệ Luận văn tốt nghiệp... và 01 Hội trường đa năng phục vụ hội thảo, hội nghị, họp trực tuyến đông người. Các trang thiết bị công nghệ thông tin giúp cho việc học tập, nghiên cứu của học viên; bên cạnh đó hệ thống phần mềm với đầy đủ các phân hệ phục vụ tốt việc quản trị đại học, tra cứu thông tin, tài liệu... **[H9.09.03.06]**.

Thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn với mục đích các môn học ngoài trời không bị ảnh hưởng bởi thời tiết và từng bước chuẩn hóa hiện đại nơi thực hành, Nhà trường đã trình và được Bộ giáo dục và Đào tạo Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Nhà tập thể thao đa năng với kinh phí phê duyệt 44 tỷ đồng **[H9.09.03.07]**.

Để giám sát tần suất sử dụng, thời gian hoạt động của các thiết bị, các phòng thí nghiệm, thực hành luôn có các sổ theo dõi/ nhật ký sử dụng riêng, trong đó có các cột đánh giá về tần suất dụng thiết bị, tình trạng hoạt động của người sử dụng để theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Ngoài ra, Nhà trường còn có đội ngũ làm công tác quản lý tài sản, nhân viên kỹ thuật theo dõi, hỗ trợ hoạt động phòng thí nghiệm **[H9.09.03.08]**. **[H9.09.03.09]**.

Theo báo cáo kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của GV và sinh viên về CSVC, trang thiết bị các năm từ 2020 đến 2024 cho thấy hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành, sân bãi dụng cụ học tập ở mức hài lòng đạt từ 80- 90%. **[H9.09.03.10]**.

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng thí nghiệm được bố trí riêng, hệ thống sân tập, nhà tập đảm bảo tiêu chuẩn luyện tập và thi đấu. Có nội quy, quy định, hướng dẫn để đảm bảo hiệu quả sử dụng.

Các trang thiết bị khá đầy đủ cho các phòng thí nghiệm, thực hành trong đó, các trang thiết bị của dự án công nghệ thông tin tương đối đầy đủ, hiện đại phục vụ tốt cho việc đào tạo sau đại học. Các trang thiết bị được thường xuyên đánh giá,

kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo hoạt động tốt.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn thiếu một số trang thiết bị chuyên sâu nhất là thiết bị cho môn học về Y học thể dục thể thao và một số thiết bị thể thao khác chưa được cập nhập theo các chương trình đào tạo tiên tiến phục vụ nghiên cứu khoa học và giảng dạy cho học viên sau đại học.

Hệ thống sân tập, nhà tập một số hạng mục xuống cấp chưa đủ kinh phí đầu tư sửa chữa kịp thời đôi khi còn làm ảnh hưởng đến phục vụ giảng dạy và học tập.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	- Tiếp tục đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị khang trang, hiện đại.	Xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn, ngắn hạn Hoàn thiện việc đầu tư phòng băng hình, phòng LAP và một số thiết bị Y sinh phục vụ nghiên cứu	Phòng QTTB, Phòng KHTC,	2025-2029	
2	- Nâng cao hiệu quả quản lý, cải tiến chất lượng CSVC phòng thí nghiệm, phòng học thực hành	Áp dụng phần mềm thống kê, quản lý hư hỏng, cập nhật, sửa chữa kịp thời, đầu tư trang thiết	Phòng QLĐT-KH&HTQT; Các Khoa	2025	

		bị theo mục tiêu cải tiến chất lượng giảng dạy			
	Đảm bảo cập nhật, khắc phục hư hỏng nhanh chóng, kịp thời	Xây dựng kế hoạch và lấy ý kiến phản hồi thường xuyên của các bên liên quan	Phòng QTTB Phòng QLĐT-KH&HTQT	Định kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng và quản lý tốt hệ thống CNTT một cách hiệu quả, đáp ứng nhu cầu quản lý, học tập và nghiên cứu, cập nhật thông tin của GV, SV trong nhà trường. Trang web Trường ĐHSP TĐTT Hà Nội (www.hupes.edu.vn) cung cấp các thông tin cần thiết cho GV và SV về các hoạt động quản lý đào tạo, nghiên cứu cũng như khả năng kết nối giữa trang web của trường với các đơn vị trực thuộc khác.

Để phục vụ cho công tác chuyển đổi số, năm 2022 Nhà trường đã có kế hoạch, tờ trình và đã được Bộ GDĐT quyết định phê duyệt đầu tư hệ thống phòng máy chủ. Hiện nhà trường đã được bàn giao hệ thống phòng máy chủ và đưa vào sử dụng với hệ thống máy móc thiết bị hiện đại [H9.09.04.01], [H9.09.04.02], [H9.09.04.03], [H9.09.04.04]. Để tăng hoạt động hiệu quả phòng máy chủ Nhà trường đã đầu tư hệ thống cáp quang nội bộ nối mạng từ phòng máy chủ đến hệ thống các phòng ban,

khoa, bộ môn.

Nhà trường trang bị hệ thống máy tính kết nối internet cho các khoa, phòng ban chức năng, phòng họp trực tuyến để phục vụ công tác quản lý thuận tiện trong Nhà trường và dịch vụ wifi miễn phí để kết nối trong toàn trường đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng internet của cán bộ, GV và người học **[H9.09.04.05], [H9.09.04.06]**.

Để đảm bảo thông tin thông suốt, Nhà trường luôn chú trọng đầu tư hệ thống CNTT bao gồm cả các thiết bị, các phần mềm quản lý, kinh phí sửa chữa, nâng cấp thiết bị mạng. Công tác tin học hóa được thực hiện đồng bộ trong toàn trường từ việc thông báo cho GV, người học đến các cuộc họp trực tuyến giữa ban lãnh đạo; Cập nhật thông tin hoạt động, các văn bản điều hành của Nhà trường; các thông báo nội bộ, cũng như việc số hóa các dữ liệu quản lý của các phòng ban như Khoa Đào tạo Sau đại học, phòng Phòng QLĐT - Khoa học và Hợp tác quốc tế, cũng như hầu hết các phòng ban chức năng khác của Nhà trường **[H9.09.04.07], [H9.09.04.08], [H9.09.04.09]**.

Bên cạnh đó, việc đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống về CNTT, phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, theo dõi phản hồi người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu **[H9.09.04.10], [H9.09.04.11]**.

Để làm căn cứ nâng cao chất lượng phục vụ Nhà trường hàng năm đều lấy phiếu đánh giá phản hồi của GV, người học về mức độ phù hợp của hệ thống CNTT trong việc hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Kết quả đánh giá của GV, người học cho thấy, trên 80% người được hỏi hài lòng với chất lượng của hệ thống thông tin của Nhà trường **[H9.09.04.12]**.

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT được trang bị đầy đủ từ phòng máy chủ đến hệ thống mạng LAN, Wifi nội bộ đảm bảo hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; việc số hóa văn bản, khai thác phần mềm đảm bảo tốt quá trình khai thác tài nguyên từ xa, mọi lúc, mọi nơi thuận tiện

Hạ tầng mạng internet đảm bảo, đội ngũ kỹ thuật phản hồi kịp thời khi có sự cố.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống CNTT của Nhà trường mặc dù được quản lý, cập nhật, tuy nhiên tính hiệu quả chưa cao, chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT, tất cả đều là kiêm nhiệm và không có đội ngũ kỹ thuật viên có trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực CNTT.

Hệ thống CNTT về CSVC còn chưa đồng bộ và toàn diện giữa toàn trường, chưa có Internet miễn phí cho sinh viên dẫn đến sự liên kết giữa người học còn một số hạn chế.

- Việc bảo trì, sửa chữa các lỗi mạng truy cập thông tin nhà trường có lúc, có nơi còn chậm phần nào ảnh hưởng đến chất lượng quản lý đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thường xuyên cải tiến, nâng cấp hệ thống mạng, đảm bảo yêu cầu về tốc độ và tính bảo mật của hệ thống. Chuẩn hóa các hoạt động CNTT của đơn vị, ban hành quy trình cụ thể để thuận tiện theo dõi và thực hiện.	Trường ĐHSP TDTT Hà Nội	Năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy tốt hệ thống CNTT hiện có từ dự án đầu tư phục vụ chuyển đổi số nhằm tăng cường CSVC thiết bị công nghệ thông tin cho Nhà trường để nâng cao quản lý, giảng dạy và nghiên cứu	Trường ĐHSP TDTT Hà Nội	Năm 2025	

		đáp ứng thời đại công nghệ 4.0			
--	--	--------------------------------	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội có Diện tích sử dụng là 143.477m², trong đó có 1 tòa nhà điều hành trung tâm 9 tầng, 1 nhà thí nghiệm thể chất, 1 Trạm y tế, 9 dãy nhà KTX cao tầng, 1 nhà ở cán bộ sỹ quan, 1 nhà thi đấu đa năng, 1 nhà tập luyện TDTT, 1 nhà thư viện, 2 giảng đường, 1 sân bóng đá cỏ nhân tạo tiêu chuẩn thi đấu, 1 sân điền kinh tiêu chuẩn thi đấu, 2 sân tennis, 5 sân bóng chuyền, 2 sân bóng rổ, 1 bể bơi tiêu chuẩn thi đấu, 02 nhà xe, nhà ăn còn lại là đường đi và diện tích trồng cây xanh **[H9.09.05.01]**. Có thể nói, diện tích chung của Trường rộng rãi, môi trường thoáng mát, với diện tích rộng lớn cùng với nguồn lực hiện có về con người, CSVC,... đây là điều kiện để Trường ĐHSPTDTT Hà Nội đào tạo các trình độ sau đại học.

Nhà trường có các văn bản quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường (bao gồm môi trường tự nhiên và môi trường xã hội) cho cán bộ, GV, người học bằng việc ban hành Quy định đảm bảo công tác Y tế trong trường học **[H9.09.05.02]**, Nội quy an toàn lao động **[H9.09.05.03]**, Nội quy, quy định về công tác PCCC&CNCH **[H9.09.05.04]** nhằm hướng đến việc xây dựng một môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh.

Nhà trường đảm bảo các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn bằng những hành động cụ thể:

Về việc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và học viên, Nhà trường có Trạm Y tế riêng,

với diện tích sàn xây dựng 1650 m², diện tích đất xây dựng 550 m², chiều cao 3 tầng với đầy đủ các trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu sơ cấp cứu kịp thời của học viên khi gặp vấn đề về sức khỏe. Nhà trường thành lập ban chăm sóc sức khỏe CB, GV, SV **[H9.09.05.05]** hàng năm, xây dựng kế hoạch công tác chăm sóc sức khỏe, y tế cộng đồng, vệ sinh an toàn thực phẩm, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ y tế đảm bảo công tác khám sức khỏe cho cán bộ, giảng viên, công nhân nhân viên nhà trường theo quy định **[H9.09.05.06]**

Công tác phòng chống thiên tai, bão lụt, phòng cháy - chữa cháy của Nhà trường có thành lập Ban chỉ huy và đội PCCC & CNCH **[H9.09.05.07]** có phương án hoạt động và trang thiết bị theo quy định. Nhà trường phối hợp với Cảnh sát PCCC tập huấn cho CB, GV, CNV về kiến thức, pháp luật PCCC, thường xuyên tự kiểm tra, phát hiện và khắc phục ngay những sơ hở, thiếu sót về PCCC tại cơ sở. Hàng năm tổ chức tự thực tập các phương án với sự giám sát của lực lượng cảnh sát PCCC&CHCN. Trong những năm qua, không có sự cố mất an toàn về người và tài sản do cháy nổ **[H9.09.05.08]**.

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được Ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ phân công trực 24/24h bảo đảm an toàn về người và tài sản cho CB, GV, người học. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng chức năng nhiệm vụ của Bảo vệ được quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động nhà trường. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các đơn vị công an xã, huyện và thành phố, hàng năm xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường **[H9.09.05.09]**.

Theo kết quả khảo sát của Trường, HV hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn của cơ sở đào tạo **[H9.09.05.10]**.

2. Điểm mạnh:

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn luôn được nhà trường quan tâm chú trọng xác định và triển khai có hiệu quả trong toàn trường.

Có Trạm y tế độc lập, trực thuộc Trường phục vụ tốt nhu cầu y tế ban đầu của cán bộ và HV.

Trường có bộ phận chuyên trách làm công tác bảo vệ, có chuyên môn và tinh thần trách nhiệm; Trường có các kế hoạch, phương án cụ thể và phối hợp chặt chẽ với các lực lượng PCCC, an ninh của địa phương. Trật tự, an ninh trong Trường được đảm bảo

3. Điểm tồn tại:

Do đặc thù là trường chuyên ngành TDDT nên không có yếu tố người khuyết tật. Việc hỗ trợ nhu cầu người khuyết tật chủ yếu tập trung hỗ trợ HV bị chấn thương trong quá trình học tập, thi đấu mới chỉ dừng lại ở sự bố trí các phòng học tầng 1.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tham mưu xây dựng đường dốc các lối đi lên mỗi tòa nhà dạy học giúp cho HV chấn thương dễ dàng di chuyển vào phòng học mà không cần phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người xung quanh.	Phòng QTTB,	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ thực hiện việc đảm bảo an toàn, sức khỏe cho GV, HV	Trường	2024-2025	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Nhà trường có hệ thống giảng đường, sân tập, nhà tập, phòng thí nghiệm, thực hành và cơ sở vật chất khác đáp ứng tốt nhu cầu hoạt động giảng dạy và NCKH. Các

phòng, Khoa có hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ quản lý, điều hành góp phần tăng cường hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường có hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin như: phòng máy chủ, các máy tính, phòng trực tuyến, phòng bảo vệ luận văn, luận án...để phục vụ cho công tác đào tạo đại học và sau đại học.

Thư viện khang trang, có phòng đọc, khu lưu trữ sách báo riêng biệt. Quản lý hệ thống tài liệu một cách khoa học và tạo điều kiện tốt nhất cho người sử dụng; có đủ tài liệu, học liệu phục vụ việc nghiên cứu của học viên.

Công tác hỗ trợ người học như: ban cố vấn, tổ chức các hội nghị khoa học, thảo luận chuyên đề được triển khai; các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh, cảnh quan môi trường được thực hiện tốt.

Hệ thống sân tập, nhà tập một số hạng mục xuống cấp chưa đủ kinh phí đầu tư sửa chữa kịp thời đôi khi còn làm ảnh hưởng đến phục vụ giảng dạy và học tập; một số trang thiết bị chuyên sâu phục vụ nghiên cứu khoa học và giảng dạy cho học viên sau đại học còn chưa cập nhật theo các chương trình đào tạo tiên tiến.

Thư viện của Nhà trường cần có liên kết nhiều hơn với thư viện của các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước để gia tăng nguồn học liệu cho học viên.

Kết quả cải tiến từ thông tin phản hồi về kết quả khảo sát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và một số nhu cầu về sửa chữa mặc dù được thực hiện đầy đủ tuy nhiên chưa đạt tính kịp thời.

Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí đều đạt.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu:

Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội xác định nhiệm vụ quan trọng là nâng cao chất lượng đào tạo với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực GDTC và TDTT có trình độ cao đáp ứng nhu cầu của xã hội và hội nhập khu vực và quốc tế. Nâng cao chất lượng của Nhà trường gắn liền với việc cải tiến các yếu tố: Kiến thức, kỹ năng

và năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học; Môi trường và các cơ hội học tập; Chất lượng của chương trình đào tạo

Nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật CDR và CTĐT để cải tiến phát triển CTĐT. Quá trình rà soát nhà trường thực hiện chặt chẽ và có hệ thống việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu người học, nhà sử dụng lao động) để thiết kế và phát triển CTDH; Phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả của người học được rà soát, đánh giá thường xuyên đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR; CSVC, trang thiết bị và dịch vụ hỗ trợ thường xuyên được đánh giá và cải tiến chất lượng.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT thạc sĩ GDH được thiết kế và xây dựng phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ, đáp ứng nhu cầu của xã hội và khả năng làm việc của người học sau khi tốt nghiệp, đồng thời đảm bảo sự liên thông giữa các bậc học. CTĐT định kỳ được rà soát, cập nhật, điều chỉnh 2 năm/lần. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT đều được thực hiện theo đúng quy trình theo quy định. Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT; Nhà trường đã tiến hành tổ chức khảo sát nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực về GDTC và TDDT, khảo sát điều tra về CDR và CTĐT, lấy ý kiến phản hồi của cựu học viên và nhà tuyển dụng lao động về chất lượng CTĐT; lấy ý kiến góp ý của chuyên gia, nhà khoa học về điều chỉnh CTĐT; tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV, về hoạt động phục vụ giảng dạy; lấy ý kiến phản hồi của người học trước tốt nghiệp về hoạt động đào tạo và chương trình đào tạo, phương pháp tổ chức đào tạo **[H10.10.01.01]**, **[H10.10.01.02]**. Đồng thời trong các lần cập nhật vào năm 2020 và năm 2022, Nhà trường đều đã tổ chức hội thảo mời các chuyên gia có uy tín, các đơn vị sử dụng lao động, nhà tuyển dụng, giảng viên và cán bộ quản lý, cựu người học, người học tham gia đóng góp ý kiến. Sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan được nhà trường tổng hợp và sử dụng làm căn cứ để thiết kế, điều chỉnh CDR, và phát triển CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội

Năm 2020, nhà trường thực hiện việc rà soát, cập nhật điều chỉnh CĐR, chương trình đào tạo theo định kỳ. Tổng hợp kết quả khảo sát cho thấy, đa số các ý kiến đánh giá về yêu cầu CĐR, các học phần trong CTĐH là cần thiết phù hợp và đáp ứng được nhu cầu xã hội. Kết quả điều tra khảo sát về khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người học sau khi tốt nghiệp từ các nhà tuyển dụng, sử dụng lao động, đa số đều cho rằng người học có kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp ở trình độ cao, có năng lực làm việc độc lập, giải quyết các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực GDTC, TĐTT. Tuy nhiên một số kỹ năng kỹ năng tiếp thị, truyền thông trong lĩnh vực GDTC, TĐTT cần được nâng cao hơn nữa. Bên cạnh đó, một số môn học đề nghị tăng số tín chỉ. Tất cả các ý kiến của các bên tham gia đều được tổng hợp và làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo năm 2020 **[H10.10.01.03]. [H10.10.01.04]**. Chương trình đào tạo năm 2020 được bổ sung 02 môn học đó là Hồi phục thể thao và Truyền thông thể thao; tăng 02 tín chỉ khối kiến thức ngành; 02 tín chỉ kiến thức chuyên ngành; tăng 03 tín chỉ cho luận văn thạc sĩ nhằm tăng cường các kỹ năng làm việc, kiến thức chuyên môn và nghiên cứu khoa học của người học; Nội dung đề cương chi tiết học phần thay đổi nội dung để phù hợp với sự thay đổi từ CTĐT, cụ thể các nội dung điều chỉnh: Đưa các môn học (Hồi phục thể thao và Truyền thông thể thao), nội dung học gắn liền với nhu cầu xã hội và hoạt động nghề nghiệp của học viên; Cập nhật kịp thời những nội dung mới theo xu thế của thế giới; Tăng thời gian tự học tự nghiên cứu của học viên trong các học phần **[H10.10.01.05]. [H10.10.01.06]. [H10.10.01.07]**.

Năm 2022 Nhà trường tiến hành rà soát, cập nhật điều chỉnh CĐR, CTĐT. Nhà trường đặc biệt chú ý các ý kiến của bên liên quan về CĐR, chất lượng CTĐT, chất lượng người học tốt nghiệp của các đơn vị sử dụng lao động **[H10.10.01.08]**. Kết quả khảo sát, cụ thể:

- Đa số đều cho rằng CĐR của CTĐT phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động; các kiến thức, kỹ năng và năng lực nghiệp vụ rất quan trọng bao gồm: kiến thức ngành, chuyên ngành; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và xử lý dữ liệu và thông tin trong lĩnh vực GDTC, TĐTT; Kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tư duy để giải

quyết các vấn đề trong thực tiễn; Năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc; Năng lực sử dụng ngoại ngữ... được đánh giá là những kỹ năng quan trọng.

- Hầu hết người học sau khi tốt nghiệp đều có cơ hội thăng tiến. Khi tham gia làm việc trong các cơ quan đơn vị, người học đều thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực GDTC và TĐTT; Kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm để giải quyết công việc hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn Năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp và đề xuất những sáng kiến có giá trị trong thực tiễn

- Đa số nhà sử dụng lao động đánh giá cao sự phù hợp của các học viên tốt nghiệp ngành Giáo dục học đối với công việc được giao. Tuy nhiên các nhà tuyển dụng cũng đóng góp một số kỹ năng học viên cần bổ trợ để đáp ứng nhu cầu của Nhà sử dụng lao động và đáp ứng nhu cầu xã hội:

- Cần bổ sung thêm một số kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

- Cần tăng cường kỹ năng sử dụng thành thạo Tiếng Anh trong công việc.

[H10.10.01.09]. [H10.10.01.10].

Những thông tin khảo sát, các ý kiến góp ý của nhà tuyển dụng, nhà sử dụng lao động đã được Nhà trường tiếp thu và cập nhật khi điều chỉnh CTĐT năm 2022 và áp dụng để nâng cao chất lượng dạy - học ngành Giáo dục học. CTĐT năm 2022 đã chú trọng đến các kiến thức chuyên ngành tự chọn, khả năng làm việc độc lập, năng lực ngoại ngữ, năng lực tư duy logic và hệ thống. Nội dung CĐR của CTĐT được cập nhật điều chỉnh là: Năng lực ngoại ngữ đầu vào đạt từ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên; Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ phải đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam. Các kỹ năng của người học cũng đã được tăng cường ở các học phần trong CTĐT, đề cương chi tiết học phần được bổ sung cập nhật, điều chỉnh về cấu trúc, CĐR của học phần, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá; các môn học vận dụng tổng hợp kiến thức như: Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất, Sinh lý TĐTT, Y học TĐTT, Luận văn tốt nghiệp được sử dụng để đánh giá tổng quát

các kỹ năng, kiến thức và năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học trước khi ra trường [H10.10.01.11]. [H10.10.01.12], [H10.10.01.13].

Hoạt động tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan có hiệu quả đã giúp Nhà trường có căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo ngành giáo dục học trình độ thạc sĩ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đào tạo ra ngành GDH ra trường có khả năng thăng tiến trong nghề nghiệp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi bằng phiếu khảo sát và tổ chức Hội nghị, hội thảo nhằm thu được nhiều nhất các thông tin phản hồi phục vụ quá trình thiết kế và phát triển chương trình đào tạo. Nhà trường đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp cũng như phản hồi tích cực của các bên liên quan, đặc biệt là những ý kiến trao đổi của các chuyên gia, các nhà sử dụng lao động về mức độ phù hợp của CTĐT với yêu cầu thực tế, từ đó làm căn cứ để điều chỉnh CTĐT, kế hoạch đào tạo và nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, giảng dạy đối với người học trong ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi chưa được thường xuyên; hình thức lấy ý kiến chưa đa dạng, số lượng đơn vị sử dụng lao động được khảo sát còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Hàng năm tổ chức triển khai lấy ý kiến rộng rãi đối với nhà tuyển dụng, cựu học viên, các chuyên gia...	KĐTSĐH, P.ĐBCL - TT&PC	Hàng năm	
		Đa dạng các hình thức khảo sát: Tổ chức hội nghị, phiếu điều tra, đối thoại, zalo, email, điện thoại... làm cơ sở cho thiết kế và phát triển chương trình đào tạo		Năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường mối quan hệ giữa Nhà trường với các cơ quan có nhu cầu tuyển dụng lao động liên quan đến chuyên ngành, tiếp nhận các ý kiến góp ý của các bên liên quan để làm cơ sở thiết kế và phát triển chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của xã hội.	Khoa ĐT sau ĐH,	Từ năm học 2024- 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Các chương trình dạy học của Nhà trường được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan. Trước năm 2018, Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 [H10.10.02.01], quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ thực hiện theo điều 6, điều 7 và điều 8 của quy định này. Trên cơ sở đó năm 2018, Trường đã xây dựng và ban hành Quy định về xây dựng, rà soát CDR của chương trình đào tạo, trong đó thể hiện quy trình xây dựng chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo mới và cải tiến chuẩn đầu ra hiện hành. Quy định rõ các bước thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng đơn vị liên

quan **[H10.10.02.02]**.

Năm 2020, 2022, Trường thực hiện sửa đổi, bổ sung Quy định về xây dựng, rà soát CDR của chương trình đào tạo, trong đó vẫn giữ nguyên các bước thực hiện quy định, tuy nhiên có điều chỉnh, bổ sung, cập nhật một số nội dung **[H10.10.02.03]**, **[H10.10.02.04]**.

Nhà trường đã ban hành kế triển khai rà soát chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội **[H10.10.02.05]**, **[H10.10.02.06]**. Căn cứ vào kết quả sau khi rà soát và góp ý của các bên liên quan Nhà trường đã cập nhật, điều chỉnh và ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành GDH năm 2020, 2022 **[H10.10.02.07]**, **[H10.10.02.08]**.

Các khoa bám vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo triển khai xiệc xây dựng đề cương chi tiết các học phần mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật thực hiện một cách bài bản theo đúng quy định của Nhà trường; Khoa Đào tạo Sau đại học xây dựng hướng dẫn để các khoa chuyên môn chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho giảng viên xây dựng đề cương chi tiết theo hướng dẫn trình Hiệu trưởng phê duyệt **[H10.10.02.09]**, **[H10.10.02.10]**.

2. Điểm mạnh

Trường có quy định về xây dựng, rà soát CDR của chương trình đào tạo, có sự tham gia của các bên liên quan để phù hợp với các quy định, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Các quy định chưa có nhiều thay đổi do phụ thuộc vào Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn	Trường chủ động trong việc xây dựng chiến lược phát triển	Các đơn vị	Hàng năm	

	tại	CTĐT. Việc cải tiến và phát triển CTĐT sẽ được căn cứ theo chiến lược của Trường và ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	trong toàn trường		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát điều chỉnh quy định về xây dựng, rà soát CDR của chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần và định kỳ được rà soát cập nhật, có sự tham gia của các bên liên quan để phù hợp với các quy định, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.	Khoa ĐT SDH, phòng ĐBCL-TT&PC	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm đảm bảo quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội xây dựng hệ thống rà soát, giám sát: Giám sát nội dung giảng dạy, giám sát giờ giấc, tiến độ giảng dạy, giám sát đánh giá chất lượng giảng dạy; giám sát đánh giá kết quả học tập của Học viên, trên cơ sở đó, có biện pháp khắc phục, cải tiến kịp thời.

Trường đã ban hành văn bản quy định cụ thể gồm: Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ngành giáo dục học nhằm tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, trong đó quy định một số về nội dung cụ thể: Chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy;

đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với học viên **[H10.10.03.01]**

Để quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên, theo chu kỳ, năm 2020 và 2022 Nhà trường xây dựng và ban hành và triển khai kế hoạch rà soát, cập nhật, điều chỉnh và đổi mới CTĐT nhằm hoàn thiện và chuẩn hóa các CTĐT. Định kỳ 02 năm/lần, khoa sau ĐH phối hợp với các Khoa chuyên môn để thực hiện việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh để đổi mới CTĐT. Chương trình đào tạo ngành giáo dục học được rà soát, cập nhật song với việc rà soát cập nhật CTĐT ngành giáo dục học, đảm bảo tính liên thông hệ thống kiến thức của 2 chuyên ngành đào tạo và sự tương thích với CĐR. Việc cập nhật, điều chỉnh phải được thực hiện đúng trình tự, với các nội dung rà soát, điều chỉnh cụ thể về nội dung chương trình từng học phần, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra - đánh giá người học **[H10.10.03.02], [H10.10.03.03], [H10.10.03.04]**

Hoạt động dạy và học được giám sát chặt chẽ thông qua chương trình đào tạo toàn khóa học **[H10.10.03.05]** và kế hoạch giảng dạy mỗi học kỳ do nhà trường ban hành. Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy, Khoa Đào tạo Sau đại học sắp xếp thời khóa biểu hợp lý và phù hợp với điều kiện của nhà trường theo dõi kiểm soát việc thực hiện kế hoạch giảng dạy dựa trên biểu ký xác nhận giờ dạy sau mỗi giờ dạy, mỗi học phần của giảng viên **H10.10.03.06], [H10.10.03.07]**.

Việc giảng dạy của giảng viên, cũng như chất lượng giảng dạy được phản ánh thông qua Biên bản họp tổng sơ kết, tổng kết của khoa Đào tạo Sau đại học tại Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội hằng năm **[H10.10.03.08]**.

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học viên được quy định rõ ràng thông qua hệ thống văn bản về khảo thí và phổ biến cho tất cả các Học viên từ khi bắt đầu học tập tại trường giúp Học viên nắm bắt nội dung, thực hiện và giám sát việc tổ chức dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập **[H10.10.03.09]**. Các yêu cầu về kiến thức trong các đề thi kiểm tra, đánh giá và trong đề thi kết thúc học phần phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của nhà trường như phải bám sát đề cương học phần, kiến thức cốt lõi và nâng cao nhằm đáp ứng được CĐR của từng học phần, đảm bảo việc học tập các môn tiếp theo và tích hợp kiến thức của người học đối với chuyên ngành

GDH [H10.10.03.10]. Kết quả đánh giá từng học phần của học viên được thể hiện qua bảng điểm học phần và bảng điểm tổng hợp kết quả học tập trong học kỳ, năm học.

Cuối mỗi học kỳ, Phòng Đảm bảo chất lượng-Thanh tra và Pháp chế đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi của học viên liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, việc học tập trên lớp và hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đối với tất cả các GV giảng dạy các học phần trong học kỳ đó. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và ngày càng được học viên đánh giá cao [H10.10.03.11] từ đó có dữ liệu đánh giá một cách toàn diện xuyên suốt quá trình giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá đối với học viên. Các báo cáo khảo sát đều được chuyển cho các lãnh đạo nhà trường số liệu đánh giá và các kiến nghị của học viên để cải tiến, điều chỉnh.

Kết quả giảng dạy, học tập của học viên được tổng hợp trong báo cáo tổng kết công tác đào tạo [H10.10.03.12]. Việc thống kê xếp loại này là cơ sở để Nhà trường nắm bắt được số lượng học viên theo học, chất lượng đào tạo qua từng năm từ đó có những giải pháp điều chỉnh phù hợp CTĐT, điều chỉnh quá trình tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá đáp ứng tương thích với CDR, đáp ứng thực tiễn

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được giám sát và theo dõi định kỳ (thông qua quá trình lấy phiếu đánh giá từng học phần trong mỗi kỳ) và theo dõi đánh giá toàn diện (thông qua KS học viên năm cuối).

Quy trình KTĐG được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực hiện chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và học viên.

3. Điểm tồn tại

Ở một số học phần nội dung của các bài tập nhóm, bài tập cá nhân hoặc câu hỏi thảo luận cần được thực tiễn hóa nhằm giúp Học viên có tư duy pháp lý phù hợp

với sự vận động của thực tiễn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Điều chỉnh thực tiễn hóa nội dung của các bài tập nhóm, bài tập cá nhân hoặc câu hỏi thảo luận ở 1 số học phần trong CTĐT giúp Học viên có tư duy pháp lý phù hợp với sự vận động của thực tiễn	Khoa sau ĐH Các khoa; Các khoa, Trung tâm	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì, phát huy triển khai quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học được giám sát và theo dõi định kỳ và theo dõi đánh giá toàn diện Tiếp tục quy trì, phát huy việc thiết kế và tổ chức thực hiện KTĐG một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Đa dạng hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường.	Khoa sau ĐH; Các khoa, Trung tâm	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí: 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn 2019-2024, nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và

người học của Nhà trường được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức như tham gia nghiên cứu các đề tài KH&CN các cấp (triển khai thực hiện 09 đề tài KH&N cấp Bộ, 33 đề tài cấp cơ sở) **[H10.10.04.01]**, viết bài tham gia các Hội nghị/Hội thảo khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước (100 bài), viết bài đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước (347 bài), làm đề tài luận văn thạc sĩ (thông qua đề cương 251 đề tài luận văn thạc sĩ) **[H10.10.04.02]**. Các đề tài của giảng viên Nhà trường có nội dung liên quan đến các môn học trong CTĐT. Chính vì thế được áp dụng và cải tiến cho việc dạy và học cho HV. Số lượng đề tài cấp Bộ, cấp cơ sở, luận văn, tạp chí khoa học được thống kê như sau:

Bảng 10.1. Thống kê số lượng, loại hình hình nghiên cứu khoa học của CB, GV và người học giai đoạn 2019-2024

Năm/ Năm học	Số lượng Đề tài cấp Bộ triển khai thực hiện	Số lượng Đề tài cơ sở triển khai thực hiện	Luận văn tốt nghiệp	Bài đăng Hội nghị/ Hội thảo khoa học	Bài đăng tạp chí khoa học
2019-2020	01	16	52	10	61
2020-2021	01	07	50	7	77
2021-2022	03	03	68	49	66
2022-2023	02	03	42	19	73
2023-2024	02	04	39	15	70
Tổng	09	33	251	100	347

Nhìn vào bảng thống kê cho thấy Hoạt động NCKH luôn được Nhà trường quan tâm, chú trọng và khuyến khích các đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện bằng các chế độ, chính sách khuyến khích như tính giờ NCKH, giờ giảng dạy cho cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu, hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài, chi kinh phí cho giảng viên hướng dẫn học viên nghiên cứu, hỗ trợ kinh phí cho các nhóm nghiên cứu có các công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế... **[H10.10.04.03]**.

Là một cơ sở giáo dục đại học, nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và người học Nhà trường có nhiều nội dung nghiên cứu liên quan đến việc dạy và học **[H10.10.04.04]**, trong đó có một số kết quả nghiên cứu khoa học được được chuyên

tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy **[H10.10.04.05]**, được sử dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học **[H10.10.04.06]**.

Ngoài việc tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học viên NCKH, viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội nghị/hội thảo khoa học chuyên ngành, việc biên soạn các giáo trình, tập bài giảng các môn học, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo cũng được coi là một hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường và được tính giờ nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên. Hoạt động này giúp tăng nguồn giáo trình, học liệu cho cán bộ, giảng viên và học viên của Nhà trường, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường **[H10.10.04.07]**. Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo được thống kê như sau:

Bảng 10.2. Thống kê số lượng GT/TBG/TLTK/SCK của CB, GV

Năm học	Giáo trình	Tập bài giảng	Tài liệu tham khảo	Sách chuyên khảo	Ghi chú
2019-2020	10	0	02	01	
2020-2021	02	02	01	0	
2021-2022	02	05	0	0	01GT Tái bản
2022-2023	02	05	01	0	
2023-2024	06	04	0	0	
Tổng	22	16	04	01	

2. Điểm mạnh

Là một cơ sở giáo dục đại học, được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị trong Nhà trường các kết quả NCKH của Nhà trường có nhiều nội dung liên quan đến việc dạy và học, có thể áp dụng vào thực tiễn giảng dạy và học tập tại trường nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Nguồn kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường còn hạn chế do nguồn lực Nhà trường hạn hẹp, chưa thành lập được nhóm nghiên cứu mạnh hay đầu tư trọng điểm vào các đề tài lớn, do vậy, chưa khuyến khích được đội ngũ cán bộ, giảng viên và người học tham gia nghiên cứu, cũng như chất lượng các đề tài

ngiên cứu chưa thực sự cao.

Kết quả nghiên cứu khoa học của Nhà trường tuy áp dụng vào thực tiễn giảng dạy và học tập giúp cải tiến việc dạy và học nhưng lại không tạo ra sản phẩm thương mại hóa, không tạo ra doanh thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch hành động

Để nâng cao chất lượng dạy và học, trong thời gian tới, Nhà trường đã đề ra một số mục tiêu thực hiện như sau

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng nguồn kinh phí đầu tư cho nghiên cứu khoa học	Phòng QLĐT&HTQT phòng KHTC	Năm học 2024-2025	
		Tăng cường chất lượng nghiên cứu khoa học, phần đầu tạo ra sản phẩm có thể thương mại hóa, tăng nguồn thu cho nghiên cứu khoa học	Phòng QLĐT&HTQT Các nhóm nghiên cứu	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường sự chỉ đạo, giám sát của lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị đối với hoạt động NCKH của CB, GV và người học	BGH, HĐT, các đơn vị trong trường	Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí: 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường ban hành Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV và chất lượng CTĐT. Việc lấy ý kiến phản hồi của học viên về

chất lượng CTĐT tập trung vào các nội dung như: Mục tiêu, nội dung CTĐT; hoạt động giảng dạy trong khóa học; tổ chức đào tạo và đánh giá học viên; tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập và đánh giá chung về khóa học. Trên cơ sở đó, hằng năm, Nhà trường xây dựng Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV và đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và trang thiết bị tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác thông qua hệ thống phản hồi. Việc khảo sát được thực hiện trực tiếp thông qua phiếu khảo sát và có hướng dẫn cụ thể các bước để thực hiện, xử lý số liệu, viết báo cáo và lưu trữ tài liệu. Các Khoa trực thuộc trường triển khai đầy đủ nội dung Kế hoạch khảo sát tới toàn thể học viên để thực hiện. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ học viên hài lòng về hoạt động tư vấn hỗ trợ; tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập rất cao với các nội dung khảo sát đều trên 80% hài lòng và rất hài lòng **[H10.10.05.01]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức các hội nghị giữa học viên và lãnh đạo Trường và các đơn vị chức năng và khoa Đào tạo Sau đại học để học viên đánh giá, phản ánh mức độ đáp ứng các dịch vụ của Trường (dịch vụ giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, các chính sách...). Trên cơ sở ý kiến của học viên tại hội nghị, Hiệu trưởng Trường và lãnh đạo các phòng/ban/khoa đã giải đáp những thắc mắc của học viên và đưa ra các giải pháp để đáp ứng yêu cầu của học viên **[H10.10.05.02]**.

Căn cứ thực hiện đề án trên dựa vào báo cáo kết quả ý kiến phản hồi của người học **[H10.10.05.03]**. Bên cạnh đó, nhà trường thu thập thông tin phản hồi của học viên từ việc tổ chức xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng và học viên **[H10.10.05.04]**. Trường cũng đã thực hiện đánh giá tổng thể mức độ đáp ứng của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin đối với hoạt động đào tạo và NCKH. Đề án xây dựng nhà đa năng; Đề án Nâng cấp, sửa chữa và đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin của Trường. Dựa trên những kết quả này, một số cải tiến đã được thực hiện như đầu tư thiết bị mới, cải thiện nâng cấp máy chủ, tốc độ truy cập internet **[H10.10.05.05] [H10.10.05.06]**.

2. Điểm mạnh:

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội

ngợi và thông qua phiếu khảo sát, Trường đã tiến hành cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ này.

3. Điểm tồn tại

Một số nhu cầu của người học mặc dù được đáp ứng đầy đủ nhưng đôi khi chưa kịp thời do cần phải chờ kết quả thẩm định từ phòng ban liên quan.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng Quy định về quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ.	Phòng QTTB	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Đánh giá định kỳ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan, tiến hành cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ.	Khoa SDH, QTTB, KT&ĐBCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội có văn bản quy về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong nhà trường. Phòng ĐBCL-TT&PC được giao là đầu mối triển khai các hoạt động lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan [H10.10.06.01]. Để triển khai hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, phòng ĐBCL-TT và pháp chế tham mưu cho nhà trường ban hành quy định về công tác đảm bảo chất lượng trong đó quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học, cán bộ giảng viên và

khảo sát ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động. Quy định nêu rõ trách nhiệm của các phòng, khoa, bộ môn, Trung tâm liên quan đến hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học và của nhà tuyển dụng **[H10.10.06.02]**

Năm 2021, Nhà trường ban hành Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, trong đó đối tượng lấy ý kiến gồm: chuyên gia, viên chức quản lý, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp; Có 16 danh mục hoạt động khảo sát được thực hiện hàng năm hoặc theo định kỳ; Bảng câu hỏi khảo sát được quy định phù hợp với bộ tiêu chuẩn của kiểm định, báo cáo khảo sát được phân tích và xử lý theo từng loại hình đào tạo, chỉ số sử dụng câu hỏi theo thang đo Likert 5 mức, quy ước phân loại kết quả; Quy trình tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan có 7 bước và quy định rõ trách nhiệm của các bên liên quan đến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi. Tại quy định cũng nêu rõ trách nhiệm của từng đơn vị trong nhà trường, các bên liên quan thực hiện hoạt động khảo sát **[H10.10.06.03]**.

Vào đầu năm học, Phòng ĐBCL và thanh tra xây dựng kế hoạch khảo sát trong đó có mục đích, yêu cầu, nội dung thực hiện 13 hoạt động khảo sát thường xuyên. Từng hoạt động khảo sát được giao cho đơn vị chủ trì, cá nhân phụ trách chính và các đơn vị phối hợp, thời gian thực hiện được thể hiện tại bảng phụ lục 1 của kế hoạch. Quy trình khảo sát được thực hiện theo 7 bước và trách nhiệm của các đơn vị trong việc triển khai hoạt động khảo sát **[H10.10.06.04]**.

Căn cứ vào kế hoạch khảo sát các bên liên quan của phòng ĐBCL-TT & PC các đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch cụ thể cho nội dung lấy ý kiến của đơn vị mình, thiết kế câu hỏi và các thang đo Likert 5 mức theo đúng quy định **[H10.10.06.05]**, **[H10.10.06.06]**. Triển khai phát phiếu trực tiếp hoặc online, xử lý số liệu và xây dựng báo cáo **[H10.10.06.07]**, **[H10.10.06.08]**. Công khai kết quả khảo sát trên trang điện tử của nhà trường. Lãnh đạo các đơn vị tổ chức họp góp ý và đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo phát huy điểm mạnh và khắc phục tồn tại.

Việc điều chỉnh chương trình đào tạo GDH theo định kỳ 2 năm một lần Khoa Đào tạo SĐH đã tổ chức hội nghị khảo sát lấy ý kiến của các giảng viên giảng dạy, các chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu học viên và đại diện học viên các khóa đang học

tập tại trường để rà soát và điều chỉnh CTĐT. Việc tiếp nhận, lắng nghe tất cả các ý kiến đóng góp từ các bên liên quan một cách cầu thị, nghiêm túc thông qua các biên bản hội nghị để điều chỉnh chương trình đào tạo [H10.10.06.09].

Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung và chỉnh sửa các quy định về công tác đảm bảo chất lượng. Bổ sung quy định lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan vào năm 2021 trong đó công tác điều tra khảo sát được cụ thể hơn về các bước thực hiện, đối tượng lấy ý kiến cũng đa dạng hơn, các hoạt động phục vụ đào tạo, rà soát điều chỉnh chương trình được thường xuyên hơn. Đặc biệt quy định cụ thể về trách nhiệm của từng đơn vị trong nhà trường. Vì thế công tác lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan ngày được cải tiến để nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định, quy trình về hoạt động khảo sát của các bên liên quan để điều chỉnh, cải tiến CDR, CTĐT, chất lượng dạy học và các dịch vụ hỗ trợ. Các kết quả khảo sát được xử lý, đánh giá và làm cơ sở để cải tiến liên tục, thường xuyên tất cả các hoạt động của Trường nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT và các hoạt động dạy học.

3. Điểm tồn tại

Một số học viên khi tham gia lấy ý kiến khảo sát về hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động của Trường đôi khi còn chưa được nhiệt tình, chưa thấy được trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia lấy ý kiến phản hồi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường tuyên truyền cho người học về trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động của Trường	Khoa ĐTSĐH Phòng ĐBCL-TT&PC	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Trường. Định kỳ đánh giá, cải tiến về hoạt động khảo sát	Khoa ĐTSĐH Phòng ĐBCL-TT&PC	Năm học 2024-2025	

		các bên liên quan	Các đơn vị		
--	--	-------------------	------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			x			

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Chất lượng đào tạo luôn là mối quan tâm hàng đầu của nhà trường. Chất lượng đào tạo có tốt thì trường mới có thể tồn tại và phát triển. Vấn đề nâng cao chất lượng ngành đào tạo Thạc sĩ ngành GDH được Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội hết sức quan tâm để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ người học, nhà tuyển dụng, giảng viên được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến chương trình đào tạo. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Các nghiên cứu Khoa học thông qua đề tài nghiên cứu Khoa học, nghiên cứu Khoa học cho học viên cao học từng được quan tâm và được sử dụng trong cải tiến việc dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ thông tin...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho học viên cao học. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến. Tất cả các hoạt động này được thực hiện thường xuyên, liên tục và đồng bộ đã nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí đều đạt

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu:

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của nhà trường. Hàng năm, Trường đã thực hiện giám sát việc đạt CDR, thống

kê tỷ lệ HV tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình học, tỷ lệ HV thôi học, tỷ lệ HV tốt nghiệp thăng tiến, chuyển đổi vị trí làm việc... Bên cạnh đó, Trường cũng đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của GV, người học, cựu người học, thị trường lao động và lấy đó làm chuẩn cho việc cải tiến CTĐT, CTDH và phát triển hệ thống ĐBCL.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Để đảm bảo việc thực hiện chức năng quản lý công tác đào tạo đối với ngành Giáo dục học, Nhà trường giao cho Khoa Đào tạo Sau đại học là đơn vị có nhiệm vụ quản lý, giám sát quá trình dạy học, theo dõi số học viên thôi học và kết quả tốt nghiệp của học viên hàng năm **[H11.11.01.01]**. Công tác tổ chức đào tạo, quản lý được Nhà trường ban hành cụ thể trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sỹ của nhà trường **[H11.11.01.02]**. Nhằm đảm bảo công tác quản lý, vào đầu mỗi năm học Khoa Đào tạo Sau đại học tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo thể hiện các yếu tố: dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh; số lượng học viên học lại, thi lại, số lượng học viên thôi học; số lượng, tỷ lệ học viên tốt nghiệp trong năm **[H11.11.01.03]**; đồng thời phân công phụ trách việc theo dõi học tập của học viên trên lớp để giám sát quá trình học tập của học viên; toàn bộ việc học tập của học viên được phản ánh trong sổ theo dõi học tập hàng kỳ **[H11.11.01.04]**; đây là kênh thông tin giúp cho lãnh đạo nhà trường xem xét đề ra quyết định thôi học nếu học viên vi phạm những quy định theo quy chế **[H11.11.01.05]**. Đồng thời nhằm xác lập và giám sát cũng như quản lý kết quả học tập của học viên, đánh giá tuận văn tốt nghiệp của học viên Khoa Đào tạo Sau đại học đều đề xuất thành phần trong Hội đồng hội đồng bảo vệ tuận văn tốt nghiệp; Thành lập hội đồng xét công nhận tốt nghiệp có thành viên quản lý của Khoa phụ trách **[H11.11.01.06] [H11.11.01.07]**. Vì vậy đã tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng **[H11.11.01.08]**. Số liệu thống kê tỷ lệ tốt nghiệp của HV giai đoạn 2019-2024 như sau:

**Bảng 11.1. Thống kê tỷ lệ HV tốt nghiệp ngành GDH trong
giai đoạn 2019 – 2023**

Năm	Khóa	Số HV năm cuối	Số HV tốt nghiệp	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)
2019	K5	46	44	95,7 %
2020	K6	56	52	92,9%
2021	K7	50	47	94%
2022	K8	68	62	91,2%
2023	K9	40	40	100%

Qua bảng thống kê cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp của các năm đạt ở mức cao từ 91% trở lên, năm 2023 số học viên đạt tốt nghiệp 100%. Một số học viên chưa tốt nghiệp đúng hạn do thiếu điều kiện chuẩn đầu ra ngoại ngữ hoặc còn nợ một số học phần chưa tham gia học tập. Tuy nhiên, số học viên đó đã trả nợ và hoàn thiện các học phần để tốt nghiệp cùng các khóa sau.

Số học viên thôi học cũng được Khoa Đào tạo Sau đại học theo dõi, giám sát chặt chẽ những học viên xin thôi học đã được khoa gặp gỡ động viên nhưng do điều kiện công việc không thể tiếp tục theo học được. Số liệu thống kê tỷ lệ thôi học của HV giai đoạn 2019-2023 như sau:

Bảng 11.1.2: Thống kê tỷ lệ thôi học của HV ngành GDH trong giai đoạn 2019-2023

Năm học	Khóa	Số lượng HV nhập học	Số HV bỏ học		Tỷ lệ bỏ học (%)
			Năm thứ nhất	Năm thứ hai	
2019-2020	K5	46		1	1,9 %
	K6	58	1		
2020-2021	K6	58		03	2,7%
	K7	53			
2021-2022	K7	53		05	5,3 %
	K8	69	1		
2022-2023	K8	69			0 %
	K9	43			
2023-2024	K9	43		3	3,6%
	K10	40			

Qua bảng thống kê cho thấy tỷ lệ thôi học của học viên qua các năm thấp được tập trung vào năm thứ 2. Năm học 2022-2023 không có học viên nào thôi học.

Để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, giảm tỷ lệ thôi học nhà trường có kế hoạch cải tiến, hỗ trợ người học bằng các biện pháp cụ thể như: tổ chức họp lớp tìm hiểu nguyên nhân khi học viên có hiện tượng bỏ học, tổ chức các lớp học lại/học cải thiện, đơn đốc hướng dẫn người học đăng ký thi lại, lựa chọn các học phần học lại/học cải thiện; giám sát kết quả học tập của HV thông qua bảng điểm cuối học kỳ để có những biện pháp hỗ trợ tư vấn kịp thời.. từ đó nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp một cách khoa học chặt chẽ. Việc giám sát học viên thôi học, tốt nghiệp được giao cụ thể đến cá nhân trong khoa. Do vậy, tỷ lệ học viên tốt nghiệp, học viên thôi học được thông tin, công khai, cập nhật và đưa ra các biện pháp quản lý, hỗ trợ kịp thời. Do đó trong giai đoạn 2029-2023 tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm đạt ở mức cao.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp với các trường cùng chuyên ngành trong nước chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch, thực hiện việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học với một số trường có cùng chuyên ngành trong nước theo định kỳ để nâng cao chất lượng đào tạo.	Khoa SĐT-KT	Năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình học tập của học viên đảm bảo tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn cao và giảm thiểu tỷ lệ thôi học.	Khoa SĐT-KT	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá	
Chưa đạt	Đạt

❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao [H11.11.02.01], hằng năm đơn vị chức năng tham mưu cho Ban Giám hiệu ban hành kế hoạch đào tạo đã đặt ra chỉ tiêu tốt nghiệp đối với học viên cao học đối với ngành GDH [H11.11.02.02]. Để đảm bảo thực hiện quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ, Nhà trường ban hành khung thời gian học tập của chương trình đào tạo ngành Giáo dục học với thời gian một khóa học là 1.5- 2 năm (18-24 tháng), được tổ chức thành 04 học kỳ tập trung; Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa. Đối với học viên không hoàn thành chương trình đào tạo theo thời gian quy định thì gia hạn thời gian học tập không vượt quá 4 năm [H11.11.02.03].

Các học phần trong chương trình đào tạo được thiết kế và bố trí 1 cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian tốt nghiệp đúng tiến độ cho HV [H11.11.02.04]. Để giám sát số học viên tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp khoa Đào tạo SDH đã lập sổ theo dõi hàng năm [H11.11.02.05]. Kết quả tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của học viên cao học chuyên ngành GDH giai đoạn 2019-2023: có 96 % học viên cao học chuyên ngành GDH tốt nghiệp đúng hạn 2 năm. Tỷ lệ tốt nghiệp quá hạn cao nhất là 3,7% với thời gian là 3 năm của khóa 6. Đối với khóa 9 tốt nghiệp đúng hạn 2 năm là 100%. Như vậy tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của các khóa giai đoạn 2019 đến 2023 là 2,03 năm.

Bảng 11.3. Số lượng học viên tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên cao học chuyên ngành GDH giai đoạn 2019-2023

Khóa học	Số HV năm cuối	Số HV tốt nghiệp đúng hạn (2 năm)		Số HV tốt nghiệp quá hạn (3 năm)		Số HV tốt nghiệp quá hạn (4 năm)		Thời gian TN trung bình	Ghi chú
		Số HV	Tỷ lệ TN (%)	Số HV	Tỷ lệ TN (%)	Số HV	Tỷ lệ TN (%)		
Khóa 6 (2018-2020)	54	52	96,3	2	3,7	0	0	2,03	
Khóa 7 (2019-2021)	48	47	97,9	1	2,1	0	0	2,02	
Khóa 8 (2020-2022)	64	62	96,8	2	3,2	0	0	2,03	
Khóa 9 (2021-2023)	40	40	100			0	0	2	

Để tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời lượng học tập, Khoa Đào tạo Sau đại học đã triển khai việc thống kê, rà soát danh sách NH và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa HV tốt nghiệp đầu tiên để làm cơ sở cho việc xây dựng dữ liệu báo cáo của Khoa và Nhà trường. Qua đó, phối hợp với các phòng ban để hỗ trợ NH khắc phục việc chậm tiến độ để tốt nghiệp đúng hạn. Ngoài ra, vai trò của các cố vấn học tập cũng rất quan trọng trong việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình. Cố vấn học tập sẽ là cầu nối để thông báo cho NH về thời gian tốt nghiệp trung bình cũng như đôn đốc NH chủ động hoàn thành tốt nghiệp đúng tiến độ. Đối với các trường hợp đặc biệt, NH vì các lý do cá nhân không thể theo học kịp đúng tiến độ thì có thể giãn thời gian học tập nhưng không được vượt quá thời gian tốt nghiệp trung bình tối đa theo quy định.

Ngoài ra nhằm đảm bảo CTDH được phân bổ lộ trình học tập hợp lý nhằm phù hợp với phương pháp đào tạo, tăng cường khả năng tự học, tính độc lập, tư duy sáng tạo của người học, Khoa ĐT SDH đã căn cứ vào kế hoạch học tập hàng năm [H11.11.02.06] để sắp xếp thời khóa biểu từng kỳ phù hợp với thực tiễn [H11.11.02.07]. Vì vậy đã xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

2. Điểm mạnh

Cơ sở dữ liệu về thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên cao học ngành GDH được theo dõi đầy đủ, kịp thời. Tỷ lệ tốt nghiệp của học viên đúng hạn trong thời gian 2 năm từ 96% trở lên cho thấy nhà trường đã có kế hoạch đào tạo phù hợp. Việc giám sát người học nghiêm túc, có cơ chế phối hợp theo dõi đôn đốc, động viên học viên hoàn thành đúng thời gian học tập theo chương trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa ban hành quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên cao học chuyên ngành GDH. Chưa thực hiện đối sánh với các trường có cùng chuyên ngành nước ngoài về thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên cao học chuyên ngành GDH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Ban hành văn bản về quy trình giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên. - Xây dựng kế hoạch triển khai đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên cao học chuyên ngành GDH với các trường trong nước để có chiến lược cải tiến chất lượng.	Khoa ĐT SDH	Năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình học tập của học viên đảm bảo tỷ lệ tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn cao.	Khoa ĐT SDH	Năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Đặc thù của CTĐT trình độ thạc sĩ nói chung và chuyên ngành thạc sĩ Giáo dục

học nói riêng là người học hầu hết là đã có việc làm. Do đó, mối quan tâm của người học là nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực công tác, và đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác. Nhà trường đã ban hành Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các đơn vị trực thuộc trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, trong đó Khoa Đào tạo sau Đại học là đơn vị đầu mối có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn thực hiện khảo sát tình hình việc làm của học viên sau khi tốt nghiệp **[H11.11.03.01]**. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ Khoa Đào tạo sau Đại học thường xuyên quan tâm đến việc khảo sát tình hình việc làm của học viên sau khi tốt nghiệp, phân công người theo dõi, liên hệ và khảo sát việc làm cũng như thay đổi công việc, mức độ thăng tiến của học viên sau khi tốt nghiệp **[H11.11.03.02]**. Nhằm đảm bảo thực hiện đúng theo Quy chế đào tạo **[H11.11.03.03]**, Nhà trường đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan; Quy định đã nêu rõ Khoa Đào tạo sau Đại học có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và triển khai công tác khảo sát tình hình việc làm của học viên trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp; Quy trình thực hiện khảo sát gồm thực hiện việc lập kế hoạch, tiến hành khảo sát, xử lý dữ liệu, thống kê và làm báo cáo khảo sát, thực hiện lưu trữ báo cáo, theo dõi danh sách Học viên tốt nghiệp có việc làm/chưa có việc làm và mức độ thăng tiến trong công việc để hỗ trợ khi cần thiết **[H11.11.03.04]**.

Hàng năm cùng với việc tiến hành tổ chức lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan; lấy ý kiến khảo sát từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên các khóa đào tạo trình độ thạc sỹ và công tác phục vụ đào tạo năm học; lấy ý kiến khảo sát học viên trước tốt nghiệp về chương trình đào tạo **[H11.11.03.05]**, **[H11.11.03.06]**, **[H11.11.03.07]**, Khoa Đào tạo sau Đại học tiến hành khảo sát cựu học viên cao học về mức độ thăng tiến trong công việc và chuyển đổi nghề nghiệp **[H11.11.03.08]**.

Hình thức khảo sát được thực hiện trực tuyến thông qua phiếu phỏng vấn. Để cựu học viên nắm được thông tin và tham gia trả lời khảo sát, Khoa Đào tạo sau Đại học đã gửi email và gọi điện trực tiếp hướng dẫn, qua đó, có cơ sở tin cậy để tính toán tỉ lệ người học có việc làm, báo cáo khảo sát tình hình việc làm học viên. Đồng thời Khoa Đào tạo sau Đại học đã thực hiện đối sánh tỉ lệ người học có việc làm và mức độ thăng tiến trong công việc giữa các khóa trong Nhà trường. Báo cáo khảo sát tình

hình việc làm học viên sau khi tốt nghiệp giai đoạn 2021 - 2023 cho thấy, tỉ lệ Học viên có việc làm của ngành Giáo dục học có xu hướng tăng lên qua các khóa và mức độ thăng tiến trong công việc đáp ứng nhu cầu của đơn vị tuyển dụng [H11.11.03.09], [H11.11.03.10], [H11.11.03.11]. Kết quả khảo sát được thống kê như sau

Bảng 11.4. Thống kê tỷ lệ Học viên có việc làm , thăng tiến, thay đổi nghề nghiệp sau 12 tháng tốt nghiệp (%)

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tỷ lệ có việc làm (%)	95%	93%	97%
Tỷ lệ Học viên thăng tiến, thay đổi nghề nghiệp (%)	82%	80%	79%

Qua bảng thống kê cho thấy tỷ lệ học viên đã có việc làm chiếm tỷ lệ cao. Các học viên trong thời gian học vẫn chưa có việc làm sau khi tốt nghiệp đa số đã có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo chiếm tỷ lệ tương đối cao trung bình là 96%. Học viên tốt nghiệp ngành Giáo dục học làm việc chủ yếu ở môi trường tư nhân và nhà nước (trường học dân lập, trường học công lập, các trung tâm TDDT,...), rất nhiều Học viên làm việc trong môi trường doanh nghiệp tư nhân, liên doanh nước ngoài (Trường tư thực, trường dân lập, trường quốc tế, Phòng tập ...). Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với đặc thù ngành đào tạo và khung năng lực cũng như định hướng nghề nghiệp và môi trường làm việc mà Trường hướng đến trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục học.

Tỷ lệ học viên có sự thăng tiến sau tốt nghiệp ngành Giáo dục học ngày càng chiếm tỷ lệ tương đối cao trên 81%. SV tốt nghiệp ngành Giáo dục học làm việc chủ yếu ở môi trường tư nhân và nhà nước (trường học dân lập, trường học công lập, các trung tâm TDDT,...), rất nhiều Học viên làm việc trong môi trường doanh nghiệp tư nhân, liên doanh nước ngoài (Trường tư thực, trường dân lập, trường quốc tế, Phòng tập ...). Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với đặc thù ngành đào tạo và khung năng lực cũng như định hướng nghề nghiệp và môi trường làm việc mà Trường hướng đến trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục học.

Hàng năm, Khoa Đào tạo sau Đại học tiến hành phân tích các nguyên nhân khách quan và chủ quan từ đó đi đến kết luận có thể xuất phát từ nhu cầu xã hội, sự đáp ứng của năng lực người học đã tốt nghiệp so với yêu cầu của đơn vị, tổ chức sử dụng lao động, mức độ đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động và đã bổ nhiệm vào các vị trí quản lý mới cũng như có các hình thức khen thưởng phù hợp với vị trí làm việc của các học viên.

Để cải tiến và nâng cao khả năng có việc làm và nâng cao trình độ của người học đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội sau khi tốt nghiệp, Khoa Đào tạo sau Đại học đề xuất và thực hiện các biện pháp, tư vấn, giới thiệu, hỗ trợ người học tìm được việc làm, tăng mức độ đáp ứng yêu cầu công việc, qua đó nâng cao tỷ lệ có việc làm và định hướng sự phát triển tư duy cá nhân của người học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có hệ thống giám sát tỷ lệ việc làm, thăng tiến đối với học viên sau khi tốt nghiệp. Hầu hết học viên tốt nghiệp ngành Giáo dục học đều có việc làm phù hợp và mức độ thăng tiến phù hợp; Nhà trường đã đối sánh tỷ lệ có việc làm, thay đổi nghề nghiệp, thăng tiến theo từng năm khi học viên tốt nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh tỷ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm, thăng tiến hàng năm với cơ sở đào tạo trong nước còn hạn chế

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng kế hoạch, lấy số liệu đối sánh với các cơ sở có cùng chuyên ngành trong nước hàng năm để nâng cao chất lượng	Khoa ĐT SDH	Năm 2024-2025	

2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên tiến hành khảo sát mức độ tiến bộ trong kiến thức, kỹ năng, và những cải thiện về cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp của học viên cao học chuyên ngành GDH	Khoa ĐT SDH	Năm 2024-2025	
---	--------------------	---	-------------	---------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí: 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ chiến lược phát triển Trường nhằm định hướng các mặt hoạt động, trong đó có hoạt động NCKH của người học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng nghiên cứu của người học. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ của Nhà trường, đối tượng người học được xác định là học viên cao học chuyên ngành Giáo dục học, các công trình NCKH gắn với quá trình thực hiện nhiệm vụ luận văn **[H11.11.04.01]**.

Loại hình nghiên cứu khoa học của người học giai đoạn 2019-2023 Nhà trường được thống kê hàng năm và cho từng giai đoạn **[H11.11.04.02]** bao gồm: Tham gia nghiên cứu đề tài khoa học các cấp; viết bài báo khoa học trên các tạp chí/kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành, làm luận văn tốt nghiệp **[H11.11.04.03]**. Với mỗi loại hình nghiên cứu có những quy định riêng, chế độ theo dõi, giám sát chặt chẽ nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu.

Hàng năm, đơn vị chức năng tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường dành nguồn kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học của người học **[H11.11.04.04]**. Việc giám sát các hoạt động NCKH của người học được thực hiện theo các nội dung tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội **[H11.11.04.05]**. Trong đó, có quy định rõ các chỉ tiêu đánh giá đề cương, luận

văn thạc sĩ... tại các mẫu biểu cụ thể **[H11.11.04.06]**. Nội dung chi cho các hoạt động đào tạo thạc sĩ được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Nhà trường **[H11.11.04.07]**.

Cuối mỗi khóa đào tạo thạc sĩ, Nhà trường có báo cáo tổng kết khóa học nhằm có cái nhìn tổng quát về toàn khóa, cũng như rút kinh nghiệm nhằm cải tiến kết quả đầu ra cho các khóa học tiếp theo **[H11.11.04.08]** do Khoa Đào tạo sau đại học của Nhà trường xây dựng – là đơn vị quản lý trực tiếp đối tượng người học là thạc sĩ theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường **[H11.11.04.09]**.

Đặc biệt, Nhà trường tiến hành đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học của người học trong chu kỳ đánh giá và đối sánh với các trường có cùng chuyên ngành đào tạo trong khối các cơ sở đào tạo về lĩnh vực TDTT toàn quốc như: Trường Đại học Sư phạm TDTT TP. Hồ Chí Minh, để có cái nhìn tổng thể và khách quan về hoạt động nghiên cứu khoa học của người học, nhằm đề ra các định hướng, các giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và đề xuất/ đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học, lập dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH, các chính sách hỗ trợ tài chính nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường **[H11.11.04.10]**.

2. Điểm mạnh

NCKH của người học luôn được lãnh đạo Nhà trường quan tâm chú trọng và chỉ đạo, giám sát sao, kịp thời;

Hệ thống các văn bản quản lý các hoạt động NCKH của người học được xây dựng chặt chẽ, khoa học.

3. Điểm tồn tại

Nguồn kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường còn hạn chế do nguồn lực Nhà trường hạn hẹp, chưa khuyến khích được người học tham gia nghiên cứu, cũng như chất lượng các đề tài nghiên cứu chưa thực sự cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH của người học	Khoa Đào tạo sau đại học phối hợp với P.KHTC tham mưu, BGH phê duyệt	Từ năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bám sát các Quy chế/quy định về NCKH của người học nhằm quản lý, theo dõi, giám sát, động viên có hiệu quả hoạt động NCKH của người học.	Khoa Đào tạo sau đại học phối hợp với các đơn vị, cá nhân trong trường triển khai thực hiện	Từ năm 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Để đánh giá mức độ hài lòng các bên liên quan, Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội đã ban hành quy định và quy trình khảo sát trong đó quy định rõ các nội dung, mục đích, đối tượng, quy trình lấy ý kiến phản hồi và trách nhiệm của các bên liên quan [H.11.11.05.01], [H.11.11.05.02]

Hàng năm Phòng ĐBCL-TT&PC tham mưu cho nhà trường xây dựng kế hoạch phản hồi các bên liên quan triển khai đến các đơn vị trong nhà trường. Các phòng ban, khoa, trung tâm phối hợp triển khai đồng bộ, hiệu quả có chất lượng để điều chỉnh chương trình đào tạo GDH phù hợp với nhu cầu xã hội [H11.11.05.03].

Từ kế hoạch chung của nhà trường hàng năm, Phòng ĐBCL-TT & PC phối hợp với khoa ĐT SDH xây dựng kế hoạch khảo sát về hoạt động giảng dạy của giảng viên, công tác phục vụ đào tạo và trước tốt nghiệp, khảo sát về nghề nghiệp và mức

độ thăng tiến của cựu học viên sau khi tốt nghiệp ra trường. Việc triển khai lấy phiếu khảo sát trực tiếp đến từng học viên sau đó phiếu được xử lý số liệu và viết báo cáo khảo sát theo học kỳ, năm học **[H11.11.05.04],[H11.11.05.05], [H11.11.05.06]**.

Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ hài lòng của học viên đối với CTĐT đạt ở mức cao, cụ thể: Hài lòng về nội dung trong chương trình đào tạo được học viên đánh giá từ 4.58- 4.69 điểm cho thấy nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu của chuyên ngành đào tạo; Đánh giá về chất lượng giảng dạy được học viên đánh giá từ 4.621 đến 7.74 điểm cho thấy học viên rất hài lòng khi đánh giá chất lượng giảng dạy; Đánh giá về hoạt động phục vụ dạy và học được học viên đánh giá rất hài lòng đạt từ 4.14 đến 4.43 điểm **[H11.11.05.07]**.

Trước khi học viên tốt nghiệp phòng ĐBCL - TT & PC phối hợp với khoa ĐT SDH tổ chức lấy ý kiến khảo sát đánh giá về sự hài lòng của người học về chương trình đào tạo, về công tác quản lý và phục vụ đào tạo, về thư viện, trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Kết quả cho thấy người học đánh giá rất hài lòng về chương trình đào tạo, về trang thiết bị, cơ sở vật chất, thư viện và công tác quản lý của khoa ĐT SDH cũng như các phòng ban trong nhà trường, mức đánh giá các tiêu chí đạt trung bình 4.57 điểm **[H11.11.05.08], [H11.11.05.09]**.

Năm 2020 và 2022 nhà trường đã rà soát và điều chỉnh chương trình GDH. Qua 2 lần điều chỉnh chương trình nhà trường đã tổ chức hội nghị khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan như giảng viên giảng dạy, các chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu học viên và đại diện học viên các khóa đang học tập tại trường. Kết quả đánh giá của các bên liên quan hài lòng về chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo khoa học, linh hoạt và mềm dẻo, đảm bảo khối lượng kiến thức, phân bố nội dung hợp lý. Tuy nhiên, trong CTĐT cần bổ sung một số các môn tự chọn để phù hợp xu thế xã hội hiện nay. Việc tiếp nhận, lắng nghe tất cả các ý kiến đóng góp từ các bên liên quan một cách cầu thị, nghiêm túc thông qua các biên bản hội nghị để điều chỉnh chương trình đào tạo **[H11.11.05.10]**.

Để nâng cao chất lượng đào tạo nhà trường đã ban hành quy định về đối sánh **[H11.11.05.11], [H11.11.05.12]** trong đó có nội dung đối sánh về mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng đào tạo, tỷ lệ hài lòng của người học về hoạt động

giảng dạy của giảng viên. Nội dung đối sánh về CTĐT về mục tiêu chương trình, CDR, khối lượng kiến thức. Việc đối sánh hàng năm được các đơn vị thực hiện theo đúng quy định. Những kết quả đối sánh được cải tiến, nâng cao chất lượng, điều chỉnh chương trình đào tạo hợp lý hơn, khoa học hơn.

2. Điểm mạnh

Ý kiến phản hồi và mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác định, giám sát là cơ sở để Khoa ĐT SDH và Nhà trường cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Số liệu khảo sát mức độ hài lòng nhà tuyển dụng về CTĐT còn ít chỉ được lấy khi rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành lấy ý kiến của nhà tuyển dụng thường xuyên và rộng rãi hơn	Khoa ĐT SDH Phòng ĐBCL-TT&PC	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì hoạt động thu thập thông tin và cập nhật về mức độ hài lòng của các bên liên quan.	Khoa ĐT SDH Phòng ĐBCL-TT&PC	Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Kết luận về tiêu chuẩn 11

Nhờ có sự hỗ trợ thường xuyên và cải tiến kịp thời, số lượng HV ngành GDH có tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn cao từ 96% trở lên; 100% học viên cao học chuyên ngành GDH hoàn thành nhiệm vụ NCKH với những nội dung nghiên cứu đa dạng, có sự hỗ trợ và hướng dẫn đầy đủ từ phía Nhà trường và các thầy cô hướng dẫn. Kết quả NKCH của học viên đa dạng về hình thức. Nhà trường đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan về kết quả đầu ra của CTĐT thạc sĩ chuyên ngành GDH. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Nhà trường ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những điều chỉnh để cải tiến chất lượng. Bên cạnh đó, kết quả đầu ra CTĐT thạc sĩ chuyên ngành GDH còn một số hạn chế như: Nhà trường chưa thực hiện đối sánh trong nước và quốc tế về tỷ lệ thôi học/tốt nghiệp; thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên cao học chuyên ngành GDH. Nhà trường chưa ban hành quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên cao học chuyên ngành GDH.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Việc triển khai công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDH dựa trên các tiêu chuẩn do Bộ GD&ĐT ban hành có ý nghĩa quan trọng, góp phần nhận diện thực trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo và NCKH; qua đó thấy được những mặt mạnh, mặt tồn tại trong công tác quản lý, hoạt động đào tạo, chuyên môn của Khoa Đào tạo Sau Đại học. Trên cơ sở đó, Khoa đề xuất những giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT trong quá trình hoạt động của mình.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh, những điểm tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành GDH:

1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành Giáo dục học (lĩnh vực GDTC) được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của GDĐH được quy định tại Luật GDĐH.

Mục tiêu CTĐT định kỳ được rà soát, điều chỉnh, cập nhật để đáp ứng yêu cầu công việc thực tế của các đơn vị sử dụng lao động trong bối cảnh hội nhập.

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; trong đó đã đảm bảo được yêu cầu chung và chuyên biệt trong đào tạo đó là trang bị cho người học chuẩn kiến thức, kỹ năng và triển vọng nghề nghiệp.

CĐR của CTĐT được định kỳ cập nhật 2 năm/lần theo quy định và công bố công khai cho học viên.

CĐR của CTĐT được kịp thời bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc lấy các ý kiến phản hồi từ học viên, cựu học viên, chuyên gia; GV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của lĩnh vực GDTC, TDTT.

1.2. Bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT thạc sĩ ngành Giáo dục học đảm bảo đầy đủ nội dung và được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan.

Đề cương các học phần CTĐT thạc sĩ ngành GDH thể hiện đầy đủ các thông tin theo đúng quy định, được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với CTĐT của nhà trường.

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được nhà trường công bố công khai giúp cho các bên liên quan: cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học và cựu học viên tiếp cận dễ dàng và thuận tiện

1.3. Cấu trúc và nội dung CTDH

Chương trình dạy học được xây dựng phù hợp với yêu cầu của chuẩn đầu ra. Các đề cương trong từng học phần đều thể hiện sự gắn kết giữa dạy – học và đánh giá để đạt được CĐR.

CTDH thạc sĩ chuyên ngành GDH đã thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR một cách rất rõ ràng. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần của từng khối kiến thức với CĐR của chương trình đào tạo đã được thiết kế phù hợp để người học xác định được CĐR của từng học phần. Nội dung các học phần được lấy ý kiến phản hồi của người học để điều chỉnh, bổ sung, cập nhật vào CTDH

Các học phần trong CTDH Thạc sĩ GDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo

chương trình trở thành một khối thống nhất. 100% các môn học/học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. CTDH được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp

1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, Luật Giáo dục đại học, và chiến lược phát triển của Trường. Phổ biến qua hội nghị, tuần sinh hoạt, sổ tay giảng viên, sổ tay học viên, website, fanpage, pano, đạt hiệu quả cao với GV và HV (91.6% hiểu rõ, đồng ý). Triết lý được cụ thể hóa trong CTĐT, định hướng đào tạo gắn với thực tiễn ngành GDH.

Hoạt động dạy và học đã được thiết kế phù hợp, theo hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học để đạt được CĐR của của từng học phần hướng đến đạt được CĐR của CTĐT.

CTĐT và hoạt động dạy học chú trọng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu của HV, 100% học viên làm luận văn tốt nghiệp đạt kết quả tốt. Các đề tài NCKH, bài báo khoa học của học viên được khoa đào tạo SDH có cơ chế khuyến khích nhằm thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu của học viên.

1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường và Khoa Đào tạo sau đại học có hệ thống văn bản, quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học một cách rõ ràng, cụ thể bám sát các CĐR của học phần và của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt CĐR của chương trình đào tạo, cũng như CĐR của từng học phần.

Các quy định về KTĐG kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành Giáo dục học được xác định rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, tiêu chí đánh giá rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy và đảm bảo tính công bằng.

Kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được công bố đúng quy định và kịp thời.

Nhà trường có quy định rõ ràng về khiếu nại kết quả học tập và sinh viên dễ dàng tiếp cận quy trình khiếu nại kết quả học tập.

1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Nhà trường luôn quan tâm phát triển năng lực và phẩm chất đội ngũ GV đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH. Với quy trình tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm công khai minh bạch. Bên cạnh đó nhà trường đã có chiến lược về công tác quy hoạch, công tác cán bộ từ rất sớm. Do đó, việc xây dựng đội ngũ giảng viên có chiến lược, kế hoạch rõ ràng căn cứ đối chiếu và điều chỉnh bám sát tình hình thực tế phát triển của trường. Việc tuyển dụng, thu hút, luân chuyển và phát triển viên chức giảng dạy và GV hợp đồng được thực hiện tốt và theo đúng các quy định và hướng dẫn của liên bộ, Bộ GD&ĐT và Nhà trường. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho GV học tập nâng cao trình độ, thực hiện thi nâng bậc nâng ngạch.

GV của chương trình đào tạo ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ tích cực trong các hoạt động giảng dạy. Hoàn thành đủ định mức giảng dạy và NCKH. Cơ cấu đội ngũ đảm bảo các độ tuổi, nhiệt huyết, đảm bảo về trí lực và sức khỏe, cống hiến hết mình trong công tác giảng dạy và nghiên cứu. Nhà trường có quy định rõ ràng về số giờ giảng, khối lượng công việc tối thiểu và tối đa đối với đội ngũ GV; có các biện pháp giám sát khối lượng giảng để cải tiến hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học; Tỷ lệ HV/GV đảm so với quy định.

Nhà trường đã có các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV, bổ nhiệm, điều chuyển GV được xác định và được phổ biến công khai. Việc tuyển dụng và bổ nhiệm viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định của luật viên chức và quy định của nghị định Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức cũng như quy định của nhà trường. Bổ nhiệm vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường.

Nhà trường xác định rõ về năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng.

Nhà trường luôn chú trọng phát triển đội ngũ GV nên việc đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực được đặt lên hàng đầu; có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo...) và tích cực triển khai hiệu quả các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho GV.

Nhà trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV, không chỉ giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV được tốt. Toàn thể GV của các khoa đều hoàn thành vượt định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc được giao (nghiên cứu, giảng dạy và các công việc khác).

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được Nhà trường xác lập, giám sát và đối sánh hằng năm để cải tiến chất lượng. Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện vì vậy đã góp phần nâng cao chất lượng của các đề tài các cấp.

1.7. Đội ngũ nhân viên

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được Nhà trường thực hiện tốt đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong quá trình triển khai đã phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên; có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên; việc quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên... Vì vậy đội ngũ NV phục vụ hỗ trợ ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD có đủ về số lượng với năng lực, phẩm chất và trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu công việc. Đội ngũ NV có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Nhà trường có đầy đủ quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của CSGD

Nhà trường có quy trình, phương pháp, bộ công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên; việc thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan.

Nhà trường có các hoạt động xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên, đồng thời triển khai các hoạt động chính sách trong việc triển khai thực hiện để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được Nhà trường triển khai có hệ thống bao gồm cả khen thưởng và công nhận được triển khai để tạo động lực hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, nên giai đoạn đánh giá, đội ngũ nhân viên Nhà trường nói riêng luôn đảm bảo chất lượng, hiệu quả, nhiều nhân viên, người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được khen thưởng

1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường rõ ràng, minh bạch và được cập nhật hằng năm phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên có liên quan dễ dàng tiếp cận.

Có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được cập nhật theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ; những quy định về khối lượng học tập được thể hiện rõ trong chương trình đào tạo, kết quả đào tạo công khai, minh bạch và thực hiện nghiêm túc theo quy định.

Nhà trường có hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập được thực hiện thường xuyên và liên tục thông qua đội ngũ cố vấn học tập, chủ nhiệm lớp. Đồng thời, Nhà trường cũng luôn tổ chức lấy ý kiến của người học để điều chỉnh công tác giảng dạy của giảng viên góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhiều giải pháp được triển khai đồng bộ nhằm tạo lập môi trường tâm lý, xã hội thuận lợi, thoải mái cho việc học tập, NCKH và sinh hoạt của người học.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Thư viện tổ chức quản lý hệ thống tài liệu một cách khoa học và tạo điều kiện tốt nhất cho người sử dụng. Cán bộ thư viện đáp ứng tốt yêu cầu trong phục vụ và trong công tác chuyên môn.

Hệ thống phòng thí nghiệm được bố trí riêng, hệ thống sân tập, nhà tập đảm bảo tiêu chuẩn luyện tập và thi đấu. Có nội quy, quy định, hướng dẫn để đảm bảo hiệu quả sử dụng; Các trang thiết bị khá đầy đủ cho các phòng thí nghiệm, thực hành trong đó, các trang thiết bị của dự án công nghệ thông tin tương đối đầy đủ, hiện đại phục vụ tốt cho việc đào tạo sau đại học. Các trang thiết bị được thường xuyên đánh giá, kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo hoạt động tốt.

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn luôn được nhà trường quan tâm chú trọng xác định và triển khai có hiệu quả trong toàn trường; có Trạm y tế độc lập, trực thuộc Trường phục vụ tốt nhu cầu y tế ban đầu của cán bộ và HV; Trường có bộ phận chuyên trách làm công tác bảo vệ, có chuyên môn và tinh thần trách nhiệm; Trường có các kế hoạch, phương án cụ thể và phối hợp chặt chẽ với các lực lượng PCCC, an ninh của địa phương. Trật tự, an ninh trong Trường được đảm bảo.

1.10. Nâng cao chất lượng

Nhà trường định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi bằng phiếu khảo sát và tổ chức Hội nghị, hội thảo nhằm thu được nhiều nhất các thông tin phản hồi phục vụ quá trình thiết kế và phát triển chương trình đào tạo. Nhà trường đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp cũng như phản hồi tích cực của các bên liên quan, đặc biệt là những ý kiến trao đổi của các chuyên gia, các nhà sử dụng lao động về mức độ phù hợp của CTĐT với yêu cầu thực tế, từ đó làm căn cứ để điều chỉnh CTĐT, kế hoạch đào tạo và nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, giảng dạy đối với người học trong ngành đào tạo.

Trường có quy định về xây dựng, rà soát CDR của chương trình đào tạo, có sự tham gia của các bên liên quan để phù hợp với các quy định, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được giám sát và theo dõi định kỳ (thông qua quá trình lấy phiếu đánh giá từng học phần trong mỗi kỳ) và theo dõi đánh giá toàn diện (thông qua KS học viên năm cuối); Quy trình KTĐG được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và

nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực hiện chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và học viên.

Là một cơ sở giáo dục đại học, được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị trong Nhà trường các kết quả NCKH của Nhà trường có nhiều nội dung liên quan đến việc dạy và học, có thể áp dụng vào thực tiễn giảng dạy và học tập tại trường nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị và thông qua phiếu khảo sát, Trường đã tiến hành cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ này.

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định, quy trình về hoạt động khảo sát của các bên liên quan để điều chỉnh, cải tiến CDR, CTĐT, chất lượng dạy học và các dịch vụ hỗ trợ. Các kết quả khảo sát được xử lý, đánh giá và làm cơ sở để cải tiến liên tục, thường xuyên tất cả các hoạt động của Trường nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT và các hoạt động dạy học.

1.11. Kết quả đầu ra

Nhà trường đã có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp một cách khoa học chặt chẽ. Việc giám sát học viên thôi học, tốt nghiệp được giao cụ thể đến cá nhân trong khoa. Do vậy, tỷ lệ học viên tốt nghiệp, học viên thôi học được thông tin, công khai, cập nhật và đưa ra các biện pháp quản lý, hỗ trợ kịp thời. Do đó trong giai đoạn 2020-2023 tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm đạt ở mức cao.

Cơ sở dữ liệu về thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên cao học ngành GDH được theo dõi đầy đủ, kịp thời. Tỷ lệ tốt nghiệp của học viên đúng hạn trong thời gian 2 năm từ 96% trở lên cho thấy nhà trường đã có kế hoạch đào tạo phù hợp. Việc giám sát người học nghiêm túc, có cơ chế phối hợp theo dõi đôn đốc, động viên học viên hoàn thành đúng thời gian học tập theo chương trình đào tạo.

Nhà trường đã có hệ thống giám sát tỷ lệ việc làm, thăng tiến đối với học viên sau khi tốt nghiệp. Hầu hết học viên tốt nghiệp ngành Giáo dục học đều có việc làm

phù hợp và mức độ thăng tiến phù hợp; Nhà trường đã đối sánh tỷ lệ có việc làm, thay đổi nghề nghiệp, thăng tiến theo từng năm khi học viên tốt nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

NCKH của người học luôn được lãnh đạo Nhà trường quan tâm chú trọng và chỉ đạo, giám sát sao, kịp thời;

Hệ thống các văn bản quản lý các hoạt động NCKH của người học được xây dựng chặt chẽ, khoa học.

Ý kiến phản hồi và mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác định, giám sát là cơ sở để Khoa ĐT SDH và Nhà trường cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo.

2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Việc lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT chưa được đa dạng.

CĐR của CTĐT chưa được cập nhật một số kỹ năng chuyển đổi số cho người học trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

Trong quá trình lấy ý kiến của các bên liên quan, hình thức lấy ý kiến chưa đa dạng, số lượng các ý kiến của cựu học viên và các nhà tuyển dụng còn chưa nhiều.

2.2. Bản mô tả CTĐT

Trong quá trình xây dựng, cập nhật bản mô tả CTĐT phương pháp lấy ý kiến chưa đa dạng.

Tài liệu tham khảo, nguồn học liệu hỗ trợ cho người học về các học phần trong CTĐT chưa đa dạng và phong phú.

Khoa Đào tạo sau đại học chưa có trang thông tin điện tử riêng để công bố không khai Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần.

2.3. Cấu trúc và nội dung CTDH

Chưa tổ chức đa dạng các hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để điều chỉnh chương trình dạy học.

Chưa áp dụng chuyển đổi số vào công cụ hỗ trợ đánh giá kết quả học tập một cách hiệu quả.

CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc

quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp, tuy nhiên chưa được đa dạng

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Chưa ban hành quy định cụ thể về truyền tải triết lý giáo dục, dẫn đến thiếu tính hệ thống khi phổ biến tới nhà tuyển dụng và cựu HV. Hình thức phổ biến chưa đa dạng đối với các bên liên quan bên ngoài.

Các hoạt động dạy và học tuy đã đổi mới và thiết kế phù hợp nhưng còn chưa phong phú và đa dạng.

Một số giảng viên còn chưa quan tâm đúng mức đến việc bồi dưỡng khả năng tự học, tự nghiên cứu, học tập suốt đời cho học viên.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả cuối học phần chưa đa dạng hóa.

Hình thức công khai kết quả học tập chưa được công nghệ hóa.

Công tác rà soát nội dung đề cương học phần, phương pháp kiểm tra đánh giá cho một số ít học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn và đặc thù học phần.

Việc công bố kết quả kiểm tra đánh giá của người học mới được thực hiện trực tiếp thông qua bảng tin, chưa đưa được lên cổng thông tin do phần mềm quản lý đào tạo đang trong giai đoạn hoàn thiện.

Hiện nay, người học vẫn phải thực hiện các thủ tục khiếu nại trực tiếp do chưa tích hợp quy trình khiếu nại trực tuyến hoặc tích hợp với các phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường.

2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mặc dù Nhà trường đã tích cực trong việc thông báo, tuyển dụng CBGV có trình độ về công tác tại Khoa Đào tạo sau đại học, trực tiếp tham gia giảng dạy ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ. Tuy nhiên, do nhân sự về Giáo dục thể chất có học hàm, học vị chưa cao khan hiếm, nên việc tuyển dụng còn khó khăn

Lực lượng GV có học hàm GS, PGS còn thấp. Điều này ảnh hưởng đến tính chủ động trong hoạt động trong công tác nghiên cứu khoa học.

Việc tuyển đặc cách các ứng viên có trình độ cao từ tiến sĩ trở lên, có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực đào tạo của Trường còn thấp do nguồn kinh phí hạn hẹp

nên chưa có chế độ đãi ngộ, thu hút.

Mặc dù năng lực đội ngũ GV đã được xác định và đánh giá, nhưng Nhà trường chưa xây dựng được các chính sách hiệu quả nhằm thu hút cán bộ giảng dạy có trình độ cao cho ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ

Một số GV trong quy hoạch NCS chưa thực hiện đúng kế hoạch đi học, một số NCS phải kéo dài thời gian đào tạo, nhất là đối với các trường hợp được cử đi học tập tại nước ngoài.

Nguồn kinh phí của Nhà trường cho hoạt động khen thưởng đối với các công trình nghiên cứu công bố trên các tạp chí quốc tế chưa cao.

Hoạt động giảng viên làm chủ nhiệm đề tài NCKH các cấp còn ít; GV tham gia các buổi hội thảo quốc tế còn hạn chế.

2.7. Đội ngũ nhân viên

Trình độ tin học của một số NV còn hạn chế, do vậy khả năng hiệu quả hỗ trợ công tác hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu chưa được như mong muốn; nhất là mảng phục vụ thư viện để tiến hành chuyên đổi số.

Việc khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm chưa thường xuyên.

Nhà trường chưa triển khai đánh giá, phân loại nhân viên theo từng tháng, chưa xây dựng được văn bản phối hợp giữa các đơn vị trong việc điều hành, đánh giá chéo giữa các nhân viên để nâng cao hơn nữa hiệu quả lao động.

Nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng còn thấp; một số ít nhân viên còn tư tưởng ngại học tập

Do đặc thù về công tác phục vụ, nên định lượng công việc còn chưa cụ thể KPI; chưa có hệ thống công nghệ để giám sát thời gian lao động của nhân viên

2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chưa có phòng vấn đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hàng năm (mặc dù có đánh giá và dự báo nhu cầu nhân lực khi rà soát, cập nhật CTĐT).

Trường chưa tiến hành khảo sát đầy đủ các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

Hệ thống giám sát mới chỉ ghi nhận thống kê tiến độ học tập của học viên mà

chưa thực sự giám sát sự tiến bộ của người học.

Công tác tư vấn, hỗ trợ người học chưa thật sự đồng đều, vẫn còn tình trạng có học viên còn thụ động trong các hoạt động học tập và ngoại khóa.

Cơ sở vật chất còn bị xuống cấp do nhiều năm sử dụng, việc sửa chữa cải thiện, thay đổi, điều chỉnh còn chưa được thực hiện liên tục nên hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học của học viên đôi lúc bị ảnh hưởng

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Các phòng, Khoa có đầy đủ hệ thống phòng làm việc; Các phòng học và các phòng chức năng, nghiên cứu, thực hành... với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu chương trình đại học, sau đại học.

Kinh phí còn hạn chế nên việc đầu tư mới chưa được đồng bộ. một số công trình xuống cấp chưa được bảo trì do thiếu kinh phí. một vài môn học thể thao còn học ngoài trời bị ảnh hưởng bởi thời tiết.

Vẫn còn thiếu một số trang thiết bị chuyên sâu nhất là thiết bị cho môn học về Y học thể dục thể thao và một số thiết bị thể thao khác chưa được cập nhập theo các chương trình đào tạo tiên tiến phục vụ nghiên cứu khoa học và giảng dạy cho học viên sau đại học; Hệ thống sân tập, nhà tập một số hạng mục xuống cấp chưa đủ kinh phí đầu tư sửa chữa kịp thời đôi khi còn làm ảnh hưởng đến phục vụ giảng dạy và học tập.

Hệ thống CNTT của Nhà trường mặc dù được quản lý, cập nhật, tuy nhiên tính hiệu quả chưa cao, chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT, tất cả đều là kiêm nhiệm và không có đội ngũ kỹ thuật viên có trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực CNTT; Hệ thống CNTT về CSVC còn chưa đồng bộ và toàn diện giữa toàn trường, chưa có Internet miễn phí cho sinh viên dẫn đến sự liên kết giữa người học còn một số hạn chế; Việc bảo trì, sửa chữa các lỗi mạng truy cập thông tin nhà trường có lúc, có nơi còn chậm phần nào ảnh hưởng đến chất lượng quản lý đào tạo.

Do đặc thù là trường chuyên ngành TDTT nên không có yếu tố người khuyết tật. Việc hỗ trợ nhu cầu người khuyết tật chủ yếu tập trung hỗ trợ HV bị chấn thương trong quá trình học tập, thi đấu mới chỉ dừng lại ở sự bố trí các phòng học tầng 1.

2.10. Nâng cao chất lượng

Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi chưa được thường xuyên; hình thức lấy ý kiến chưa đa dạng, số lượng đơn vị sử dụng lao động được khảo sát còn hạn chế.

Các quy định chưa có nhiều thay đổi do phụ thuộc vào Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018

Ở một số học phần nội dung của các bài tập nhóm, bài tập cá nhân hoặc câu hỏi thảo luận cần được thực tiễn hóa nhằm giúp Học viên có tư duy pháp lý phù hợp với sự vận động của thực tiễn.

Nguồn kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường còn hạn chế do nguồn lực Nhà trường hạn hẹp, chưa thành lập được nhóm nghiên cứu mạnh hay đầu tư trọng điểm vào các đề tài lớn, do vậy, chưa khuyến khích được đội ngũ cán bộ, giảng viên và người học tham gia nghiên cứu, cũng như chất lượng các đề tài nghiên cứu chưa thực sự cao; Kết quả nghiên cứu khoa học của Nhà trường tuy áp dụng vào thực tiễn giảng dạy và học tập giúp cải tiến việc dạy và học nhưng lại không tạo ra sản phẩm thương mại hóa, không tạo ra doanh thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học.

Một số nhu cầu của người học mặc dù được đáp ứng đầy đủ nhưng đôi khi chưa kịp thời do cần phải chờ kết quả thẩm định từ phòng ban liên quan.

Một số học viên khi tham gia lấy ý kiến khảo sát về hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động của Trường đôi khi còn chưa được nhiệt tình, chưa thấy được trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia lấy ý kiến phản hồi.

2.11. Kết quả đầu ra

Việc đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp với các trường cùng chuyên ngành trong nước chưa được thường xuyên.

Nhà trường chưa ban hành quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên cao học chuyên ngành GDH. Chưa thực hiện đối sánh với các trường có cùng chuyên ngành nước ngoài về thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên cao học chuyên ngành GDH.

Việc đối sánh tỷ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm, thăng tiến hàng năm với cơ sở đào tạo trong nước còn hạn chế

Nguồn kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường còn hạn chế do nguồn lực Nhà trường hạn hẹp, chưa khuyến khích được người học tham gia nghiên cứu, cũng như chất lượng các đề tài nghiên cứu chưa thực sự cao.

Số liệu khảo sát mức độ hài lòng nhà tuyển dụng về CTĐT còn ít chỉ được lấy khi rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành GDH

3.1. Tiêu chuẩn 1

Xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan. Trong đó bổ sung thêm các hình thức lấy ý kiến.

Tập trung rà soát CDR của CTĐT, cập nhật một số kỹ năng chuyển đổi số cho người học.

Nhà trường sẽ thành lập kênh thông tin liên lạc riêng dành cho học viên và cựu học viên để có thể nắm bắt được tình hình hiện tại cũng như việc làm của học viên sau khi tốt nghiệp; Tiếp tục thực hiện lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan theo các kênh trực tiếp, online, qua email để từ đó đưa ra định hướng, kế hoạch điều chỉnh CDR phù hợp.

3.2. Tiêu chuẩn 2

Xây dựng kế hoạch rà soát và đa dạng hóa việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan như: sử dụng phiếu, tổ chức hội nghị, phỏng vấn qua điện thoại....

Bổ sung các tài liệu tham khảo, nguồn học liệu trong thư viện của Nhà trường

Xây dựng trang thông tin điện tử của Khoa Đào tạo sau đại học để công bố không khai Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần.

3.3. Tiêu chuẩn 3

Tổ chức đa dạng các hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để điều chỉnh chương trình dạy học

Áp dụng chuyển đổi số vào công cụ hỗ trợ đánh giá kết quả học tập cho học viên

Tham khảo thêm một số các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế

3.4. Tiêu chuẩn 4

Ban hành Quy định về truyền tải triết lý giáo dục. Mở rộng kênh phổ biến: lập Zalo, tổ chức 2 hội nghị/năm với nhà tuyển dụng và cựu HV.

Rà soát đề cương học phần, bổ sung phương pháp dạy học tích cực cho 30% các học phần trong CTDH; Khoa ĐT SĐH thường xuyên tổ chức trao đổi với GV giảng dạy để đổi mới, cập nhật các phương pháp, kỹ thuật và cách thức tổ chức hoạt động dạy học tiên tiến.

Rà soát đề cương học phần, Thường xuyên tổ chức semina giữa Khoa ĐT SĐH với giảng viên để nâng cao khả năng học tập suốt đời cho học viên.

3.5. Tiêu chuẩn 5

Đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Xây dựng hệ thống quản lý học tập thông qua phần mềm.

Thực hiện rà soát để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung đề cương học phần để phù hợp hơn với thực tiễn và đặc thù môn học.

Hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo; Trang bị phần mềm quản lý sinh viên

Nghiên cứu, triển khai tích hợp quy trình khiếu nại kết quả học tập của người học với phần mềm quản lý đào tạo, qua đó giúp người học gửi đi nhanh chóng các yêu cầu về khiếu nại kết quả học tập, rút ngắn các công đoạn hành chính qua đó kịp thời đảm bảo quyền lợi cho người học.

3.6. Tiêu chuẩn 6

Đảm bảo chiến lược thu hút tốt hơn nhân sự có trình độ về giảng dạy, trong đó tiếp tục rà soát, xây dựng Đề án mời các chuyên gia có trình độ cao đến từ các trường đại học tham gia giảng dạy; Có chiến lược thu hút tốt hơn nhân sự có trình độ chuyên môn cao về giảng dạy.

Tiếp tục tạo điều kiện tốt hơn nữa cho các GV có trình độ TS được phong hàm PGS trong thời gian sớm nhất.

Nghiên cứu ban hành các chính sách đãi ngộ, để thu hút GV có trình độ cao từ tiến sĩ trở lên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo

Nghiên cứu cải tiến cơ chế, chính sách nhằm thu hút cán bộ giảng dạy cho CTĐT ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ

Nghiên cứu đưa ra các giải pháp phòng ngừa rủi ro đối với các đối tượng được cử đi học tập, bồi dưỡng do chính sách các đơn vị đào tạo thay đổi.

Cần cân đối nguồn tài chính để tang mức khen thưởng đối với các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí quốc tế nhằm động viên, khuyến khích hơn nữa cho các GV trong NCKH.

Nghiên cứu các chính sách, tạo điều kiện về thời gian và kinh phí hỗ trợ tương xứng cho GV tham gia NCKH

3.7. Tiêu chuẩn 7

Triển khai việc đẩy mạnh cử nhân viên học tập, bồi dưỡng về: tin học và chuyên đổi số

Việc khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm chưa thường xuyên

Xây dựng quy định triển khai đánh giá, phân loại nhân viên theo từng tháng và quy định phối hợp giữa các đơn vị

Nghiên cứu tạo nguồn kinh phí để hỗ trợ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cho NV; tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức cho nhân viên về tự học, tự bồi dưỡng.

Xây dựng bộ công cụ để định lượng công việc KPI đánh giá hiệu quả NV.

3.8. Tiêu chuẩn 8

Tiến hành đánh giá, dự báo nhu cầu nhân lực hàng năm.

Xây dựng kế hoạch tiến hành khảo sát đầy đủ các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

Tăng cường quản lý, nâng cao vai trò trách nhiệm của chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập, định kỳ rà soát, đánh giá quy trình giám sát tiến độ học tập, rèn luyện của người học.

Xây dựng kế hoạch hợp lý để tư vấn, hỗ trợ, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giúp người học có thể tham gia đầy đủ.

Đề xuất Nhà trường đầu tư nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị cho thư viện, phòng thí nghiệm, phòng tự học để tạo môi trường dễ chịu, tâm lý thoải mái, khơi gợi hứng thú học tập, nghiên cứu cho học viên.

3.9. Tiêu chuẩn 9

Tăng cường đầu tư kinh phí trong việc phát triển, cải tạo, nâng cấp, bảo dưỡng

cơ sở vật chất;

Tăng cường đầu tư kinh phí trang bị thêm một số CSVC như: điều hòa phòng đọc, tủ trưng bày sách, máy tính khai thác tài nguyên thư viện.

Xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn, ngắn hạn; Hoàn thiện việc đầu tư phòng băng hình, phòng LAP và một số thiết bị Y sinh phục vụ nghiên cứu

Thường xuyên cải tiến, nâng cấp hệ thống mạng, đảm bảo yêu cầu về tốc độ và tính bảo mật của hệ thống.

Chuẩn hóa các hoạt động CNTT của đơn vị, ban hành quy trình cụ thể để thuận tiện theo dõi và thực hiện.

Tham mưu xây đường dốc các lối đi lên mỗi tòa nhà dạy học giúp cho HV chân thương dễ dàng di chuyển vào phòng học mà không cần phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người xung quanh.

3.10 Tiêu chuẩn 10

Hàng năm tổ chức triển khai lấy ý kiến rộng rãi đối với nhà tuyển dụng, cựu học viên, các chuyên gia...; Đa dạng các hình thức khảo sát: Tổ chức hội nghị, phiếu điều tra, đối thoại, zalo, email, điện thoại... làm cơ sở cho thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.

Trường chủ động trong việc xây dựng chiến lược phát triển CTĐT. Việc cải tiến và phát triển CTĐT sẽ được căn cứ theo chiến lược của Trường và ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Cần có điều chỉnh thực tiễn hóa nội dung của các bài tập nhóm, bài tập cá nhân hoặc câu hỏi thảo luận ở 1 số học phần trong CTĐT giúp Học viên có tư duy pháp lý phù hợp với sự vận động của thực tiễn

Tăng nguồn kinh phí đầu tư cho nghiên cứu khoa học; Tăng cường chất lượng nghiên cứu khoa học, phấn đấu tạo ra sản phẩm có thể thương mại hóa, tăng nguồn thu cho nghiên cứu khoa học .

Xây dựng Quy định về quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ.

Tăng cường tuyên truyền cho người học về trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động của Trường.

3.11. Tiêu chuẩn 11

Xây dựng kế hoạch, thực hiện việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học với một số trường có cùng chuyên ngành trong nước theo định kỳ để nâng cao chất lượng đào tạo.

Ban hành văn bản về quy trình giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên; Xây dựng kế hoạch triển khai đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên cao học chuyên ngành GDH với các trường trong nước để có chiến lược cải tiến chất lượng.

Xây dựng kế hoạch, lấy số liệu đối sánh với các cơ sở có cùng cùng chuyên ngành trong nước hàng năm để nâng cao chất lượng.

Tăng kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH của người học

Tiến hành lấy ý kiến của nhà tuyển dụng thường xuyên và rộng rãi hơn

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá Chương trình đào tạo

Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO
HÀ NỘI

Mã trường: TDH

Tên CTĐT: Giáo dục học

Mã CTĐT: 8140101

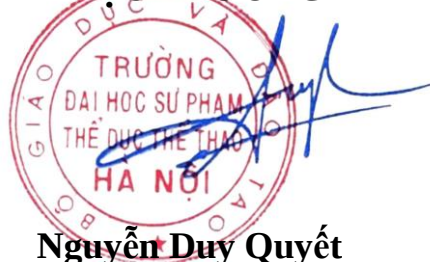
[illegible]

Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4	5	100
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2				4						
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4	7	100
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								5	5	100
Tiêu chí 7.1				5						
Tiêu chí 7.2				5						
Tiêu chí 7.3				5						
Tiêu chí 7.4				5						
Tiêu chí 7.5				5						
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								4,8	5	100
Tiêu chí 8.1				5						
Tiêu chí 8.2				5						
Tiêu chí 8.3				5						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				5						
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								4,2	5	100
Tiêu chí 9.1				5						
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						

Tiêu chí 9.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								4	6	100
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								4	5	100
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT GDTC								4,18	50	100

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Duy Quyết

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 7. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12 /2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội

Tiếng Anh: Hanoi University Of Physical Education and Sports

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: TDH

Tiếng Anh: HUPES

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Trung cấp Thể dục Thể thao (năm 1961); Trường Sư phạm Trung cấp Thể dục Thể thao (năm 1967); Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa Trung ương (năm 1971); Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa Trung ương (năm 1981); Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục Trung ương số 1 (năm 1985); Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Tây (năm 2003).

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Phụng Châu - Chương Mỹ - Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (024) 33866 058. Số fax (024) 33866 599

E-mail: tdh@moet.edu.vn Website: <https://hupes.edu.vn/>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): Thành lập năm 2023 tại Quyết định số 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2013

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Năm 2015

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒

Bán công ☐

Dân lập ☐

Tư thục ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập): Thành lập năm 2013, tại Quyết định số 508/2013/QĐ-ĐHSPTDTTHN, ngày 02/8/2013.

Tiếng Việt: Khoa Đào tạo Sau đại học

Tiếng Anh: Department of Postgraduate Education

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa Đào tạo Sau đại học

Tiếng Anh: Department of Postgraduate Education

14. Tên trước đây (nếu có):

Tiếng Việt: Khoa Đào tạo Tại chức và Sau đại học

Tiếng Anh: Department of In-Service and Postgraduate Education

15. Mã CTĐT: 8140101

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Giáo dục thể chất

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Phụng Châu - Chương Mỹ - Hà Nội.

18. Số điện thoại liên hệ: (024) 33866 058 Số fax: (024) 33866 599

E-mail:tdh@moet.edu.vn.Website: <https://hupes.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn: Thành lập năm 2009, tại Quyết định số 780/2009/QĐ-TCCB-CTCT.

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2013

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2015

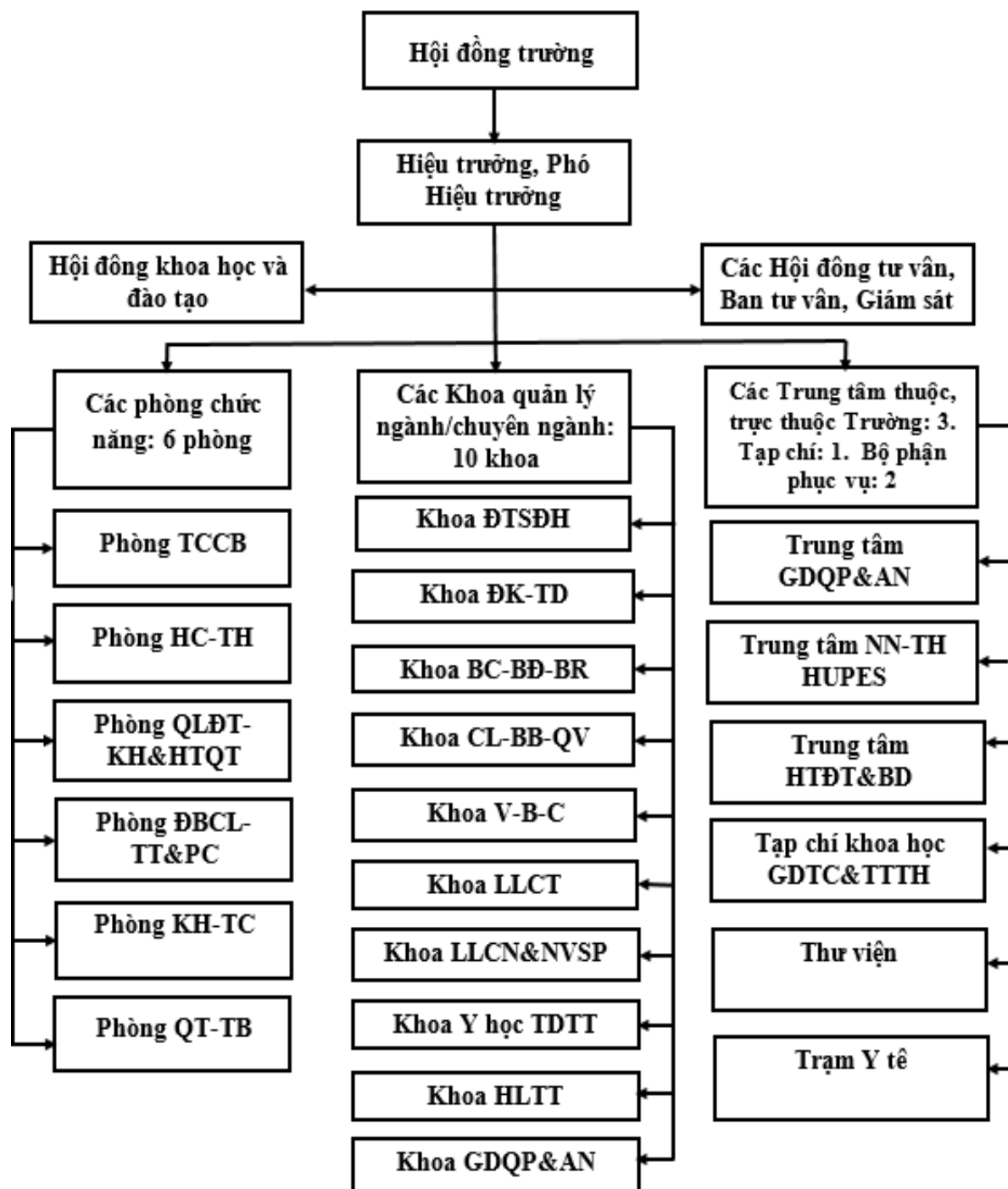
III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo 60140103

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Là đơn vị thuộc Trường, thành lập 2009, tại Quyết định số 780/2009/QĐ-TCCB-CTCT, năm 2013 được đổi tên thành Khoa Đào tạo Sau đại học, tại Quyết định số 508/2013/QĐ-ĐHSPTDTHN, ngày 02/8/2013. Khoa có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác đào tạo trình độ sau đại học; công tác nghiên cứu khoa học và các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, đơn vị liên tục được công nhận tập thể lao động xuất sắc, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng 02 Bằng khen; nhiều năm liền được Hiệu trưởng tặng Giấy khen có thành tích xuất sắc. Hiện Khoa đang thực hiện đảm nhiệm đào tạo 02 chương trình (ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ; ngành Giáo dục học trình độ tiến sĩ); Khoa có mối quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học trong nước và quốc tế, hằng năm tham mưu cho Nhà trường thực hiện các thỏa thuận hợp tác ký kết nhiều chương trình về hoạt động trao đổi hợp tác nghiên cứu khoa học.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT về Sơ đồ cơ

cấu tổ chức bộ máy Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hội đồng trường	Phùng Xuân Dũng	1984	PGS.TS, Chủ tịch Hội đồng trường	0966006768	Pxdung.tdh@moet.edu.vn
2	Ban Giám hiệu	Nguyễn Duy Quyết	1972	PGS.TS. Hiệu trưởng	0989531668	Ndquyet.tdh@moet.edu.vn
		Hương Xuân Nguyên	1971	TS. Phó Hiệu trưởng	0948762589	Hxnguyen.tdh@moet.edu.vn
		Nguyễn Mạnh Toàn	1979	TS. Phó Hiệu trưởng	0914821979	Nmtoan.tdh@moet.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Khoa đào tạo sau đại học	Đỗ Mạnh Hưng	1973	TS, Bí thư	0904171689	Dmhung.tdh@moet.edu.vn
II	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Chi bộ hành chính 1	Đỗ Mạnh Hưng	1973	TS, Bí thư	0904171689	Dmhung.tdh@moet.edu.vn
2	Công đoàn bộ phận hành chính 1	Nguyễn Thị Hoa	1984	ThS, Chủ tịch	0936799384	Nthoa.tdh@moet.edu.vn
III	Các khoa					
3	Khoa Y học TDTT	Đỗ Anh Tuấn	1973	TS, Trưởng khoa	0983372996	Datuan.tdh@moet.edu.vn
5	Khoa Lý luận CT	Lê Văn Liêm	1981	ThS, Trưởng khoa	0973563856	Lvliem.tdh@moet.edu.vn
6	Khoa CL-BB-QV	Mai Thị Ngoãn	1974	ThS, Trưởng khoa	0773225888	Mtngoan.tdh@moet.edu.vn
7	Khoa ĐK-TD	Phạm Anh Tuấn	1976	TS, Trưởng khoa	0963999296	Patuan.tdh@moet.edu.vn
8	Khoa Võ - Bơi - Cờ	Trần Dũng	1976	TS, Trưởng khoa	0912418488	Tdung.tdh@moet.edu.vn
9	Khoa BC-BĐ-BR	Trần Ngọc Minh	1980	TS, Trưởng khoa	0902036333	Tnminh.tdh@moet.edu.vn
10	Khoa LL CN&NVSP	Nguyễn Thu Nga	1975	TS, Trưởng khoa	0978933070	Ntnga.tdh@moet.edu.vn
	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUPES	Nguyễn Thị Hoài Mỹ	1980	ThS, Giám đốc	0985426959	Nxduc.tdh@moet.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 01 ngành

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 01 ngành (Giáo dục học)

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01 ngành (Giáo dục học)

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 03 ngành (Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Huấn luyện thể thao).

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình) Không

32. Tổng số các ngành đào tạo: 04

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	23	3	26
I.1	Đội ngũ trong biên chế	21	3	24
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	2	0	2
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	23	3	26

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	4	1	1	2	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	21	8	1	12	0	0
5	Thạc sĩ	3	1	0	2	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	28	10	2	16	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 28 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 19.8%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	4	1	1	2	0	0	7.8
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	21	8	1	12	0	0	25.2
5	Thạc sĩ	1	3	1	0	2	0	0	1.6
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		28	88	11	47	0	0	

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	04	14.29	4	0	0	0	1	1	2
3	Tiến sĩ khoa học	0	0.00	0	0	0	0	0	0	
4	Tiến sĩ	21	75.00	18	3	0	4	11	5	1
5	Thạc sĩ	3	10.71	0	3	0	0	3	0	0
6	Đại học	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	28	100	22	6	0	4	15	6	3

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 47.9 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 89.29

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 10.71

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	1.2	34.1
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	3.5	34.7
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	16.3	18.5
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	26.7	7.5
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	52.3	5.2
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020	69	69	1	66	Đợt 1:12,5; Đợt 2:12,5	14,5	3
2020-2021	32	32	1	32	11	13,4	11
2021-2022	38	38	1	37	Đợt 1:11,5; Đợt 2:13	13,7	3
2022-2023	43	43	1	41	Đợt 1:11,5; Đợt 2:12,5	14,0	4
2023-2024	38	38	1	36	Đợt 1:11,5; Đợt 2:12	13,4	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020 -2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh	-	3	9	10	15
2. Học viên cao học	122	118	91	84	120
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác ...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020 -2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	7	14	14	7	4
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	5,7	11,8	15,3	8,3	3,3

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	9180m ²	9180m ²	9180m ²	9180m ²	9180m ²
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	0	0	0	0	0
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	0	0	0	0	0
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	0	0	0	0	0

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
Số lượng (người)	58	53	69	43	40
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	100%	100%	100%	100%	100%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019	2020	2021	2022	2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	-	-	-	-	-
2. Học viên tốt nghiệp cao học	47	53	49	63	42
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019	2020	2021	2022	2023
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	47	53	49	63	42
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	95,9	92,9	84,4	91,3	97,6
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	100	100	100	100	100
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019	2020	2021	2022	2023
cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	98	94	96	92	97
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	2	6	4	8	3
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	-	-	-	-	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	100	100	100	100	100
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	0	0	0	0	0
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0	0	0	0	0

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	1 (B2018)	0	1 (B2020)	3 (B2021)	1 (B2023)	6
3	Đề tài cấp trường	0,5	13	8	8	4	3	18
	Tổng		14	8	9	7	4	24

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 24

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 24/146 (16.44%)

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao CN trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019-2020	0	0	0
2	2020-2021	0	0	0
3	2021-2022	0	0	0
4	2022-2023	0	0	0
5	2023-2024	0	0	0

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài

khoa học trong 05 năm gần đây (2020-2024):

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	14	9	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	1	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	15	9	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	2	0	0	6	9	25,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		2	0	0	6	9	25,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 25,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $25,5/28=0,91$

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	5	15	6	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	6	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	5	21	6	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	7	9	9	5	4	51
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	17	13	19	12	8	69
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	8	15	14	15	11	31,5
	Tổng		32	37	42	32	23	151,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 151,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $151,5/28=5,41$

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	7	20	16
Từ 6 đến 10 bài báo	1	3	4
Từ 11 đến 15 bài báo	0	1	0
Trên 15 bài báo	1	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	9	24	20

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					2019-2020
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	14	0	0	0	14
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	11	0	5,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	3	0	8	14	7	8
	Tổng		3	14	8	25	7	27,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 27,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $27,5/28=0,98$

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	14	11	16
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	14	11	16

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0
2023-2024	0
2024-2025	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	3	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 143.477 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 77.188 m² (giảng đường, hệ thống sân tập, nhà tập, nhà Thi đấu, bể bơi).

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²): Nơi làm việc: 74 m², Nơi học: 38.416 m² Nơi vui chơi giải trí: (sử dụng chung các sân tập)

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²):

- Tổng diện tích phòng học: 720 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $720 \text{ m}^2 / 115 (115 \text{ Th.s}) = 6.26 \text{ m}^2 / \text{người}$

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại trung tâm Thư viện: 2587 đầu sách

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): không có

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: (156 bộ)

- Trong đó MT dùng cho hệ thống văn phòng: 75 bộ

- Dùng cho người học học tập: 81 bộ

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 28

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 19,18

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 89,29

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 10,71

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 120

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 4,28

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 97,6

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 97

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 3

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 100

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 0

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 24/146 (16.44%)

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 24/146 (16.44%).

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $25,5/28=0,91$.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $151,5/28=5,41$.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $27,5/28=0,98$.

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0.7

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 6.26

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 0

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

PHỤ LỤC 1. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ, BAN THƯ KÝ VÀ CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI Số: <i>344</i> /QĐ-ĐHSPTDTHN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2024
--	---

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số: 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ, v/v thành lập trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Tây (nay là Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội);

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 96/NQ-HĐT ngày 31/03/2023 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra & Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục học, gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công và được hưởng theo quy định hiện hành. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH, CTHĐT;
- Lưu: VT, ĐBCL-TT & PC.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Nguyễn Duy Quyết

Phụ lục II

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

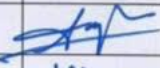
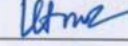
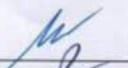
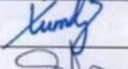
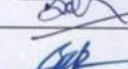
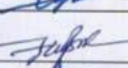
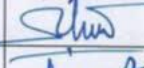
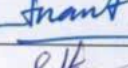
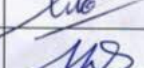
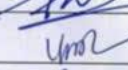
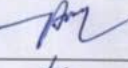
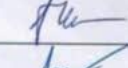
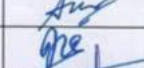
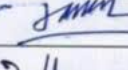
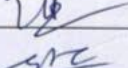
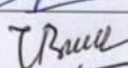
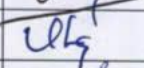
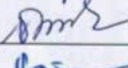
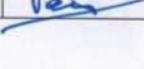
(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 02 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ths.Lê Học Liêm	TP. ĐBCL – TT & PC	Trưởng ban TK
2	Ths.Trần Thị Thanh Bình	P.TP ĐBCL – TT & PC	Phó trưởng ban TK
3	TS. Trần Văn Cường	TK. GDQP&AN	Thành viên
4	Ths.Nguyễn Thị Hằng	P.PTr P. QLĐT- KH & HTQT	Thành viên
5	TS. Trần Ngọc Minh	TK. BC-BĐ-BR	Thành viên
6	Ths.Nguyễn Văn Hưng	PTP. TCCB	Thành viên
7	CN.Nguyễn Minh Tư	TP. HCTH	Thành viên
8	Ths.Nguyễn Thị Minh Hạnh	T. Bộ môn Y sinh	Thành viên
9	Ths.Ngô Xuân Đức	PTP. QLĐT-KH & HTQT	Thành viên
10	Ths.Trần Thị Nhu	Giảng viên khoa LLCN	Thành viên
11	Ths.Hoàng Minh Thủy	TT BD&HTĐT	Thành viên
12	TS.Nguyễn Thu Nga	TK. LLCN & NVSP	Thành viên
13	CN.Nguyễn Thị Hiền	CV. ĐBCL	Thành viên

(Danh sách gồm có 13 người)

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO DỤC HỌC

(Kèm theo Quyết định số 314 /QĐ - ĐHSPTDTHN ngày 02 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội)

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS.Nguyễn Duy Quyết	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	TS.Nguyễn Mạnh Toàn	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch HĐ	
3	TS.Đỗ Mạnh Hưng	TK. Đào tạo SĐT	Phó chủ tịch HĐ Thường trực	
4	TS.Hướng Xuân Nguyên	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
5	PGS.TS.Phùng Xuân Dũng	CT. HĐT	Thành viên	
6	Ths. Lê Học Liêm	TP. ĐBCL - TT & PC	Thành viên	
7	Ths.Nguyễn Thành Chung	PTP.PT Phòng TCCB	Thành viên	
8	CN.Trịnh Duy Bình	TP. QITB	Thành viên	
9	Ths.Lê Quốc Trung	Trưởng Phòng KHTC	Thành viên	
10	Ths. Nguyễn Thị Hằng	PTP.PTP. QLĐT- KH & HTQT	Thành viên	
11	CN. Nguyễn Minh Tư	TP. HCTH	Thành viên	
12	TS.Phạm Anh Tuấn	TK. ĐK-TD	Thành viên	
13	Ths.Mai Thị Ngoãn	TK. CL-BB-QV	Thành viên	
14	TS.Trần Dũng	Phó PTr Khoa Võ-Bơi- Cờ	Thành viên	
15	TS.Trần Ngọc Minh	TK. BC-BĐ-BR	Thành viên	
16	TS.Đỗ Anh Tuấn	TK. Y học TDTT	Thành viên	
17	TS.Nguyễn Thu Nga	TK. LLCN & NVSP	Thành viên	
18	Ths.Lê Thị Vân Liêm	TK.LLCT	Thành viên	
19	TS. Mai Tú Nam	TK. HLTT	Thành viên	
20	Th.s Nguyễn Hoài Mỹ	GĐ.TT NN-TH	Thành viên	
21	Th.s Nguyễn Văn Hoàng	GĐ. TT HTĐT&BD	Thành viên	
22	Th.s Trần Thị Thanh Bình	PTP. ĐBCL - TT & PC	Thành viên	
23	TS. Trần Văn Cường	TK.GDQP&AN	Thành viên	
24	TS. Trần Mai Linh	Giảng viên	Thành viên	
25	Trần Thị Thanh Vân	Học viên K11	Thành viên	

(Danh sách gồm có 25 người)

PHỤ LỤC 2. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GDTC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 255 /KH-ĐHSPTDTTHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH Tự đánh giá chương trình đào tạo giáo dục học

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký kiểm định chất lượng.

Làm cơ sở nhà trường tiến hành tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng việc thực hiện CTĐT; xác định những điểm mạnh, tồn tại để từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT Giáo dục thể chất ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn:

Công văn hướng dẫn số 1074 & 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục đại học ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCLKĐCLGD;

Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

IV. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

a) Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT Giáo dục học được thành lập theo Quyết định số 314/QĐ-ĐHSPTDTTHN, ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, gồm có 25 thành viên (Danh sách kèm theo).

b) Chức năng, nhiệm vụ Hội đồng tự đánh giá

- Chủ tịch hội đồng: Chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội đồng; phê duyệt kế hoạch tự đánh giá; chỉ đạo quá trình thu thập thông tin, minh chứng, xử lý, phân tích và viết báo cáo tự đánh giá; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá;

- Phó chủ tịch hội đồng: Điều hành Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền.

- Các thành viên khác: do Chủ tịch Hội đồng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được giao.

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách của Hội đồng tự đánh giá CTĐT Giáo dục học được thành lập theo Quyết định số 314/QĐ-ĐHSPTDTTHN, ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội. Ban thư ký gồm có 13 thành viên, các nhóm công tác chuyên trách gồm 30 thành viên (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công nhiệm vụ

a) Ban Thư ký:

- *Trưởng ban thư ký:*

+ Chịu trách nhiệm chung về việc biên tập, tổng hợp các báo cáo từ các nhóm thành bản dự thảo báo cáo và chỉnh sửa theo góp ý để hoàn thiện báo cáo.

+ Lập kế hoạch hoạt động của Hội đồng theo phân công của Chủ tịch hội đồng, thay mặt chủ tịch hội đồng giám sát việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong Hội đồng và các nhóm chuyên trách. Chịu trách nhiệm chung về viết báo cáo sơ thảo và báo cáo cuối cùng.

- *Phó trưởng ban:* Giúp cho Trưởng ban Thư ký quản lý các công việc khi Trưởng ban Thư ký vắng mặt, cùng với Trưởng ban Thư ký viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung, đồng thời chịu trách nhiệm về kế toán thu chi cho Hội đồng Tự đánh giá và các nhóm công tác chuyên trách.

- *Các Thành viên ban thư ký:* Tổng hợp các ý kiến của nhóm chuyên trách, viết phiếu phân tích tiêu chí, phối hợp với các nhóm thu thập thông tin, minh chứng; viết phiếu đánh giá tiêu chí, điều tra khảo sát, phác thảo bản báo cáo tiêu chuẩn và tiêu chí, góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung; Thu thập dữ liệu khảo sát, xử lý dữ liệu khảo sát để thiết lập hệ thống dữ liệu số hóa.

b) Các nhóm công tác chuyên trách

- *Nhóm trưởng:* Điều hành chung, tổ chức họp nhóm khi cần thiết ngoài cuộc họp hội đồng chung, phân công và cử người thu thập minh chứng, chịu trách nhiệm chính thức về các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công, kế hoạch thực hiện, viết báo cáo về các

tiêu chuẩn, tiêu chí được giao của nhóm. Phân công thư ký nhóm mình phụ trách.

- *Thư ký nhóm:* Viết biên bản, phân loại và lưu giữ minh chứng, phác thảo bản báo cáo tiêu chuẩn và tiêu chí.

- *Thành viên nhóm công tác chuyên trách:*

Tìm minh chứng, xử lý dữ liệu, viết báo cáo theo từng tiêu chí do nhóm trưởng phân công.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	TC1: Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo TC2: Bản mô tả chương trình đào tạo Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT	TS. Đỗ Mạnh Hưng TS. Phạm Anh Tuấn TS. Phùng Mạnh Cường TS. Trần Ngọc Minh TS. Tô Tiến Thành	Từ 03/6 đến 01/9/2024	
2	TC3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học TC 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.	TS. Trần Văn Cường TS. Đỗ Anh Tuấn TS. Nguyễn Khắc Dược TS. Phạm Duy Hải TS. Trần Dũng		
3	TC5: Đánh giá kết quả học tập của người học. Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. TC 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.	TS. Nguyễn Thu Nga TS. Nguyễn Tiến Lợi TS. Trần Mai Linh TS. Nguyễn Thành Hưng TS. Mai Tú Nam		

C
 RÚC
 HỌC S
 DỤC T
 HÁ

4	TC6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên TC7: Đội ngũ nhân viên	Ths. Nguyễn Thành Chung Ths. Nguyễn Văn Hưng CN. Nguyễn Minh Tư CN. Lê Quỳnh Hòa CN. Lưu Thị Hải Yến		
5	TC 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.	CN.Trịnh Duy Bình CN. Phạm Thị Hoàng Liên CN. Nguyễn Hà Phương CN.Nguyễn Trần Minh Chi Ths.Lê Chí Nhân		
6	Tiêu chí 10.4: Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có hệ thống được đánh giá và cải tiến. TC 11: Kết quả đầu ra	Ths.Trần Thị Thanh Bình Ths. Trương Công Đức CN. Nguyễn Thị Vân Ths.Phạm Thị Linh Ths. Đinh Thị Thảo		

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá (nếu có)

1. Thời gian: Tháng 05/2024
2. Thành phần: Hội đồng tự đánh giá - Ban thư ký - Nhóm công tác
3. Nội dung, chương trình tập huấn:
 - Phổ biến hệ thống văn bản tự đánh giá Chương trình đào tạo
 - Quy trình và thủ tục tự đánh giá
 - Hướng dẫn tìm minh chứng, mã hóa, số hóa
 - Hướng dẫn viết phiếu đánh giá tiêu chí và báo cáo tự đánh giá.

VI. Kế hoạch huy động các nguồn lực

6.1. Xác định các nguồn nhân lực: Nguồn lực được huy động từ các viên chức và người lao động tại các đơn vị trong trường về tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình trong suốt quá trình tự đánh giá.

- Phòng HCTH bố trí mở các phòng họp khi Hội đồng, Ban thư ký, các nhóm có nhu cầu họp nhóm triển khai công việc tự đánh giá.

6.2. Xác định cơ sở vật chất:

Tận dụng cơ sở vật chất sẵn có của Nhà trường, các đơn vị
Mua thêm các dụng cụ (văn phòng) cần thiết cho công tác tự đánh giá trên cơ sở
lập dự trù kinh phí và xét duyệt của Nhà trường, cụ thể:

+ Giấy A4 (phục vụ in ấn báo cáo và các văn bản liên quan)	= 10 gram
+ Mực in:	= 01 hộp
+ Bìa đóng sổ:	= 01 gram
+ Bút bi:	= 50 cái
+ Hộp đựng hồ sơ các nhóm	= 50 hộp

6.3. Xác định tài chính: Kinh phí chi trả cho hoạt động tự đánh giá được lấy từ các nguồn do Nhà trường cấp được cụ thể như sau:

6.3.1. Kinh phí chi theo buổi họp

a. Kinh phí cho họp Hội đồng tự đánh giá (dự kiến họp 10 buổi):

$$25 \text{ người} \times 10 \text{ buổi} \times 50.000\text{đ/buổi} = 12.500.000\text{đ}$$

b. Kinh phí cho họp Ban thư ký (dự kiến họp 8 buổi):

$$13 \text{ người} \times 8 \text{ buổi} \times 50.000\text{đ/buổi} = 5.200.000\text{đ}$$

c. Kinh phí cho họp các nhóm tiêu chuẩn (dự kiến họp 6 buổi):

$$50.000\text{đ/người/buổi} \times 6 \text{ buổi} \times 30 \text{ người} = 9.000.000\text{đ}$$

$$\text{Cộng (a+b+c)} = 26.700.000\text{đ}$$

6.3.2 Kinh phí chi cho tập huấn

a. Mời báo cáo viên: 3 đợt, mỗi đợt 1-2 ngày, 1 báo cáo viên (theo chế độ báo cáo viên trong quy chế chi tiêu nội bộ)

$$1 \text{ người} \times 2.000.000\text{đ/buổi} \times 4 \text{ buổi/đợt} \times 3 \text{ đợt} = 24.000.000\text{đ}$$

b. Tài liệu dự kiến 3 đợt tập huấn cho các thành viên hội đồng, ban thư ký và các nhóm chuyên trách: 2.500.000/đợt

$$2.500.000 \times 3 \text{ đợt} = 7.500.000$$

$$\text{Cộng (a+b)} = 31.500.000\text{đ}$$

6.3.3 Kinh phí hợp đồng với các nhóm chuyên trách và Ban thư ký

a, Các nhóm chuyên trách thu thập minh chứng, viết báo cáo tiêu chí tiêu chuẩn cho báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục thể chất.

$$500.000\text{đ/tiêu chí} \times 50 \text{ tiêu chí} = 25.000.000\text{đ}$$

b, Ban thư ký biên tập, chỉnh sửa các tiêu chí, tiêu chuẩn, mã hóa, điều chỉnh, bổ sung minh chứng cho báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục thể chất

$$500.000\text{đ/tiêu chí} \times 50 \text{ tiêu chí} = 25.000.000\text{đ}$$

$$\text{Cộng (a+b)} = 50.000.000\text{đ}$$

$$\text{TỔNG CỘNG (6.3.1+6.3.2+6.3.3)} = 108.200.000\text{đ}$$

(Bằng chữ: Một trăm linh tám triệu hai trăm ngàn đồng chẵn)

VII. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Nguồn cung cấp	Kinh phí thực hiện	Thời gian
1	1,2,3,4	Điều tra khảo sát các bên liên quan: Nhà tuyển dụng, đại diện các tổ chức xã hội-nghề nghiệp và người học đã tốt nghiệp làm căn cứ để thiết kế chương trình đào tạo, chương trình dạy học	Nhà tuyển dụng, các tổ chức Xã hội-nghề nghiệp; Người học đã tốt nghiệp	Chi theo thực tế	Nhóm 1,2 xây dựng kế hoạch thời gian cụ thể

VIII. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài trường theo hợp đồng tư vấn.

- Thuê chuyên gia tư vấn ngoài trường có trình độ học vấn tiến sỹ trở lên và có kinh nghiệm/chứng chỉ được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận; Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung hợp đồng, chịu trách nhiệm về nội dung rà soát; các nội dung rà soát và tư vấn được thể hiện bằng văn bản.

- Trao đổi kịp thời những vướng mắc trong quá trình tổ chức rà soát; Tư vấn trực tiếp tại Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội.

- Kinh phí thỏa thuận giữa nhà trường và chuyên gia theo hợp đồng tư vấn.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT Giáo dục thể chất trong 6 tháng theo lịch trình sau:

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 Từ 29/4-5/5/2024	1. P.ĐBCL- TT & PC, Khoa ĐT SDH các khoa/trung tâm đề xuất danh sách các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm Công tác chuyên trách của CTĐT. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 2 Từ ngày 6-12/5/2024	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách (CTCT); - Thảo luận về kế hoạch tự đánh giá CTĐT để trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch tự đánh giá của CTĐT. - Tập huấn phần mềm cho Ban thư ký, các nhóm chuyên trách
Tuần 3-5 Từ ngày 13/5-2/6/2024	1. Mời báo cáo viên phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT 2. Tổ chức hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan 3. Hội đồng tự đánh giá đề thông qua: - Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá - Trình Hiệu trưởng phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá
Tuần 6-9 Từ 3/6-30/6/2024	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 10-16 Từ 01/7-18/8/2024	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 17-18 19/8-01/9/2024	Hội đồng tự đánh giá CTĐT phân công các thành viên: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;

Thời gian	Nội dung hoạt động
	- Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 19-20 Từ 02/9-15/9/2024	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất chỉnh sửa (nếu cần) 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các Khoa/bộ môn, Trung tâm, phòng ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 21-23 16/9-06/10/2024	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các Khoa/bộ môn, trung tâm, phòng ban, ...) trong nhà trường và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các khoa/bộ môn, trung tâm, phòng, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học trong nhà trường đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 24 07/10-12/10/2024	1. Nhà trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Nhà trường, Khoa ĐT SDH, các khoa/TT bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo của Trường, Hiệu trưởng yêu cầu Ban thư ký, các nhóm chuyên trách, Trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai nội dung theo đúng tiến độ Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- BGĐĐT (để b/c);
- HĐT, BGH (để c/đ);
- Hội đồng TDG, BTK, các nhóm chuyên trách (để t/h);
- Các phòng, Khoa, Trung tâm (để p/h);
- Lưu: VT, ĐBCL-TT&PC, Khoa ĐT SDH.


HIỆU TRƯỞNG
 Nguyễn Duy Quyết

CÁC BẢNG BIỂU TỔNG HỢP THỐNG KÊ

Bảng	Nội dung	Trang
3.1	Ma trận mối liên hệ giữa CĐR và các học phần trong CTDH	32
3.2	Ma trận mối liên hệ giữa CĐR và các học phần trong CTDH	35
3.3	Sự tương thích giữa CĐR của học phần Phương pháp Huấn luyện thể thao	36
3.4	Phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá của học phần tuyển chọn TT	37
3.5	Mô tả các khối kiến thức (phiên bản năm 2022)	39
4.1	Sự chuyển tải ý nghĩa triết lý giáo dục vào CĐR của CTDH	42
4.2	Mối quan hệ giữa CĐR của CTĐT và phương pháp giảng dạy - học tập	46
4.3	Hoạt động dạy và học phù hợp với CĐR của CTĐT (PLO)	46
4.4	Minh họa sự tương thích giữa CĐR của chương 1 và nội dung, phương pháp giảng dạy, đánh giá của học phần Y học TĐTT	47
4.5	Kết quả phản hồi sự hài lòng của HV về hoạt động giảng dạy của GV	48
4.6	Phân loại chi tiết hoạt động dạy và học HP Sinh lý học TĐTT	51
4.7	Hoạt động NCKH của học viên ngành GDH	51
4.8	Kết quả phản hồi sự hài lòng của HV về hoạt động giảng dạy của GV	52
5.1	Tiêu chí đánh giá thuyết trình	60
5.2	Tiêu chí đánh giá tiểu luận	61
5.3	Mức độ hài lòng của người học về kiểm tra đánh giá	62
5.4	Mức độ hài lòng của học viên trước tốt nghiệp về kiểm tra đánh giá	65
6.1	Thống kê học hàm/học vị trình độ đào tạo của giảng viên	72
6.2	Thống kê số lượng, loại hình hình nghiên cứu khoa học của CB, GV và người học giai đoạn 2019-2023	92
6.3	Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm (2019-2024)	93
8.1	Thống kê tổng số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây	112

9.1	Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo	127
9.2	Tỷ trọng Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giai đoạn 2019-2024	129
10.1	Thống kê số lượng, loại hình hình nghiên cứu khoa học của CB, GV và người học giai đoạn 2019-2023	155
10.2	Thống kê số lượng GT/TBG/TLTK/SCK của CB, GV	156
11.1	Thống kê tỷ lệ HV tốt nghiệp ngành GDH trong giai đoạn 2019 – 2023	164
11.2	Thống kê tỷ lệ thôi học của HV ngành GDH trong giai đoạn 2019-2023	165
11.3	Số lượng học viên tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình của học viên cao học chuyên ngành GDH giai đoạn 2019-2023	167
11.4	Thống kê tỷ lệ Học viên có việc làm , thăng tiến, thay đổi nghề nghiệp sau 12 tháng tốt nghiệp (%)	170

